

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC PHỐ
(1975 - 2010)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC PHỐ**
(1975 - 2010)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC PHỔ
(1975 - 2010)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2013

Chỉ đạo nội dung
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐỨC PHỔ

Chỉ đạo biên soạn
NGUYỄN ĐÌNH
HUỲNH QUÝ
LÊ VĂN MÙI

Chủ biên
ThS. VÕ VĂN HÀO

Tham gia biên soạn
ThS. PHAN VĂN HIẾU
ThS. TRẦN ĐÌNH CẢM
ThS. NGUYỄN THỊ THÚY HƯƠNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đầy hy sinh, gian khổ, ngày 23-3-1975 huyện Đức Phổ được hoàn toàn giải phóng. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Trung ương và trực tiếp là Đảng bộ huyện, nhân dân Đức Phổ phát huy truyền thống yêu nước, cần cù trong lao động, anh dũng trong chiến đấu đã cùng nhân dân cả nước tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước ổn định cuộc sống và xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Chặng đường 35 năm (1975-2010) cùng cả nước xây dựng đất nước, thực hiện đường lối đổi mới và tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một quá trình phấn đấu gian khổ, đầy khó khăn, thử thách và trưởng thành trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện Đức Phổ. Những thành tựu và thắng lợi to lớn đạt được trong 35 năm qua đã tiếp tục làm rạng danh truyền thống vẻ vang của Đảng bộ huyện Đức Phổ, góp phần tô đậm những trang sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện Đức Phổ, các tầng lớp nhân dân trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo để xây dựng Đức Phổ ngày càng vững mạnh về kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước bảo đảm thực hiện an sinh xã hội.

Nhằm góp phần tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Đức Phổ, đặc biệt là thế hệ trẻ, Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Phổ phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tổ chức biên soạn, xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ (1975-2010)***.

Nội dung cuốn sách phản ánh khá đầy đủ, toàn diện hoạt động của Đảng bộ huyện Đức Phổ từ sau ngày giải phóng đến năm 2010. Các sự kiện được nêu có chọn lọc, làm nổi bật vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện trong việc vận dụng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Cuốn sách là một tài liệu có giá trị giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu một giai đoạn lịch sử của Đảng bộ huyện Đức Phổ, đồng thời, là một trong những công trình chào mừng 84 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của Đảng bộ huyện.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình sưu tầm, biên soạn, biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi còn thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau của cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Đức Phổ, vùng đất cực nam của tỉnh Quảng Ngãi. Trải qua các thời kỳ lịch sử, nhân dân Đức Phổ đã vun đắp nên những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần to lớn, góp phần làm rạng rỡ truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước. Đức Phổ là nơi Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra đời, đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng ngay từ năm 1930, khi Đảng ta mới thành lập.

Tổng kết toàn bộ lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ từ khi ra đời là một nhiệm vụ cần thiết nhằm góp phần giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân trong huyện qua các thời kỳ lịch sử. Năm 1995, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức sưu tầm tài liệu, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ (1930-1975)* và đã chỉnh biên, tái bản năm 2005.

Để tổng kết quá trình Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 35 năm (1975-2010), rút ra những kinh nghiệm, những bài học, những vấn đề có tính thực tiễn trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên quê hương Đức Phổ, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức sưu tầm tài liệu, nghiên cứu, biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ (1975-2010)*.

Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ giai đoạn 1975-2010 là sự nối tiếp của Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn 1930-1975, tạo nên dòng chảy lịch sử xuyên suốt 80 năm (1930-2010) kể từ khi Đảng bộ huyện ra đời đến 10 năm đầu thế kỷ XXI. Đây là kết quả của quá trình nghiên cứu công phu, kết tinh trí tuệ tập thể của Ban Thường vụ Huyện uỷ, các đồng chí cán bộ lãnh đạo huyện qua các thời kỳ, các đồng chí có quá trình nghiên cứu lịch sử Đảng trong và ngoài tỉnh.

Cuốn sách gồm 8 chương, phần kết luận và phụ lục, đã trình bày một cách cô đọng, tương đối hệ thống quá trình lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ huyện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân giai đoạn 1975-2010, rút ra những thành tựu đã đạt được, những tồn tại, khuyết điểm trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước qua các thời kỳ cách mạng. Phần kết luận, cuốn sách đánh giá tổng quát quá trình lãnh đạo của Đảng bộ, rút ra một số bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng từ năm 1975 đến năm 2010.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn nhưng do điều kiện tư liệu và thời gian có hạn nên cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế về nội dung, hình thức và phương pháp thể hiện, Ban Thường vụ Huyện uỷ rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, nhân dân và bạn đọc trong và ngoài huyện, tiếp tục cung cấp thêm tư liệu có liên quan đến lịch sử Đảng bộ huyện trong giai đoạn lịch sử quan trọng này để lần tái bản sau được bổ sung đầy đủ hơn.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn về tổng hợp, xử lý tài liệu, đánh giá các sự kiện nhưng Ban Thường vụ Huyện uỷ đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, cho ý kiến từng vấn đề cụ thể để cuốn sách được hoàn thành. Ban Thường vụ Huyện uỷ chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo huyện qua các thời kỳ, các tổ chức và cá nhân đã giúp đỡ, cung cấp tài liệu và góp ý nội dung cuốn sách.

Chào mừng 84 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2014), chào Xuân Giáp Ngọ - 2014, Ban Thường vụ Huyện uỷ xin trân trọng giới thiệu với đồng chí, đồng bào và bạn đọc cuốn sách này.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY ĐỨC PHỐ

Chương I

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, TỪNG BƯỚC ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG (3-1975 - 1976)

I. ĐỨC PHỔ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG, TIẾP TỤC CỦNG CỐ, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG, TRẤN ÁP BỌN PHẢN CÁCH MẠNG

Sau gần một phần tư thế kỷ (1954-1975) tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đầy hy sinh, gian khổ, ngày 23-3-1975 quê hương Đức Phổ đã hoàn toàn được giải phóng. Đây là một sự kiện trọng đại, mở ra bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn đưa phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ bước vào kỷ nguyên phát triển mới trong bối cảnh cả nước thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong những ngày đầu sau khi Đức Phổ được giải phóng hoàn toàn, đồng thời với tập trung củng cố chính quyền, truy quét tàn quân địch, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện tập trung động viên nhân dân tham gia các hoạt động ủng hộ các đơn vị lực lượng vũ trang trên đường tiến

vào các tỉnh phía nam tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Những ngày cuối tháng 4-1975, dọc quốc lộ 1A, nhân dân Đức Phổ tổ chức các điểm đón tiếp bộ đội trên đường hành quân thần tốc giải phóng miền Nam, hưởng ứng Tuần lễ đặc biệt do Tỉnh ủy phát động, với tinh thần "Tất cả vì sự nghiệp giải phóng miền Nam", "Quyết chiến, quyết thắng để quốc Mỹ và nguy quyền tay sai".

Ngày 30-4-1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc thắng lợi, non sông thu về một mối, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ và nhân dân trong huyện tập trung vào việc ổn định tình hình, xây dựng chính quyền cách mạng, lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, từng bước khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Quá trình đó diễn ra trong bối cảnh Đức Phổ có những thuận lợi rất cơ bản.

Thuận lợi cơ bản nhất là quê hương đã hoàn toàn giải phóng. Chính quyền cách mạng đã được thiết lập từ huyện đến tất cả các địa phương cơ sở. Khí thế chiến thắng tràn ngập trong mỗi người, mỗi nhà, khắp các vùng trong huyện, đã làm cho niềm tin của nhân dân vào chế độ mới mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Nhân dân Đức Phổ, với gần 10 vạn người luôn đi đầu trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược; thông minh, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống.

Đảng bộ Đức Phổ, với hơn 1.000 đảng viên, được tôi luyện, thử thách trong chiến tranh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tổ chức đảng vững mạnh, được nhân dân tin tưởng, luôn là lực lượng tiên phong trong các thời kỳ cách mạng.

Đội ngũ cán bộ của huyện lại được bổ sung, tăng cường bởi hàng trăm cán bộ từ các nhà tù, trại giam của chế độ cũ, các cán bộ tập kết ra Bắc trở về xây dựng quê hương.

Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ còn được sự chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, Khu uỷ, sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng chế độ mới của Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Chương và tỉnh Nghệ An kết nghĩa; là huyện có tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế ở cả ba vùng đồng bằng, đồi núi trung du và biển; có hệ thống giao thông thuận lợi cả về đường sắt, đường bộ, đường thuỷ.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, bước vào thời kỳ cách mạng mới Đảng bộ và nhân dân trong huyện gặp không ít khó khăn, thử thách.

Trước hết là hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề. Trong chiến tranh, Đức Phổ là một trong những địa bàn trọng điểm bị Mỹ - ngụy tập trung đánh phá ác liệt. Chúng liên tục tổ chức các cuộc càn quét, đánh phá làm cho nhân dân, nhất là ở vùng giải phóng bị mất nhà cửa. Ruộng, vườn bị cày ủi trắng để lập vành đai bảo vệ căn cứ của Mỹ - ngụy. Cầu cống, đường sá, các công trình thuỷ lợi bị tàn phá, hư hỏng. Hàng nghìn hécta ruộng đất bị hoang hóa, bị bom mìn, vật liệu nổ phong toả. Sau giải phóng, toàn huyện có hơn 30.000 người từ các khu đồn, áp chiến lược trở về quê cũ chưa có nhà ở, việc làm ổn định; 6.560 người thiếu đói, 761 người sống nhờ cứu tế; 12.000 người bị thương tật, hàng vạn lượt

người bị địch bắt bớ, đánh đập, tra tấn, mất khả năng lao động. Hàng nghìn ngư dân, diêm dân mất hết tài sản, tàu thuyền, ngư lưới cụ, công cụ sản xuất, hàng chục mẫu ruộng muối bị huỷ hoại, bỏ hoang. Việc học tập, chữa bệnh cho nhân dân cũng trong tình trạng hết sức khó khăn. Toàn huyện có 3.455 người, chiếm 9,3% tổng số người từ 12 đến 50 tuổi bị mù chữ¹. Đội ngũ thầy thuốc, thầy giáo, trường lớp học, cơ sở khám, chữa bệnh thiếu thốn, tạm bợ.

Tình hình chính trị, trật tự an ninh hết sức phức tạp. Tuy chế độ cũ đã hoàn toàn bị tan rã, hàng nghìn binh lính, nhân viên trong bộ máy chính quyền cũ được đưa đi học tập, cải tạo để hưởng chính sách khoan hồng của chính quyền cách mạng, nhưng một số tàn quân vẫn ngoan cố, tiếp tục móc nối hoạt động phá hoại gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân.

Đến cuối năm 1976, trên địa bàn huyện Đức Phổ, chính quyền cách mạng đã tổ chức giáo dục, cải tạo gần 4.000 người đã từng tham gia chế độ cũ, trong đó cải tạo tập trung tại huyện 2.172 người; phóng thích hàng nghìn người, trong đó hầu hết được khôi phục quyền công dân. Cơ quan an ninh huyện quản lý 495 tên tham gia các đảng phái dưới chế độ cũ².

Chiến tranh còn để lại hậu quả hết sức nặng nề về đời sống vật chất và tinh thần. Mặc dù được giáo dục, cải tạo, khôi phục quyền công dân nhưng vẫn còn một số người trước

1. Dân số toàn huyện có 96.760 người, trong đó số người từ 12 đến 50 tuổi là 36.839.

2. Quốc dân Đảng 128 tên, Đảng Dân chủ 325 tên, Nhân xã Đảng 29 tên và một số tên tham gia một số đảng phái khác.

đây tham gia chế độ cũ chưa thực sự tin tưởng chính sách khoan hồng của chính quyền cách mạng, lo sợ bị cách mạng trả thù, phân biệt đối xử. Do đó, họ còn mang tâm trạng mặc cảm, xa lánh, bất hợp tác với chính quyền cách mạng. Tư tưởng, lối sống trong xã hội thực dân mới, tàn dư văn hóa đồi trụy, phản động, các tệ nạn xã hội, các tập tục lạc hậu chưa được xoá bỏ.

Mặt khác, chuyển từ chiến tranh sang hòa bình xây dựng quê hương, hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng chưa được kiện toàn, củng cố kịp thời; đội ngũ cán bộ thiếu về số lượng và kinh nghiệm quản lý, điều hành; một bộ phận cán bộ, đảng viên có tư tưởng nghỉ ngơi, cầu an, mất cảnh giác, vun vén cá nhân. Đúng như Đảng ta nhận định: *“làm cho công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong buổi đầu, đứng trước nhiều khó khăn và cuộc đấu tranh giai cấp để giải quyết vấn đề “ai thắng ai” rất gay go và phức tạp”*¹.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ vừa phát huy thuận lợi cơ bản, vừa khắc phục những khó khăn, thử thách, nhanh chóng ổn định trật tự xã hội, thực hiện công cuộc khôi phục sản xuất, củng cố chính quyền, bảo đảm nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân.

Quán triệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt do Hội nghị Tỉnh ủy đề ra ngày 15-4-1975 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, số 247-NQ/TW, ngày 29-9-1975 về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.37, tr.506-507.

Đảng bộ huyện Đức Phổ xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt là tích cực chỉ đạo các cấp chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng tổ chức các đợt học tập chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của chính quyền cách mạng, phát động nhân dân tố giác bọn phản động còn lẩn trốn, tích cực tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân. Được sự giúp đỡ của nhân dân, đến cuối năm 1976, lực lượng vũ trang huyện phối hợp tổ chức 4 đợt truy quét cao điểm và nhiều đợt truy quét khác. Kết quả huyện Đức Phổ đã phát hiện, bắt 11 tên nguy quân, nhân viên nguy quyền thuộc loại nguy hiểm còn lẩn trốn, lập danh sách 1.500 tên cần phải theo dõi, quản lý; phát hiện, thu giữ nhiều tài sản, vũ khí, vật liệu nổ.

Trong quá trình tiếp quản tài sản do chế độ cũ để lại, hầu hết cán bộ, đảng viên, chiến sĩ được giao nhiệm vụ đã giữ nghiêm kỷ luật, thực hiện tốt việc tiếp quản, giữ gìn các tài sản, cơ sở vật chất. Các thôn, xã lập ban phụ trách chiến lợi phẩm, quản lý, phân phối, kiểm tra việc sử dụng các loại tài sản. Việc tổ chức truy quét, bắt giữ tàn quân địch còn lẩn trốn, kết hợp với thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo đối với những người tham gia chế độ cũ đã ngăn chặn kịp thời âm mưu, thủ đoạn nhen nhóm hoạt động phá hoại của địch, góp phần giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội sau giải phóng. Uy tín của chính quyền cách mạng được nâng lên.

Đi đôi với nhiệm vụ trấn áp bọn phản cách mạng, Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh, từng bước thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước trên từng địa bàn. Đến cuối năm 1975, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách của một huyện vừa mới giải phóng, Đảng bộ đã lãnh đạo tổ chức

thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Toàn huyện có trên 99% cử tri đi bầu cử, 289 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân xã. Do chưa bầu cử được Hội đồng nhân dân cấp huyện, nên đồng chí Nguyễn Đức Lợi tiếp tục giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng huyện. Các phòng, ban chức năng của Ủy ban nhân dân cách mạng huyện được hình thành và từng bước đi vào hoạt động.

Kết quả của cuộc bầu cử là một thắng lợi chính trị vô cùng to lớn khẳng định ý chí, nguyện vọng, niềm tin của nhân dân vào chính quyền dân chủ nhân dân được lập ra sau hàng chục năm kiên cường đấu tranh chống quân xâm lược và bè lũ tay sai.

Cùng với củng cố, kiện toàn về tổ chức các cơ quan chính quyền, thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ huyện lãnh đạo tiến hành sáp nhập một số thôn, xã. Các thôn Quy Thiện, Vĩnh An, Phước Điền thuộc xã Phổ Hiệp nhập trở lại xã Phổ Khánh; thôn Thủy Thạch nhập trở lại xã Phổ Cường; xã Phổ Châu nhập lại xã Phổ Thạnh; xã Phổ An và Phổ Quang nhập thành xã Phổ An Quang. Trước ngày giải phóng, huyện Đức Phổ có 15 xã, sau khi sáp nhập có 12 xã là Phổ Thuận, Phổ Phong, Phổ Văn, Phổ Ninh, Phổ Nhơn, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Hoà, Phổ Khánh, Phổ Cường, Phổ Thạnh và Phổ An Quang.

Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình.

Đầu năm 1976, thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Đảng bộ huyện Đức Phổ tập trung lãnh đạo nhân dân tích cực chuẩn bị tham gia cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả

nước. Ngày 25-4-1976, thực sự là ngày hội thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam sau hàng thập kỷ đất nước bị chia cắt. Cùng với cử tri cả nước, cử tri trong tỉnh, cử tri huyện Đức Phổ nô nức đi bầu cử đại biểu Quốc hội chung thống nhất. Cuộc Tổng tuyển cử là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, là thắng lợi của lòng quyết tâm thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Nam - Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà!”¹.

Tại kỳ họp thứ nhất diễn ra ngày 24-6-1976 - 3-7-1976, ngày 2-7-1976, Quốc hội quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi tên Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp ở miền Nam thành Ủy ban nhân dân. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng hai miền Nam - Bắc cũng tiến hành hợp nhất. Từ đây, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể huyện Đức Phổ cũng được đổi tên². Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo củng cố Ủy ban nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể quần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.14, tr.698.

2. Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Đức Phổ đổi tên thành ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ. Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Đức Phổ đổi thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đức Phổ. Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng huyện Đức Phổ đổi tên thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Đức Phổ. Công đoàn giải phóng huyện Đức Phổ đổi thành Công đoàn huyện Đức Phổ. Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng huyện Đức Phổ đổi tên thành Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đức Phổ. Hội Nông dân giải phóng huyện Đức Phổ đổi tên thành Hội Liên hiệp Nông dân tập thể huyện Đức Phổ thuộc Ban Nông nghiệp huyện Đức Phổ.

chúng các cấp, bổ sung đội ngũ cán bộ, tiếp tục phát triển hội viên, góp phần làm cho mặt trận và các đoàn thể quần chúng phát huy vai trò là tổ chức tập hợp quần chúng rộng rãi vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đến cuối năm 1976, toàn huyện có 1.455 đoàn viên Công đoàn, 434 đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và 6.094 hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên, 13.784 hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ, 10.740 hội viên Hội Nông dân.

Tuy đạt được nhiều kết quả vượt bậc trong công tác củng cố và xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, truy quét, trấn áp bọn phản cách mạng, nhưng cùng một lúc phải giải quyết nhiều nhiệm vụ khó khăn, phức tạp trong hơn một năm đầu sau giải phóng nên trên lĩnh vực công tác này vẫn không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm. Việc truy quét, trấn áp bọn phản cách mạng còn thiếu kiên quyết, triệt để nên đã bỏ sót một số đối tượng nguy hiểm cầm đầu các đảng phái, bọn đầu sỏ trong nguy quân, nhân viên nguy quyền. Thiếu sót đó đã tạo cơ hội cho chúng móc nối, cấu kết chống phá chính quyền cách mạng, gây mất trật tự, an ninh ở một số địa bàn trong huyện làm cho quần chúng hoang mang, dao động. Bộ máy chính quyền, nhất là cấp xã tuy được củng cố, kiện toàn về mặt tổ chức, nhưng “chức năng, nhiệm vụ các ngành, các cấp chưa được xây dựng, từng lúc, từng nơi phát huy tác dụng còn hạn chế, trình độ nắm và vận dụng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung còn lúng túng, nặng nề sự vụ hơn là chủ trương, biện pháp thực hiện, nặng giấy tờ, nhẹ tuyên truyền, truyền đạt, thuyết phục giáo dục, vận động”¹.

1. Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ: *Báo cáo tổng kết năm 1976*, tr.7.

II. TỪNG BƯỚC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG

Thực hiện Chỉ thị số 95/CT của Tỉnh uỷ về một số nhiệm vụ về giải quyết công ăn, việc làm, khôi phục sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, ổn định đời sống nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ và chính quyền các cấp, hơn ba vạn đồng bào trong các khu dồn, áp chiến lược trở về quê cũ định cư, ổn định cuộc sống. Chính quyền huyện tổ chức cứu trợ gần 20 tấn gạo cho 8.000 nhân khẩu thiếu đói, cho mượn 233 tấn lúa, hơn 7 tấn bột mì. Ngân hàng cho các hộ nông dân vay hơn một triệu đồng để phát triển sản xuất. Lực lượng vũ trang huyện ngoài nhiệm vụ truy quét, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự trị an còn tích cực rà phá bom mìn, vật liệu nổ, thu dọn dây thép gai, san lấp hố bom để giao mặt bằng cho nhân dân sản xuất. Thực hiện nhiệm vụ này, Ban Chỉ huy Quân sự huyện tổ chức lớp huấn luyện kỹ thuật tháo gỡ bom mìn, vật liệu nổ cho 24 đồng chí. Đến cuối năm 1976, công binh huyện và du kích xã tháo gỡ được 9.161 quả bom mìn, vật liệu nổ trên diện tích 73.481 m².

Thực hiện chính sách ruộng đất theo chủ trương của Đảng, chính quyền các cấp phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong huyện tiến hành thống kê ruộng công điền, vắng chủ, ruộng đất của bọn phản động, ác ôn để thu hồi hoặc trưng dụng tạm cấp cho nông dân làm ăn. Tính đến cuối năm 1976, hầu hết các xã hoàn thành việc phân chia, tạm cấp ruộng đất cho nông dân. Nông dân được chia ruộng đất hết sức phấn khởi, tin tưởng, yên tâm sản xuất, ổn định cuộc sống.

Phong trào khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi là một trong những phong trào nổi bật, lôi cuốn tất cả cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tham gia. Chỉ trong 20 ngày cuối tháng 12-1975 toàn huyện huy động hàng chục vạn ngày công khai hoang, phục hóa trên 1.000 ha ruộng đất đưa vào sản xuất. Đầu năm 1976, huyện huy động gần 130 nghìn ngày công tham gia đắp đập Sở Hầu (Phổ Nhon) có năng lực tưới theo thiết kế 400 ha. Các đập ngăn mặn ở Phổ Vinh, Phổ Minh, Phổ Thạnh cũng được hoàn thành trong hơn một năm đầu sau giải phóng. Nhân dân xã Phổ An Quang, Phổ Văn đắp đê ngăn mặn, Phổ Thuận đắp đập Mồ Côi, các đập bồi trên sông Trà Câu đều được phục hồi với hàng nghìn công xây dựng.

Nhờ làm tốt công tác khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi nên sản xuất nông nghiệp dần dần đi vào ổn định, từng bước phát triển khá. Năm 1976, toàn huyện gieo cấy được 8.586 ha lúa, sản lượng đạt 14.497 tấn; khoai lang trồng được 1.396 ha, sản lượng đạt 4.287 tấn. Các loại mía, lạc và rau màu đều có mức đạt khá. Để giúp bà con nông dân phát triển sản xuất, huyện cung cấp gần 1.000 tấn phân hóa học, 5 tấn thuốc trừ sâu, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp.

Là huyện có tiềm năng, thế mạnh trong phát triển ngư nghiệp, diêm nghiệp, nhân dân có truyền thống đánh bắt, chế biến hải sản, làm muối, sau giải phóng Đảng bộ huyện tập trung vận động nhân dân khắc phục khó khăn, khôi phục sản xuất. Ngân hàng huyện cho ngư dân vay vốn đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, mua sắm ngư lưới cụ, khôi phục và đưa vào sản xuất một số diện tích muối ở xã Phổ Thạnh.

Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề thủ công truyền thống được Đảng bộ huyện chủ trương hỗ

trợ, khuyến khích khôi phục, phát triển, như nghề gốm, mộc, đan võng, bó chổi đót và các ngành sản xuất nông cụ, vôi gạch ngói... Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp được khôi phục góp phần giải quyết được việc làm, sản xuất được một số mặt hàng đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân địa phương.

Để tạo điều kiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hoá của nhân dân, huyện đã huy động hàng chục nghìn ngày công tu sửa, làm mới nhiều tuyến giao thông quan trọng. Đến năm 1976, các tuyến giao thông từ quốc lộ 1A đi Mỹ Á, Phố Nhơn, Phố Vinh được khôi phục, nhiều đường liên thôn, liên xã được tu sửa, làm mới. Các loại phương tiện vận tải của tư nhân bước đầu được quản lý, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Các hoạt động thương nghiệp, tài chính, ngân hàng bước đầu đạt được một số kết quả tích cực. Đến năm 1976, tất cả 12 xã trong toàn huyện hoàn thành việc xây dựng hợp tác xã mua bán. Ở trung tâm huyện hình thành các cửa hàng bán lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm, chất đốt. Hợp tác xã mua bán và các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh trở thành mạng lưới thu mua, trao đổi hàng hoá giữa Nhà nước và nhân dân, góp phần hạn chế tác động tiêu cực do các hành vi lũng đoạn thị trường của thương nghiệp tư nhân trong thời gian đầu sau giải phóng.

Cuối tháng 9-1975, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi việc thu đổi tiền của chế độ cũ, phát hành tiền ngân hàng mới, tiến hành nhiều biện pháp quản lý tài chính nhằm xây dựng một nền tiền tệ độc lập, tự chủ của chính quyền cách mạng. Năm 1976, được

sự chỉ đạo của Huyện ủy, các ngành, các cấp trong huyện tổ chức vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân gửi tiết kiệm được 69.242 đồng; cho các tổ chức và cá nhân vay khôi phục, phát triển sản xuất 1.091.036 đồng. Tuy còn là một hoạt động mới mẻ, số tiền gửi và tiền cho vay chưa lớn nhưng đã chứng tỏ các hoạt động tài chính, tiền tệ của chế độ mới trên địa bàn huyện Đức Phổ. Chính điều này đã phát huy tác dụng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân nhưng các kết quả đó chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và còn có những hạn chế, khuyết điểm. Công tác rà phá bom mìn, vật liệu nổ, khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi tiến hành chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra, ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân. Đến cuối năm 1976, toàn huyện vẫn còn nhiều bãi bom mìn, vật liệu nổ chưa được rà phá, hàng trăm hecta ruộng đất, chủ yếu ở các xã Phổ Vinh, Phổ Minh, Phổ Cường, Phổ Hoà còn hoang hoá. Hệ thống hồ đập, kênh mương thủy lợi chủ yếu được đào đắp bằng đất, nên bị sụt lỏ, hư hỏng nhanh. Các tồn tại, hạn chế trên làm ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất nông nghiệp. Năm 1976, hầu hết các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi đều không đạt kế hoạch, có những chỉ tiêu đạt rất thấp như khoai lang chỉ đạt 62% về diện tích và 53% về sản lượng; mía chỉ đạt 51% và mì chỉ đạt 21% về diện tích. Ngư nghiệp, diêm nghiệp tuy được khôi phục, phát triển nhanh nhưng công tác thu mua, đối lưu hàng hoá giữa ngư dân,

diêm dân và thương nghiệp nhà nước chưa hài hoà dẫn đến tình trạng người sản xuất bán phần lớn sản phẩm cho tư thương, gây rối loạn thị trường. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa được quản lý tốt, tiêu thụ chậm do giá thành sản phẩm còn cao. Hoạt động của hệ thống thương nghiệp, hợp tác xã mua bán còn lúng túng, chính sách thu mua, nắm giữ nguồn hàng chưa chặt chẽ. Tài chính, ngân hàng còn nhiều yếu kém, còn để diễn ra tình trạng thất thu thuế, sử dụng tiền cho vay không đúng mục đích, huy động vốn nhân rồi trong nhân dân vào quỹ tiết kiệm đạt thấp.

Cùng với quan tâm lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản xuất, ổn định đời sống, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo từng bước đưa các hoạt động văn hoá, xã hội vào nền nếp.

Huyện uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành tịch thu, xoá bỏ các sản phẩm văn hóa độc hại, nô dịch của chế độ cũ, tổ chức phổ biến, tuyên truyền các giá trị của nền văn hóa cách mạng trong các tầng lớp nhân dân và được nhân dân đón nhận, hưởng ứng rất nhiệt tình. Hệ thống các thiết chế văn hoá mới từng bước được thiết lập như thư viện, hiệu sách nhân dân... Các đội văn nghệ quần chúng thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ nhân dân. Năm 1976, ba đội văn nghệ xung kích của huyện biểu diễn phục vụ nhân dân ở 193 điểm. Ngành văn hoá huyện còn tích cực vận động nhân dân bài trừ văn hoá phản động, độc hại, mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu...; khôi phục các đội sắc bùa tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng của tỉnh.

Cũng như các địa phương khác trong tỉnh, ngành giáo dục huyện Đức Phổ nhanh chóng xoá bỏ toàn bộ sách giáo

khoa, hệ thống quản lý giáo dục của chế độ cũ, tiến hành công lập hoá toàn bộ hệ thống giáo dục. Từ chỗ toàn ngành giáo dục huyện chỉ có 47 giáo viên vùng giải phóng, 92 giáo viên vùng địch tạm chiếm, đến cuối năm 1976 toàn ngành có 500 giáo viên nhờ được bổ sung từ miền Bắc vào và tuyển dụng mới. Trước giải phóng, toàn huyện chỉ có 5.000 học sinh các cấp, thì năm học 1975-1976, số lượng học sinh tăng hơn 4 lần¹.

Xoá mù chữ là một nhiệm vụ trọng tâm nhưng cũng hết sức khó khăn, vì đa số người mù chữ sống tập trung ở nông thôn, miền núi, ven biển thuộc diện nghèo đói, đời sống khó khăn. Sau giải phóng, toàn huyện có 3.455 người trong độ tuổi từ 12 đến 50 tuổi mù chữ, đông nhất là xã Phổ Thạnh với 648 người, Phổ An Quang với 478 người. Để xoá nạn mù chữ, Huyện uỷ chỉ đạo chọn xã Phổ Minh làm điểm sau đó nhân ra diện rộng. Đến cuối tháng 12-1976, hai xã cuối cùng được xoá xong nạn mù chữ là Phổ Nhơn, Phổ Khánh. Huyện Đức Phổ được Bộ Giáo dục tặng cờ thi đua về thành tích xoá mù chữ trước thời hạn.

Đồng thời với xoá mù chữ, Huyện uỷ chỉ đạo đẩy mạnh công tác giáo dục bổ túc. Năm 1976, toàn huyện tổ chức được 190 lớp bổ túc văn hoá với 3.341 học viên. Huyện cũng thành lập Trường Bổ túc Văn hoá tập trung của huyện và mở được 7 lớp với 232 học viên. Với sự nỗ lực của huyện, chỉ hơn một năm sau giải phóng nhiều cán bộ cơ quan Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng

1. Bao gồm 12 trường cấp I: 441 lớp, 20.641 học sinh; 4 trường cấp II: 53 lớp, 2.915 học sinh; 1 trường cấp III: 9 lớp, 361 học sinh.

và các phòng, ban, cán bộ cấp xã được cử đi học các lớp bổ túc văn hóa.

Ngành y tế tổ chức tiếp quản các trang thiết bị, cơ sở y tế của chế độ cũ, duy trì công tác khám chữa bệnh, vệ sinh phòng dịch. Mạng lưới y tế được triển khai xuống các xã, thôn. Huyện tổ chức các tổ y tế lưu động thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh, thực hiện “3 sạch” (ăn sạch, ở sạch, uống sạch), làm hố xí 2 ngăn, vệ sinh đường làng, ngõ xóm... Trong hoàn cảnh còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn về trang thiết bị y tế nhưng ngành dược của huyện đã điều chế được một số loại thuốc chữa bệnh thông thường phục vụ nhân dân. Đến năm 1976, đội ngũ cán bộ y tế huyện có 5 bác sĩ, 10 y sĩ, 30 y tá, hộ sinh, 3 dược sĩ, dược tá.

Hạn chế, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng nền văn hoá mới trong hơn một năm sau giải phóng là các cấp, các ngành, các địa phương trong huyện chưa lường hết được những khó khăn, phức tạp trên các lĩnh vực công tác này. Do đó, về nhận thức và hành động có tư tưởng nóng vội, chủ quan trong việc xoá bỏ nhanh, triệt để tàn tích văn hóa của chế độ cũ. Số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên vẫn còn thiếu và yếu, trường lớp hầu hết là tạm bợ. Đội ngũ cán bộ y tế, trang thiết bị khám chữa bệnh còn thiếu thốn.

Để tăng cường công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết số 247-NQ/TW, ngày 29-9-1975 về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Khu uỷ khu V và Uỷ ban Mặt

trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ ban hành chỉ thị và kế hoạch hành động thực hiện công tác phát động tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Mục đích của đợt phát động là nhằm làm cho tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; thấy rõ thuận lợi và khó khăn của tình hình đất nước và của tỉnh trong giai đoạn cách mạng mới; động viên các địa phương, đơn vị tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng mà nhân dân ta mới giành được. Từ đó, hầu hết cán bộ, đảng viên đều thể hiện quyết tâm khắc phục tư tưởng nghỉ ngơi, thoả mãn, những biểu hiện sa sút phẩm chất đạo đức.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Huyện uỷ Đức Phổ tổ chức Hội nghị mở rộng quán triệt nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 24 và phát động trong toàn Đảng bộ thực hiện nghị quyết quan trọng này. Điểm nổi rõ trong đợt sinh hoạt chính trị lần này hầu hết cán bộ, đảng viên đều được học tập, tự phê bình và phê bình góp ý cho cấp uỷ và cán bộ, đảng viên. Qua học tập, tự phê bình, phê bình, đa số cấp uỷ và cán bộ, đảng viên đều nhận thức sâu sắc ưu, khuyết điểm. Các cấp uỷ và cán bộ, đảng viên đều xây dựng kế hoạch hành động nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm. Không khí dân chủ trong sinh hoạt đảng được tăng cường. Cán bộ, đảng viên hăng hái hơn trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Phong trào cách mạng ở nhiều nơi trong huyện có nhiều chuyển biến hơn trước.

Kết hợp với học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương, thực hiện chủ trương của Khu uỷ và Tỉnh uỷ, Huyện uỷ tổ chức cho toàn thể đảng

viên và cán bộ quân - dân - chính học tập bài nói chuyện của đồng chí Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, nhân dịp đồng chí về thăm quê hương (ngày 20-6-1975); tổ chức cho nhân dân toàn tỉnh học tập thư của Ủy ban nhân dân cách mạng và Mặt trận Dân tộc giải phóng khu Trung Trung Bộ về tình hình và nhiệm vụ mới; 10 nhiệm vụ của đảng viên; tổ chức phát động đợt sinh hoạt chi bộ nhân kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9.

Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên đạt được nhiều kết quả tích cực. Trường Đảng huyện được thành lập, tuy chưa có cơ sở vật chất nhưng đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường cố gắng khắc phục mọi khó khăn, thường xuyên xuống cơ sở mở các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị. Năm 1976, trường mở được 4 lớp lý luận chính trị sơ cấp cho 159 cán bộ xã uỷ, chi uỷ, 26 cán bộ các cơ quan huyện; 26 lớp theo chương trình 5 bài giảng của Ban Tuyên huấn Trung ương.

Các đợt sinh hoạt chính trị góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện nhận thức sâu sắc hơn thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; những thuận lợi, khó khăn của đất nước và của địa phương trong thời kỳ mới; những nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau ngày đất nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong công tác tổ chức, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX, nhiệm kỳ 1974-1976 do đồng chí Đỗ Tiến Cửa làm Bí thư Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Từ sau ngày 10-11-1975 đến Đại hội

Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ X (tháng 10-1976) đồng chí Phan Minh Nga, Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi được điều động làm Bí thư Huyện ủy Đức Phổ. Việc kiện toàn bộ máy tổ chức, sắp xếp đội ngũ cán bộ trong hơn một năm đầu sau giải phóng được Huyện ủy hết sức quan tâm. Đến tháng 12-1975, Đảng bộ huyện Đức Phổ có 1.154 đảng viên sinh hoạt tại 82 chi bộ¹. Đến cuối tháng 11-1976, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên đến 1.702 đồng chí, sinh hoạt tại 92 chi bộ. Nguyên nhân số lượng đảng viên tăng nhanh là do một bộ phận đảng viên tập kết ra Bắc được chuyển về sinh hoạt tại địa phương, đảng viên công tác tại các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, nông sản thực phẩm, vật tư, xăng dầu, chất đốt trước đây do tỉnh quản lý chuyển về sinh hoạt tại Đảng bộ huyện.

Để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, kịp thời khắc phục những mặt tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Chỉ thị về công tác xây dựng Đảng. Chỉ thị yêu cầu các xã ủy, chi ủy quán triệt sâu sắc 5 nội dung và 4 biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên, 3 tính chất của chi bộ và 3 nội dung sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, từ tháng 5-1976 Huyện ủy Đức Phổ tập trung chỉ đạo các chi ủy, xã ủy tổ

1. Theo Báo cáo tổng kết năm 1975 (từ ngày 20-12-1974 đến ngày 20-12-1975) của Đảng bộ huyện Đức Phổ: trong 1.154 đảng viên có 954 đảng viên sinh hoạt ở các chi bộ, đảng bộ xã, 51 đảng viên sinh hoạt ở các chi bộ lực lượng vũ trang, 149 đảng viên sinh hoạt ở các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở huyện; đảng viên đã nghỉ hưu có 143 đồng chí. Trong 82 chi bộ có 71 chi bộ xã, 9 chi bộ cơ quan, 2 chi bộ lực lượng vũ trang.

chức đại hội bầu cấp uỷ. Tổng số cấp uỷ xã được bầu trong dịp này có 135 đồng chí, trong đó nữ có 66 đồng chí. Hầu hết các đồng chí được bầu vào cấp uỷ đều được sàng lọc về lịch sử chính trị, được cán bộ, đảng viên và quần chúng tín nhiệm, qua thực tiễn công tác đã phát huy được năng lực, có uy tín và kinh nghiệm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Sau giải phóng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ huyện còn thấp. Theo thống kê, về trình độ chính trị, trong tổng số 103 cán bộ trong các ban, ngành của huyện, có 27 cán bộ có trình độ trung cấp, 90 cán bộ có trình độ sơ cấp; về trình độ học vấn chỉ có 3 cán bộ có trình độ đại học, 25 cán bộ có trình độ cấp III và 58 cán bộ có trình độ cấp II. Trước tình hình đó, Huyện uỷ tập trung kiện toàn bộ máy tổ chức, đưa phần lớn cán bộ đi dự các lớp đào tạo nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ. Chỉ riêng năm 1976, toàn huyện cử đi đào tạo lý luận chính trị 39 đồng chí, học bổ túc văn hoá 84 đồng chí. Ngay cấp uỷ huyện cũng chỉ còn lại 14 đồng chí, số cấp uỷ còn lại đều được cử đi đào tạo các lớp chính trị, chuyên môn nghiệp vụ dài hạn do tỉnh, khu uỷ và Trung ương tổ chức.

Thực hiện thông tri của Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện tiến hành phân loại đảng viên năm 1976. Kết quả, toàn Đảng bộ huyện có 988 đảng viên xếp loại tích cực, 497 đảng viên xếp loại trung bình, 148 đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm, do tham ô, ăn cắp của công, cấu kết với gian thương rút vật tư của Nhà nước, buôn bán hàng do Nhà nước độc quyền quản lý, chứng nhận kẻ xấu là cơ sở cách mạng, bỏ công tác, bỏ sinh hoạt đảng.

Ủy ban Kiểm tra Huyện uỷ chú trọng kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm là chỉ đạo khôi phục sản xuất, khai hoang phục hoá, đảm phụ nông nghiệp, thu mua lương thực, nhất là tiến hành xử lý những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm. Trong 2 năm 1975-1976, toàn Đảng bộ có 52 đảng viên bị thi hành kỷ luật, riêng năm 1975 có 36 đồng chí, trong đó khai trừ khỏi Đảng 19 đồng chí, lưu đảng 12 đồng chí, cảnh cáo 5 đồng chí. Việc xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm kỷ luật đảng đã góp phần làm trong sạch nội bộ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, làm cho quần chúng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhất là trong thời điểm đất nước đang chuyển giai đoạn từ chiến tranh sang hoà bình xây dựng đất nước.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đặt ra trong thời gian đầu sau giải phóng còn nhiều nhiệm vụ rất nặng nề. Huyện uỷ đã tập trung chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiến hành sưu tra, thẩm tra, xác minh, kết luận nhiều trường hợp, phục hồi đảng tịch cho nhiều đồng chí bị địch bắt, tù đày. Đồng thời phát hiện đưa ra khỏi đảng một số phân tử đầu hàng địch hoặc khai man lý lịch, che giấu tung tích chui vào hàng ngũ của Đảng. Năm 1976, các cơ quan chức năng phát hiện 9 đảng viên có nghi vấn về lịch sử chính trị, trong đó có những tên từng là mật báo viên của địch, có tên gây nợ máu với nhân dân...

Công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong gần 2 năm đầu sau giải phóng, song vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa sát với yêu cầu thực tiễn, cùng một lúc phát động nhiều đợt học tập,

quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, kiểm điểm tự phê bình, phê bình nhưng kết quả đạt được chưa cao. Trong công tác tổ chức, Đảng bộ chưa kiên quyết thải loại một số phần tử không bảo đảm chất lượng chính trị khỏi bộ máy của Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể các cấp. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu tình hình, nhiệm vụ xây dựng đất nước sau chiến tranh làm ảnh hưởng đến phong trào cách mạng ở địa phương. Công tác phát triển đảng viên còn nhiều hạn chế. Năm 1976, toàn Đảng bộ chỉ kết nạp được 42 đảng viên, ở nhiều xã như Phổ Hoà, Phổ Nhơn, Phổ Thuận, Phổ Vinh... có thôn chưa có đảng viên.

*

* *

Gần hai năm sau giải phóng, Đảng bộ huyện Đức Phổ đã phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong huyện nhanh chóng xoá bỏ các tàn tích của chế độ thực dân mới, trấn áp bọn phản cách mạng, xác lập chính quyền cách mạng của nhân dân, trấn áp bọn phản cách mạng, đưa hàng vạn dân từ các khu đồn, ấp chiến lược trở về quê cũ ổn định cuộc sống, từng bước tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Những kết quả đạt được là rất to lớn và quan trọng. Tuy vậy, do cùng một lúc phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ cách mạng rất mới mẻ nên sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện trên một số lĩnh vực không thể tránh khỏi khuyết điểm, hạn chế. Đó là, công tác chỉ đạo trấn áp bọn phản cách mạng chưa triệt để, xây dựng, củng cố chính quyền mới còn có mặt sơ hở, buông lỏng, tình hình an ninh

chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số nơi chưa vững chắc. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, tuy được Đảng bộ quan tâm nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn thấp, nên có nhiều hạn chế trong việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ mới.

Tuy vậy, những kết quả đạt được đã tạo những tiền đề quan trọng để Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ vững tin bước vào thời kỳ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

Chương II

TIẾP TỤC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TIẾN HÀNH CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, GÓP PHẦN BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 10-1982)

I. TIẾP TỤC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Sau hơn một năm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ huyện Đức Phổ đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, hậu quả chiến tranh để lại còn hết sức nặng nề. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng từ thời chiến sang thời bình để xây dựng đất nước. Thiên tai liên tiếp xảy ra làm đình đốn sản xuất, đời sống nhân dân lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Từ đầu năm 1977 đến năm 1979, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp. Vừa mới thoát khỏi cuộc chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử, nhân dân

ta lại phải đương đầu với hai cuộc xung đột bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc, đối phó với các hoạt động của bọn phản động trong nước và quốc tế chống phá cách mạng nước ta.

Thực hiện Chỉ thị số 240-CT/TW ngày 6-10-1976 của Ban Bí thư về kế hoạch tuyên truyền và tổ chức bảo đảm thắng lợi cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng; và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Nghĩa Bình, từ ngày 26-10 đến ngày 31-10-1976, Đảng bộ huyện Đức Phổ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ X (vòng 1). Tham dự Đại hội có 116 đại biểu chính thức đại diện cho 1.702 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đây là đại hội đầu tiên sau ngày quê hương được giải phóng, đất nước thống nhất quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã tổng kết quá trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong huyện tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng quê hương; đánh giá những kết quả đạt được, những khuyết điểm, hạn chế trong hơn một năm lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới; góp ý vào dự thảo các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Điều lệ Đảng (sửa đổi), Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới và đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Tổng kết 21 năm tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại hội khẳng định: Trong suốt 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài, gian khổ và hết sức quyết liệt, dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng, Đảng bộ huyện Đức Phổ đã nêu cao tinh thần bất khuất,

kiên cường, dũng cảm, cùng quân và dân trong tỉnh góp phần xứng đáng cùng với cả nước đánh bại tên đế quốc đầu sỏ và bè lũ tay sai cực kỳ phản động và hiếu chiến, tự lực giải phóng hoàn toàn huyện nhà. Đó là chiến công oanh liệt nhất, thắng lợi chưa từng có của quân và dân trong huyện.

Về tình hình khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống, Đại hội khẳng định những kết quả đạt được là rất to lớn, đồng thời chỉ rõ những khuyết điểm cần khắc phục. Đó là, chính quyền tuy được củng cố nhưng lề lối làm việc chưa được cải tiến, quyền làm chủ tập thể của nhân dân chưa được phát huy, các tổ chức quần chúng chưa chặt chẽ; phong trào sản xuất chưa thật mạnh, diện tích hoang hoá còn nhiều; giao thông, thuỷ lợi chưa bảo đảm cho việc đi lại, sản xuất và ổn định đời sống. Bên cạnh đó, các lĩnh vực văn hoá - xã hội còn có mặt hạn chế. Số lượng giáo viên, học sinh tăng nhanh nhưng trường lớp tạm bợ, chất lượng dạy, học chưa thật tốt; công tác xây dựng Đảng còn có mặt yếu, nhất là công tác xây dựng chi bộ, phát triển đảng viên và xử lý đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm.

Nguyên nhân chủ yếu của khuyết điểm được Đại hội khẳng định là do tình hình chuyển biến mau lẹ nhưng tư tưởng cán bộ, đảng viên chuyển biến không kịp với tình hình mới. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, chưa thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Từ việc phân tích những thuận lợi, khó khăn của phong trào cách mạng trong thời gian tiếp theo, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ trước mắt là: động viên sự nỗ lực to lớn của toàn Đảng bộ, ra sức phát động quần chúng tiếp tục kiện toàn chính quyền nhân dân từ huyện đến thôn, xã; tăng cường

công tác dân vận, kiện toàn các đoàn thể quần chúng, phát huy đầy đủ chức năng quản lý kinh tế, văn hóa, quản lý xã hội của chính quyền nhân dân, tôn trọng thật sự quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, thể hiện cho được khối công, nông liên minh, kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, tổ chức quản lý kinh tế, văn hoá, chăm lo đời sống nhân dân. Đẩy mạnh công cuộc khôi phục phát triển kinh tế, trọng tâm là phát triển nông nghiệp, nghề cá, chăn nuôi, bảo vệ rừng. Phát triển các ngành tiểu, thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình. Phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, trước mắt là tập trung phát triển và củng cố các hợp tác xã mua bán, kiên quyết chống đầu cơ tích trữ, đấu tranh bình ổn vật giá. Tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, triệt để xoá bỏ tàn dư của giai cấp địa chủ, phong kiến, khẩn trương chuẩn bị tiến hành vững chắc hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với thí điểm định cư. Khẩn trương cải tạo tiểu thương và tiểu thủ công nghiệp đi đôi với mở rộng diện tích sản xuất vùng giáp ranh, xây dựng kinh tế mới, phát triển chăn nuôi, điều hoà, phân bố hợp lý lao động. Tăng cường hơn nữa công tác tư tưởng, văn hoá, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, kiện toàn tổ chức, kiện toàn bộ máy, tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có phẩm chất và năng lực lãnh đạo.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá X, nhiệm kỳ 1976-1979 gồm 24 đồng chí, trong đó có 2 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu 8 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện uỷ. Đồng chí Lê Thuyên giữ chức Quyền Bí thư

Huyện uỷ¹. Các đồng chí Võ Công Cự và Bùi Huy Thọ giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ huyện đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh gồm 21 đồng chí.

Sau Đại hội đại biểu lần thứ I (vòng 1) Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình, tháng 12-1976, Đảng ta tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là đại hội thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Tại Đại hội này, Đảng ta quyết định đổi tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vận dụng đường lối của Đảng đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từ ngày 28-2 đến ngày 4-3-1977, Đảng bộ huyện Đức Phổ tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ X (vòng 2). Đồng chí Nguyễn Nghĩa thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo Đại hội. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, bổ sung phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ huyện trong 5 năm 1976-1980, trước mắt là năm 1977-1978, góp ý vào dự thảo Báo cáo Chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Với sự nhất trí cao, Đại hội bầu bổ sung 3 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X, nhiệm kỳ 1977-1979.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu đồng chí Lê Thuyên giữ chức Bí thư Huyện uỷ, nhưng quyết định chuẩn y của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Nghĩa Bình là Quyền Bí thư Huyện uỷ, một thời gian sau đó là Bí thư Huyện uỷ.

Từ ngày 23 đến ngày 27-3-1977, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ I (vòng 2) tại thị xã Quy Nhơn. Đại hội tổng kết quá trình đấu tranh cách mạng anh dũng của quân và dân trong tỉnh qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; kiểm điểm, đánh giá những kết quả đạt được và những khuyết điểm, yếu kém của Đảng bộ trong 2 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển sản xuất, ổn định đời sống, quyết định phương hướng, nhiệm vụ chung của tỉnh trong 5 năm 1976-1980, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, từ ngày 7 đến ngày 11-11-1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ II được tiến hành tại thị xã Quy Nhơn. Đại hội đã tập trung phân tích, đánh giá tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I, quyết định phương hướng, nhiệm vụ trong những năm còn lại của kế hoạch 5 năm (1976-1980), bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ mới. Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, từ ngày 6 đến ngày 8-6-1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XI, nhiệm kỳ 1979-1982 được tổ chức tại Trường Đảng huyện. Tham dự Đại hội có 157 đại biểu chính thức, đại diện cho gần 2.000 đảng viên toàn Đảng bộ huyện về dự. Đại hội kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1976-1979, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1979-1982. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XI, nhiệm kỳ 1979-1982 gồm 31 đồng chí, trong đó có 2 ủy viên dự khuyết, Ban Chấp hành bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện uỷ. Đồng chí Lê Thuyên được bầu giữ chức Bí thư

Huyện ủy. Đồng chí Bùi Huy Thọ và Nguyễn Đức Tùng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Như vậy, từ năm 1976 đến tháng 10-1982, Đảng bộ huyện Đức Phổ tổ chức hai lần đại hội. Cả hai lần đại hội đều có nhiệm vụ tổ chức thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1976-1980 do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) và Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ I (tháng 3-1977) đề ra. Quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tư tưởng xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của Đảng bộ huyện thời kỳ này là đoàn kết, nỗ lực phấn đấu đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực nông nghiệp, công, thương nghiệp, góp phần thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 28-1-1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông báo số 02-TB/TU, quyết định chọn xã Phổ Thuận làm điểm xây dựng hợp tác xã của tỉnh bắt đầu vụ hè - thu năm 1977¹. Thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã là một nhiệm vụ đầy khó khăn, phức tạp. Biểu hiện rõ nhất là tư tưởng của một bộ phận nhân dân và một số cán bộ, đảng viên

1. Toàn tỉnh Nghĩa Bình có 6 hợp tác xã được chọn làm điểm xây dựng hợp tác xã, trong đó trên địa bàn Quảng Ngãi có 2 hợp tác xã là Phổ Thuận (Đức Phổ) và Bình Long (Bình Sơn). Do địa bàn rộng, dân cư đông nên xã Phổ Thuận được chia thành 3 hợp tác xã, trong đó hợp tác xã Phổ Thuận 1 được chọn làm điểm của tỉnh.

thiếu thống nhất, vì chủ trương này đụng chạm đến lợi ích của mỗi người, mỗi nhà, nhất là những hộ nông dân có nhiều ruộng đất, nông cụ, trâu bò cày kéo, đời sống tương đối ổn định. Người nông dân từ chỗ lao động tự do khi vào hợp tác xã phải tuân thủ giờ giấc, cảm thấy gò bó. Từ đó, họ không muốn vào hợp tác xã. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện ủy thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng hợp tác xã. Ban Chỉ đạo phân công các thành viên trực tiếp đến từng khu dân cư, từng hộ gia đình tuyên truyền chủ trương hợp tác hóa của Đảng, nhất là thực hiện đúng ba nguyên tắc tổ chức hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chính quyền xã lựa chọn những cán bộ, đảng viên đi học tập, bồi dưỡng các lớp cán bộ quản lý; lập phương án sản xuất, quy hoạch lại dân cư; quyết định đầu tư xây dựng một số cơ sở vật chất ban đầu như nhà kho, trường học, nhà trẻ, trạm xá... để nhân dân tin tưởng vào tính ưu việt của hợp tác xã. Nhờ sự kiên trì tuyên truyền, vận động, chỉ trong một thời gian ngắn ở Phổ Thuận đã có 998 hộ, 1.878 lao động, 450 ha đất, 113 con trâu, bò cày và hàng nghìn nông cụ như cày, bừa các loại, máy tuốt lúa, máy bơm nước, bình bơm thuốc trừ sâu được đưa vào hợp tác xã.

Từ những kết quả và kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã Phổ Thuận 1, Đảng bộ huyện chỉ đạo mở rộng cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã trong phạm vi toàn huyện. Đến vụ đông - xuân 1977-1978 huyện Đức Phổ xây dựng thêm được 8 hợp tác xã ở 4 xã là Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Hoà, Phổ Minh. Đến cuối năm 1980, huyện thành lập được 28 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở

tất cả các xã trong huyện, đưa 18.093 hộ nông dân (chiếm 96,48% tổng số hộ nông dân trong toàn huyện), gần 8.000 ha ruộng đất (chiếm 92% diện tích ruộng đất toàn huyện), 6.084 con trâu, bò cày kéo (chiếm 93% tổng số trâu, bò toàn huyện) vào hợp tác xã. Với kết quả đó, huyện Đức Phổ cơ bản hoàn thành hợp tác hoá trên địa bàn huyện. Đây thực sự là một phong trào cách mạng rộng lớn ở nông thôn, có tác động to lớn thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có những bước phát triển mới cả về khai hoang mở rộng diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng lương thực, thực phẩm trong những năm đầu sau giải phóng.

Năm 1978, tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 31.755 tấn, tuy chỉ đạt 84,7% so với kế hoạch nhưng so với năm 1977 tăng 24% và so với năm 1976 tăng 66%, bình quân lương thực đạt 296 kg/người, tăng 24% so với năm 1977 và tăng 50% so với năm 1976.

Các loại cây trồng khác như mía, ngô, khoai và mì đều tăng. Năm 1979, diện tích trồng khoai các loại đạt 227%, sản lượng đạt 137% so với năm 1978. Diện tích, sản lượng mì tăng cao 1.785 ha và đạt 11.382 tấn, so với năm 1978 tăng 68% về diện tích và 37,6% về sản lượng. Diện tích mía năm 1979 đạt 524,7 ha, tăng 12,2%; sản lượng đạt 15.704 tấn, tương đương năm 1978.

Chăn nuôi trong thời kỳ đầu của hợp tác xã tăng trưởng khá. Cuối năm 1979, đàn trâu tăng 5,1%, đàn bò tăng 3,6%, đàn heo tăng 8,8% so với năm 1978 và đạt gần 40 nghìn con.

Các hợp tác xã hình thành được các đội chuyên làm đất, cấy, làm thủy lợi. Nhiều hợp tác xã khôi phục tập quán bón phân chuồng, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản

xuất, thâm canh tăng vụ. Năm 1977, toàn huyện cấy tăng vụ được 275 ha, đến năm 1978 diện tích cấy tăng vụ tăng lên 965 ha.

Một đóng góp tích cực khác của phong trào hợp tác hoá trong giai đoạn này là góp phần to lớn vào việc thực hiện thắng lợi công tác khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích, xây dựng củng cố hệ thống hồ, đập, kênh mương thủy lợi.

Đầu năm 1977, thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ Đức Phổ ban hành Chỉ thị số 36/CT-TV về công tác khai hoang năm 1977. Chỉ thị nêu rõ: Hiện nay diện tích đất canh tác của huyện ta còn thấp, bình quân đầu người chỉ khoảng 1,7 sào. Diện tích hoang hoá có khả năng khai phá đưa vào sản xuất còn khoảng 2.000 ha, tập trung ở vùng giáp ranh, từ thôn Hùng Nghĩa, Vạn Lý xã Phổ Phong đến Đồng Vân, Đồng Đế xã Phổ Thạnh. Diện tích hoang hóa lớn nhất là ở xã Phổ Nhơn gần 900 ha. Một số thôn ven sông Thoa, các xã Phổ Cường, Phổ Vinh gần 250 ha. Từ đầu năm 1977 toàn huyện đã khai hoang được 395 ha, đưa vào sử dụng được 320 ha. Tuy vậy, kết quả đó chưa tương xứng và chưa đạt kế hoạch đề ra. Để đẩy mạnh công tác khai hoang, Ban Thường vụ Huyện uỷ chủ trương phát động toàn quân, toàn dân trong huyện đẩy mạnh phong trào khai hoang phục hóa từ ngày 1-6 đến 2-9-1977 lập thành tích chào mừng Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Huyện lấy vùng giáp ranh tây Phổ Nhơn làm điểm khai hoang tập trung và điểm đưa dân xây dựng vùng kinh tế mới; tổ chức 1 đại đội thanh niên xung phong từ 150 đến 200 người làm nòng cốt; phần đầu khai hoang được 900 ha đất hoang hoá trong năm 1977.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Huyện uỷ, các địa phương trong huyện tích cực phát động các đợt thi đua khai hoang, phục hoá mở rộng diện tích đất canh tác. Cán bộ, đảng viên, nhân viên các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, giáo viên, học sinh các trường phổ thông trên địa bàn huyện hưởng ứng rất nhiệt tình chủ trương của Ban Thường vụ Huyện uỷ. Nhờ đó, trong 3 năm 1975-1978, toàn huyện khai hoang, phục hóa đưa vào sản xuất được 3.074 ha, riêng năm 1978 là 1.485 ha, đưa tổng diện tích đất trồng lúa từ 8.270 ha năm 1975 lên 11.286 ha năm 1978 và 11.349 ha năm 1980. Diện tích đất khai hoang đưa vào trồng các loại cây lương thực, cây công nghiệp, hoa màu tăng nhanh.

Đối với công tác thủy lợi, việc củng cố các hồ đập, kênh mương tưới tiêu nước được Huyện uỷ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện. Năm 1976, các địa phương trong huyện huy động hàng trăm nghìn ngày công xây dựng đập Sở Hữu, tu sửa đập An Thọ, đào đắp các đập bồi, ao giếng, nạo vét kênh mương lấy nước tưới đồng ruộng.

Ngày 1-5-1977, công trình hồ chứa nước Liệt Sơn được khởi công xây dựng. Hồ chứa nước Liệt Sơn là công trình thủy lợi trọng điểm của tỉnh, thuộc địa phận xã Phổ Hoà, có diện tích lưu vực 36,8 km², có dung tích chứa 50 triệu m³ nước. Khi hoàn thành có khả năng tưới 2.500 ha diện tích đất cho các xã Phổ Hoà, Phổ Ninh, Phổ Vinh, Phổ Minh, Phổ Văn, Phổ Thuận và Phổ Cường. Xây dựng công trình hồ chứa nước Liệt Sơn là một trong những nhiệm vụ chính trị rất quan trọng nhưng cũng đầy khó khăn, phức tạp của huyện. Ý

tướng xây dựng hồ chứa nước Liệt Sơn có từ rất lâu, đã được thiết kế từ trước năm 1945, đã thi công xây dựng một số hạng mục nhưng cuối cùng bị dở dang. Sau giải phóng, chủ trương xây dựng hồ chứa nước Liệt Sơn là sự thể hiện tính ưu việt của chế độ mới. Nhưng cùng một lúc phải huy động hàng vạn ngày công đào đắp hàng triệu mét khối đất, đá xây dựng đập chính và hệ thống kênh mương tưới cho hàng nghìn hécta ruộng đất là việc không dễ dàng. Tuy vậy, nhờ ý Đảng hợp với lòng dân, sau một thời gian xây dựng, vượt qua nhiều khó khăn, phức tạp công trình đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng. Chỉ tính riêng năm 1977, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện tham gia xây dựng công trình với 36.182 ngày công, đào đắp 8.489 m³ đất, đá.

Cùng với xây dựng hồ chứa nước Liệt Sơn, ngày 28-3-1980, sau một thời gian xây dựng, trạm bơm Diên Trường (xã Phổ Khánh) đã được khánh thành và đưa vào sử dụng.

Hệ thống hồ, đập, kênh mương thủy lợi được làm mới, tu bổ đã cơ bản giải quyết được nước tưới cho phần lớn diện tích gieo cấy của các xã đồng bằng trong huyện. Diện tích lúa từ chỗ chỉ gieo cấy được 1 vụ hoặc 2 vụ bắp bênh, nhờ chủ động được nguồn nước tưới từ các hồ đập thủy lợi đã gieo cấy từ 2 đến 3 vụ ăn chắc. Các công trình thủy lợi, đặc biệt là hồ chứa nước Liệt Sơn, đã mở ra bước phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp, góp phần thay đổi cuộc sống của người nông dân Đức Phổ.

Cùng với xây dựng hợp tác xã, ngày 30-12-1977, thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ huyện chỉ đạo thành lập Nông trường 24-3 tại xã Phổ Nhơn. Nông trường có diện tích đất tự nhiên theo quy hoạch 7.000 ha, trong đó có 1.000 ha

đất canh tác¹. Đến năm 1982, nông trường đưa vào sản xuất 600 ha đất, trong đó có trên 300 ha trồng mía. Đàn bò phát triển hơn 300 con. Khâu làm đất được cơ giới hoá. Một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được xây dựng khá hoàn chỉnh phục vụ đời sống và sinh hoạt của công nhân như trạm y tế, nhà trẻ, mẫu giáo, trạm truyền thanh, điện thắp sáng... Nhờ được đầu tư đồng bộ, sản xuất ổn định, trung bình mỗi năm nông trường cung cấp cho Nhà máy Đường Quảng Ngãi trên 3.500 tấn mía cây. Nông trường tự xây dựng xưởng chế biến đường công suất ép 40 tấn mía cây/ngày, sản xuất ra đường kết tinh (RE) trên 2 tấn/ngày, sản lượng đường giao nộp cho Nhà nước hơn 100 tấn/năm.

Đức Phổ là huyện có diện tích núi đồi và bãi cát ven biển khá lớn. Trong tổng diện tích đất tự nhiên 38.740 ha, núi đồi và bãi cát ven biển chiếm hơn 2/3, thích hợp cho phát triển lâm nghiệp. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo tất cả các xã trong huyện thành lập các trạm trồng cây giống, các đội trồng cây, các tổ kiểm lâm nhân dân bảo vệ rừng của các hợp tác xã. Năm 1977, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng bộ huyện, các trạm trồng cây ở 11 xã đã ươm, trồng được hàng chục vạn cây giống, chủ yếu là phi lao và bạch đàn. Lâm trường quốc doanh huyện ươm được 43.000 cây dừa trồng trên diện tích 761,9 ha. Với nhiều biện pháp tích cực, chủ động, trong 5 năm 1977-1981 công tác trồng cây, gây rừng, phát triển lâm nghiệp thu được nhiều kết quả

1. Phòng Thống kê huyện Đức Phổ: *Báo cáo tình hình kinh tế tổng hợp của huyện Đức Phổ*, ngày 12-11-1978, tr.3.

to lớn. Hàng nghìn hécta đất trống, đồi trọc, bãi cát ven biển được phủ xanh. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện từ chủ trương nông - lâm kết hợp.

Với tiềm năng dồi dào về đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản, làm muối, ngay từ khi thực hiện chủ trương hợp tác hoá, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo, vận động ngư dân, thợ thủ công vào làm ăn tập thể trong các tập đoàn sản xuất, tổ hợp tác sản xuất. Đến cuối năm 1978, huyện Đức Phổ xây dựng được 70 tổ, đội hợp tác đánh bắt cá biển, với 2.600 lao động. Trong đó Tổ hợp tác Quyết Tiến số 2 xã Phổ Thạnh được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình biểu dương là một trong những điển hình tiên tiến trong sản xuất, làm ăn có lãi. Sản lượng đánh bắt bình quân hàng năm khoảng 3.000 tấn, trong đó Nhà nước thu mua 450 tấn. Trong 2 năm 1977-1978, nhân dân các xã ven biển chế biến và bán cho Nhà nước nửa triệu lít nước mắm và 10 tấn mực khô.

Với diện tích 105 ha ruộng muối được đưa vào khai thác, bình quân hàng năm bà con diêm dân sản xuất được 6.000 tấn muối. Có năm như năm 1977 thời tiết thuận lợi sản lượng muối đạt 8.282 tấn.

Nuôi cá nước ngọt là một thế mạnh của huyện và trở thành phong trào trong những năm 1976-1980. Với diện tích 700 ha đầm, hồ, nhiều hợp tác xã đã tận dụng nuôi cá, góp phần cải thiện đời sống. Huyện xây dựng một trại nuôi cá giống ở xã Phổ Hoà để cung cấp giống cho bà con nông dân nuôi trồng. Năm 1980, các hồ, đập lớn như Liệt Sơn, An Thọ, Sở Hầu được nuôi thả hàng chục vạn con cá giống. Sản lượng hàng năm đạt 20 tấn, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân.

Sau giải phóng, hầu hết các ngành thủ công truyền thống của huyện đều mang tính sản xuất nhỏ lẻ, trang thiết bị lạc hậu. Thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo khôi phục các làng nghề thủ công truyền thống, xây dựng một số ngành nghề mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống. Sau một thời gian kiên trì chỉ đạo, vận động, đến năm 1979, huyện cải tạo và xây dựng được 32 cơ sở tiểu, thủ công nghiệp, trong đó có 22 hợp tác xã, 10 tổ hợp sản xuất, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, tạo ra hàng hoá phục vụ xuất khẩu, như măng trúc, thảm xơ dừa, v.v..

Đối với các phương tiện vận tải, huyện từng bước cải tạo vận tải tư nhân, xây dựng các hợp tác xã vận tải. Năm 1978, huyện đưa 60 chiếc xe lam, xe TOYOTA vào hợp tác xã, hàng chục xe vận tải có tải trọng trên 2 tấn vào xí nghiệp công tư hợp doanh. Tuy các phương tiện vận tải còn ít nhưng nhờ sắp xếp hợp lý nên cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân. Trong hơn 3 năm từ năm 1976 đến giữa năm 1979, nhân dân trong huyện duy tu, bảo dưỡng được 97 km đường bộ, khôi phục, sửa chữa nhiều cầu, cống và hàng trăm kilômét đường liên thôn, liên xã. Các đường giao thông quan trọng từ trung tâm huyện đi Mỹ Á, Phổ Nhơn, An Thọ được sửa chữa, nâng cấp, mở rộng phục vụ sản xuất và đi lại của nhân dân.

Hệ thống bưu điện bước đầu được xây dựng, bảo đảm một phần thông tin liên lạc từ huyện đến xã, nhất là các xã vùng ven quốc lộ và trung tâm huyện lỵ.



Đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng
chụp ảnh lưu niệm với cán bộ lãnh đạo huyện nhân dịp về thăm cán bộ
và nhân dân huyện Đức Phổ (tháng 12-1991)



Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị,
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
về thăm và tiếp xúc cử tri tại xã Phở Thạnh (năm 2003)



Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội
về thăm di tích Bệnh xá huyện Đức Phổ - nơi Anh hùng, liệt sĩ,
bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm công tác và hy sinh (năm 2006)



KHÁNH THÀNH **BỆNH XÁ ĐẶNG THÙY TRÂM** CÔNG TRÌNH DO BAN ĐOÀN BÁC TUỔI TRẺ CẢ NƯỚC ĐÓNG GÓP **PHỔ CƯỜNG**



Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, \

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về dự lễ khánh thành

Bệnh xá Đặng Thùy Trâm tại xã Phổ Cường (tháng 12-2006)



Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị,
Thủ tướng Chính phủ về thăm và tặng quà cho Bệnh xá Đặng Thùy Trâm
(năm 2008)

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, ngày 25-4-1978, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo tổ chức cho nhân dân trong huyện thực hiện việc đổi tiền, thống nhất hệ thống tiền tệ trong cả nước an toàn, đúng quy định.

Tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng trong chỉ đạo thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, phân phối lưu thông, nhưng trong thực tế hoạt động của các ngành này ngày càng bộc lộ nhiều bất cập do không phù hợp với quy luật khách quan. Mục đích của công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp được xác định là xây dựng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Năm 1980, huyện Đức Phổ cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cải tạo nhưng cũng như nhiều địa phương khác, các hợp tác xã bắt đầu lâm vào tình trạng khó khăn. Sản xuất nông nghiệp giảm sút cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Năm 1980, tổng diện tích gieo trồng chỉ đạt 16.530 ha, bằng 87% kế hoạch, giảm 9,7% so với năm 1979; sản lượng lương thực chỉ đạt 16.048 tấn, bằng 66,6% kế hoạch, giảm 17,4% so với năm 1979. Thu nhập của xã viên giảm sút, bình quân ngày công của xã viên nơi cao nhất là 2,65 kg thóc/công, nơi thấp nhất 0,5 kg thóc/công¹. Xã viên không tập trung sản xuất cho hợp tác xã. Nhiều xã viên còn tận dụng đất hoang hóa, lấn chiếm đất hợp tác xã để trồng rau màu trang trải phần lương thực, thực phẩm bị thiếu hụt. Các vật tư nguyên liệu như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu sử dụng lãng phí, hư hao, mất mát. Diện tích gieo trồng, sản lượng các loại cây lương thực ở các hợp tác xã đều bị sụt

1. Huyện uỷ Đức Phổ: *Báo cáo tổng kết năm 1980*, tr.7.

giảm. Bộ máy hợp tác xã công kênh. Năm 1980, đội ngũ cán bộ từ đội phó đến chủ nhiệm hợp tác xã trong toàn huyện lên tới 927 người.

Tình hình đó ở Đức Phổ cũng đồng thời diễn ra khá phổ biến trong cả nước, đặt ra cho Đảng ta yêu cầu thực tiễn, bức thiết là phải tìm hướng đi và cách làm thích hợp để từng bước khắc phục khó khăn, ổn định đời sống nhân dân. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khoá IV (tháng 9-1979) đã đề ra phương hướng và các giải pháp đưa nền kinh tế nước ta thoát khỏi tình trạng trì trệ, khủng hoảng. Hội nghị đưa ra một số chủ trương có tính đột phá như ổn định nghĩa vụ bán lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thoả thuận và được lưu thông tự do; khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, cả gia đình xã viên, nông dân cá thể tận dụng diện tích đất đai, ao, hồ, đầm nước còn hoang hoá để phát triển sản xuất, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm; bỏ phân phối theo định suất, định lượng, thực hiện phân phối theo lao động.

Quán triệt và thực hiện chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khóa IV) và Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 28-5-1980 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thí điểm khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, từ vụ đông - xuân 1980-1981, huyện Đức Phổ chọn Hợp tác xã Phổ Thuận 2 làm điểm khoán cây lúa và mở rộng khoán chăn nuôi, ngành nghề và các loại cây trồng khác.

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp

tác xã nông nghiệp, bước đầu tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, rút kinh nghiệm tổ chức khoán ở Hợp tác xã Phổ Thuận 2, huyện Đức Phổ mở rộng việc thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động ở nhiều hợp tác xã trong toàn huyện.

Những năm 1976-1981, tuy tình hình kinh tế - xã hội bước vào giai đoạn gặp khó khăn do khí hậu, thời tiết không thuận lợi và nhất là sự chủ quan, duy ý chí muốn đẩy nhanh quá trình cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, nhưng Đảng bộ huyện rất quan tâm sự nghiệp phát triển văn hóa, xã hội.

Phòng Văn hoá huyện hình thành các bộ phận như đội tuyên truyền lưu động, bộ phận viết tin, bài cổ động, bộ phận kẻ vẽ, trang trí, bộ phận bảo tồn, bảo tàng, thư viện, bộ phận văn nghệ quần chúng. Các xã có Ban Văn hoá thông tin. Các thiết chế văn hóa bước đầu được xây dựng, trong đó có Nhà Văn hóa huyện được khởi công xây dựng trong thời kỳ này. Ngành văn hoá thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là các chủ trương xây dựng hợp tác xã, xây dựng vùng kinh tế mới; tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ. Năm 1978, ngành văn hoá huyện tổ chức thành công Hội diễn Văn nghệ công - nông - binh toàn huyện với gần 300 diễn viên không chuyên, công diễn tại 3 xã Phổ Văn, Phổ Khánh, Phổ Hoà thu hút hàng vạn lượt người xem và cổ vũ. Hai đội chiếu bóng lưu động của huyện thực hiện hàng trăm buổi chiếu bóng tại các thôn, xã.

Ngày 18-3-1978, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Chỉ thị số 20-CT/TV về tăng cường công tác bảo tồn và phát huy

tác dụng các di tích lịch sử. Cùng với khẳng định giá trị các di tích lịch sử trong việc giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, Chỉ thị yêu cầu các địa phương, đơn vị khẩn trương tiến hành điều tra, thu thập các hiện vật, thống kê các di tích văn hóa, lịch sử, lập đầy đủ hồ sơ, phân loại, xếp hạng từng loại hiện vật, di tích; tiến hành từng bước việc xây dựng nhà truyền thống, tượng đài, bia chiến thắng, bia căm thù, v.v..

Thực hiện Thông tri số 113-TT/TW ngày 1-7-1980 của Ban Bí thư về việc chỉ đạo vận động nếp sống mới và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 24-9-1980, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Chỉ thị số 19-CT/HU về việc tiếp tục phát động cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, quyết định lấy xã Phổ Hoà, Xí nghiệp Xây dựng, Bệnh viện huyện và Trường phổ thông cấp III Đức Phổ làm điểm phát động thực hiện cuộc vận động.

Hệ thống loa truyền thanh được mở rộng đến 27/83 thôn trong toàn huyện, góp phần thông tin kịp thời chủ trương của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở.

Sự nghiệp giáo dục, đào tạo của huyện cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Tính đến năm học 1977-1978, hầu hết các thôn đều có lớp phổ thông cấp I, các xã đều có trường, lớp phổ thông cấp II. Toàn huyện có 35.256 học sinh phổ thông các cấp, tăng gấp 6 lần so với ngày đầu giải phóng. Tỷ lệ lên lớp và đỗ tốt nghiệp khá cao (93-95%). Ngoài ra, huyện còn tổ chức mở các lớp bổ túc văn hoá cho cán bộ, nhân dân. Đến năm 1979, toàn huyện có 10/12 xã hoàn thành chương trình

bổ túc văn hoá cấp I. Trường Bổ túc Văn hoá tập trung huyện được đầu tư xây dựng mỗi năm có hàng trăm cán bộ các cấp theo học. Năm học 1978-1979 trường là lá cờ đầu của ngành bổ túc văn hoá tỉnh Nghĩa Bình, được Bộ Giáo dục tặng bằng khen. Các thầy cô giáo trong các cấp học, bậc học thường xuyên được học tập chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện nguyên lý giáo dục học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội, thời kỳ này hầu hết các trường phổ thông cấp II, cấp III, bổ túc văn hoá đều tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia lao động sản xuất, làm hồ đập thủy lợi, đào ao cá Bác Hồ, làm đường sắt Bắc - Nam, dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm sạch đẹp, văn minh.

Công tác y tế được chú trọng và phát triển tương đối đều khắp. Mạng lưới y tế từ huyện đến thôn, xã được củng cố. Đến năm 1979, toàn huyện có 6/12 xã có trạm y tế. Bệnh viện huyện được sửa chữa mới quy mô 80 giường, với 2 liên khoa nội nhi lâm và ngoại sản. Nhờ đó công tác khám chữa bệnh cho nhân dân có nhiều tiến bộ hơn so với trước giải phóng. Các cơ sở y tế tư nhân, cửa hàng thuốc tư nhân đều bị xoá bỏ. Phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh được duy trì, phát triển. Nhiều xã trong huyện xây dựng được 3 công trình vệ sinh giếng nước, nhà tắm, hố xí ở từng hộ gia đình. Các loại dịch bệnh thường diễn ra trước ngày giải phóng như sốt rét, lao, tả, lỵ, thương hàn được khống chế, dập tắt. Các xã có phong trào vệ sinh, phòng dịch khá thời kỳ này là Phổ Cường, Phổ Hoà, Phổ Khánh, Phổ Minh, Phổ Thuận... Công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch, tuy còn là lĩnh vực mới mẻ nhưng được các ngành và địa

phương trong huyện tích cực thực hiện. Phong trào trồng và sử dụng thuốc nam để chữa bệnh phát triển ở một số địa phương, đơn vị. Năm 1978, toàn huyện có 9 vườn thuốc nam, với diện tích 7.250 m². Phòng Chẩn trị Đông y huyện có vườn thuốc nam rộng 3.000 m² trồng các loại cây thuốc như hương nhu, sả, sâm đại hành, bạc hà, sinh địa, v.v..

Công tác thương binh - xã hội thường xuyên được Đảng bộ quan tâm. Dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, cơ quan Quân sự huyện thành lập Ban Chính sách, các tổ, nhóm phối hợp với các ngành chức năng trong và ngoài tỉnh để tìm kiếm, quy tập hài cốt, mộ liệt sĩ. Đến cuối năm 1980, toàn huyện có 5.442 liệt sĩ được công nhận, trong đó có gia đình bà Đồng Thị Minh ở xã Phổ Quang có 6 con, bản thân và chồng là liệt sĩ; gia đình bà Nguyễn Thị Đồng ở xã Phổ Khánh có 5 con và chồng là liệt sĩ; và nhiều gia đình khác có từ 5 con là liệt sĩ. Hầu hết các xã đều xây dựng nghĩa trang liệt sĩ. Các ngành chức năng của huyện hằng năm tổ chức cấp hàng chục tấn lương thực cứu tế các đối tượng chính sách, người gặp khó khăn, hoạn nạn.

II. CỬNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH, XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Sau ngày đất nước thống nhất, quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm nhiệm vụ

củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng đề cao cảnh giác, sẵn sàng đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch. Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV), số 10-NQ/TW, ngày 27-7-1978, về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới; và Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ, tháng 12-1978, Huyện uỷ Đức Phổ ban hành chỉ thị, xác định nhiệm vụ chính trị quan trọng và cực kỳ cấp bách của Đảng bộ huyện lúc này là tập trung phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, phòng, chống bọn vượt biên, phá hoại cách mạng. Đây là một cuộc đấu tranh hết sức phức tạp, quyết liệt vừa tham gia chi viện sức người, sức của góp phần cùng cả nước giữ vững biên cương, lãnh thổ của Tổ quốc, vừa phải ra sức đấu tranh, phòng ngừa, đối phó với bọn phản động trong nội địa, không để xảy ra bạo loạn với các biện pháp tích cực nhất, khẩn trương nhất, tiến hành phát động cao trào quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị vừa chiến đấu, vừa sản xuất và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước mắt phòng, chống bạo loạn trong mọi tình huống.

Quán triệt nội dung chỉ thị, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Toàn huyện xây dựng 2 tiểu đoàn dự bị động viên, 2 đại đội bộ binh bổ sung làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia. Mỗi xã tổ chức được 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân tự vệ. Khi xảy ra xung đột biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, toàn huyện có hàng trăm thanh niên hăng hái tham gia nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Chỉ tính trong 2 năm 1978-1979, toàn huyện có

876 thanh niên lên đường nhập ngũ, trong đó có 206 đoàn viên thanh niên làm nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia.

Công tác xây dựng trận địa, xây dựng cụm phòng thủ chiến đấu, tuần tra, bảo vệ các mục tiêu kinh tế - xã hội quan trọng được Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo. Huyện uỷ chỉ đạo các xã, nhất là các xã ven biển xây dựng các công trình phòng thủ, trú tránh bom, đạn như lô cốt bê tông, hầm kè, hầm cá nhân, chòi gác biển, hào giao thông. Các mục tiêu kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn huyện được lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra canh gác. Cầu chui Phổ Khánh, hầm đèo Bình Đê, cầu lớn Phổ Thuận được bảo vệ nghiêm ngặt. Lực lượng vũ trang huyện kịp thời xây dựng các kế hoạch phòng thủ ven biển, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt, chống bạo loạn, kế hoạch động viên thời chiến, các biểu mẫu phục vụ diễn tập thực binh thời chiến. Các kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của huyện được Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đánh giá cao về tác dụng thực tiễn.

Công tác tuyển quân hàng năm tuy gặp rất nhiều khó khăn, nhưng nhờ sự chỉ đạo tập trung của Huyện uỷ, sự phối hợp của các cấp, các ngành, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng nên nhiều năm liền huyện đều hoàn thành chỉ tiêu giao quân. Nhiều gia đình có 2 đến 3 con nối tiếp nhau nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1978, để ghi nhận những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngoài các đồng chí Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cao, quân và dân xã Phổ Cường, quân và dân huyện Đức Phổ, quân và dân xã Phổ Châu và các đồng chí Võ Duy Chín, Nguyễn Văn Tròn, Nguyễn Bá, Châu Thọ Chín vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Từ năm 1978, lợi dụng tình hình khó khăn của đất nước, nhất là từ khi xảy ra xung đột biên giới Tây Nam và phía Bắc, một số người đã từng tham gia chế độ cũ, bọn phản động đội lốt tôn giáo trên địa bàn huyện dùng mọi cách phao tin, đồn nhảm, tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gây hoang mang trong quần chúng. Chúng kích động nhân dân chống chủ trương xây dựng hợp tác xã, đi xây dựng kinh tế mới, chống nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc, lén lút móc nối cướp tàu thuyền tổ chức vượt biển trốn ra nước ngoài. Trước tình hình đó, Huyện uỷ chỉ đạo Công an huyện phối hợp với lực lượng quân sự huyện, 2 đồn công an vũ trang Sa Huỳnh và Mỹ Á một mặt tuyên truyền, vận động nhân dân đề cao cảnh giác, nhận thức rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, mặt khác tiến hành các đợt truy quét làm trong sạch địa bàn, kiên quyết xử lý những trường hợp cố tình vi phạm pháp luật tạo uy thế chính trị và củng cố lòng tin của nhân dân. Công an huyện đã điều tra, khám phá nhiều vụ phạm pháp hình sự, nổi bật là phối hợp chặt chẽ với công an các địa phương phá vỡ tổ chức phản động “Bảo Long phục quốc”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ, huyện thành lập Ban Chống tiêu cực (còn gọi là Ban 79) làm nhiệm vụ theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế, phân phối lưu thông. Nhiều vụ, việc tiêu cực được xử lý, góp phần lập lại trật tự, kỷ cương xã hội, từng bước củng cố lòng tin của nhân dân.

Những năm đầu sau giải phóng, cùng với cả nước, Đức Phổ cũng gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Không chỉ xung đột biên

giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, Mỹ và các thế lực thù địch quốc tế còn tiếp tục bao vây, cấm vận kinh tế, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta gây thiệt hại lớn về người và của của nhân dân ta. Huyện Đức Phổ lại liên tiếp nhiều năm liền thời tiết diễn biến bất lợi. Sau hạn hán lại lũ lụt xảy ra cuốn trôi nhiều nhà cửa, mùa màng thất bát, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Một số nơi nạn đói cục bộ diễn ra. Tình hình đó tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quốc phòng, an ninh. Tuy cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, nghĩa vụ của công dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, nhưng trong từng việc làm cụ thể, hành động cụ thể lại nổi lên một số hiện tượng tiêu cực như: tinh thần tự giác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa cao. Nhiều thanh niên trốn tránh hoặc chống lệnh khám sức khỏe, chống lệnh nhập ngũ. Khi nhập ngũ nhiều thanh niên lại thiếu tu dưỡng, rèn luyện nên đào ngũ, bỏ ngũ¹. Vùng biển Đức Phổ có một số phần tử xấu nhen nhóm tổ chức vượt biển trốn ra nước ngoài, tác động tiêu cực đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Cao điểm như năm 1980, toàn huyện xảy ra 17 vụ, 311 người vượt biển.

Hoạt động của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng các cấp trong những năm 1976-1981 đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong 5 năm 1976-1981, huyện Đức Phổ tổ chức 3 lần bầu cử Hội đồng nhân dân huyện.

1. Năm 1980, huyện Đức Phổ chỉ đạt 49,6% chỉ tiêu giao quân, 135 quân nhân đào ngũ được vận động trở lại quân ngũ, 36 quân nhân đào ngũ phải đưa đi lao động bắt buộc (xem Báo cáo năm 1980 của Huyện uỷ Đức Phổ).

Đồng chí Bùi Huy Thọ được Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trong nhiệm kỳ 1977-1979 và nhiệm kỳ 1979-1982.

Ngoài việc củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, thời kỳ này Ban Thường vụ Huyện uỷ hết sức quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Nhiều cán bộ, đảng viên được cử đi học bổ túc văn hóa và đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường của tỉnh và Trung ương.

Ngày 24-3-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định chia xã Phổ An Quang thành 2 xã Phổ An và xã Phổ Quang. Đến thời điểm này huyện Đức Phổ có 13 xã.

Ngày 26-4-1981, thực hiện Chỉ thị số 102-CT/TW ngày 17-1-1981 của Ban Bí thư về việc tổ chức và lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khoá VII, hơn 99% cử tri Đức Phổ cùng với cử tri trong tỉnh hăng hái tham gia bầu cử Quốc hội khoá VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khoá V, nhiệm kỳ 1981-1985.

Tuy vậy, công tác xây dựng, củng cố chính quyền trong những năm 1976-1982 vẫn còn nhiều khuyết điểm, hạn chế, nhất là trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong những năm 1976-1982 tập trung vào việc tuyên truyền, giáo dục hội viên, đoàn viên bản chất tốt đẹp của xã hội xã hội chủ nghĩa, động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng vững mạnh.

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể¹ tập trung tuyên truyền, vận động hội viên nông dân vào các hợp tác xã, xây dựng và củng cố tổ chức hội ở cơ sở. Hội Phụ nữ tích cực vận động hội viên hưởng ứng phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động. Nhiều tổ chức hội cơ sở và hội viên đi đầu trong các phong trào lao động sản xuất, khai hoang, làm thủy lợi, làm phân bón, chăn nuôi, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới. Công đoàn huyện thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị phát động đoàn viên thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tham gia quản lý kinh tế - xã hội, bảo đảm ngày công, giờ công. Đoàn thanh niên tiếp tục phát huy tính tiên phong, xung kích của tuổi trẻ. Hằng năm, Đoàn huy động được hàng nghìn lượt đoàn viên thanh niên lao động trên các công trình thủy lợi, khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới.

Tuy vậy, trong công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng thời kỳ này vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Việc tổ chức, vận động tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng về ý thức làm chủ tập thể chưa rộng khắp và sâu sắc. Những biểu hiện tiêu cực trong xã hội chưa được khắc phục kịp thời. Các hoạt động của quần chúng tuy có phong trào nhưng chưa mạnh, chưa quan tâm đến quyền lợi của hội viên, đoàn viên. Bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ các cấp, nhất

1. Theo Chỉ thị số 78-CT/TW ngày 27-9-1979 của Ban Bí thư, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam được tách ra trở thành một tổ chức chính trị - xã hội thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trước đây, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể là tổ chức thuộc Ban Nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương.

là ở cơ sở còn yếu, phương thức hoạt động chưa phong phú, một số cấp uỷ, chính quyền ở một số nơi chưa thật sự quan tâm thường xuyên đến công tác dân vận.

Một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của Đảng bộ huyện trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ 1976-1982 là đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Ngay sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và đại hội đảng các cấp thành công tốt đẹp, Huyện uỷ chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ nghiên cứu, học tập những quan điểm cơ bản của Đảng về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, về cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, nhất là chủ trương cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, công thương nghiệp, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Qua học tập, quán triệt đường lối của Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ nhận thức sâu sắc hơn về tình hình của đất nước, những khó khăn, thuận lợi trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đó mỗi người xác định rõ hơn quan điểm, lập trường, tinh thần trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị số 192-CT/TW và Chỉ thị số 72-CT/TW ngày 5-8-1979 của Ban Bí thư về việc tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức đảng, và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ tổ chức cho cán bộ, đảng viên tiến hành đợt kiểm điểm tự phê bình, phê bình, đấu tranh làm trong sạch nội bộ Đảng. Năm 1979, kết thúc đợt tự phê bình, phê bình, toàn Đảng bộ huyện có

268 đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm, chiếm 13,7%, trong đó có 155 đảng viên giác ngộ chính trị thấp. Để giúp đỡ những đảng viên giác ngộ chính trị thấp, Ban Tuyên huấn Huyện uỷ tổ chức mở lớp học 3 bài lý luận chính trị cơ bản là: mục tiêu, lý tưởng của Đảng; tính chất và vai trò của đảng viên; nhiệm vụ của đảng viên công sản. Với nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục, kiểm điểm tự phê bình, phê bình nên chỉ trong một thời gian ngắn tư tưởng trong cán bộ, đảng viên từng bước chuyển biến tích cực, các hiện tượng tiêu cực giảm dần. Nhiều cán bộ, đảng viên khắc phục được khuyết điểm, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là chủ trương xây dựng hợp tác xã, khai hoang, đi xây dựng vùng kinh tế mới, làm thuỷ lợi, v.v..

Nhằm nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Huyện uỷ thường xuyên quan tâm cử nhiều cán bộ các cấp, các ngành đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại các trường trong huyện, tỉnh và Trung ương. Chỉ riêng năm 1979, toàn huyện có 440 lượt cán bộ được cử đi học văn hóa, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó học bổ túc văn hóa 157 đồng chí, học chính trị 271 đồng chí.

Công tác phát triển đảng viên tuy được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm, nhưng nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa thật sự chú ý. Vì vậy, trong 3 năm 1977-1979, toàn Đảng bộ huyện chỉ kết nạp được 117 đảng viên mới. Do không phát triển được đảng viên nên một số tổ chức cơ sở đảng có ít đảng viên trẻ. Cá biệt, Đảng bộ xã Phổ Nhơn có 2/3 đảng viên là cán bộ hưu trí.

Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư về việc phát Thẻ đảng viên, năm 1980 Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức 4 đợt phát Thẻ đảng viên nhân dịp các ngày kỷ niệm 3-2, 19-5, 2-9, 7-11. Toàn Đảng bộ huyện có 971 đảng viên được phát Thẻ đảng trong các đợt này.

Tuy đạt được nhiều kết quả trong công tác xây dựng Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Đảng bộ lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhưng trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ vẫn còn một số mặt hạn chế, yếu kém. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng tuy được Đảng bộ rất quan tâm nhưng chưa đáp ứng được tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nhất là nhận thức của cán bộ, đảng viên về những thành tựu đạt được, những yếu kém, khuyết điểm trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống. Trình độ nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở một số tổ chức đảng vẫn còn nhiều bất cập, nhất là khả năng lãnh đạo, thuyết phục, vận động nhân dân thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hoá. Nhiều chi bộ, đảng bộ không phát triển được đảng viên. Kỷ luật đảng chưa được nhận thức đúng mức, một số vụ kỷ luật thực hiện chưa nghiêm minh.

*

* *

Trong 6 năm 1976-1982, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống và đã

đạt được nhiều kết quả quan trọng. Ngành nông nghiệp đã cơ bản tự giải quyết được lương thực và có một phần làm nghĩa vụ với Nhà nước. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển tương đối đa dạng, phục vụ được một phần tiêu dùng của nhân dân trong huyện. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành. Các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có bước phát triển đáng kể, góp phần nâng cao dân trí và đời sống tinh thần của nhân dân. Quốc phòng, an ninh có nhiều tiến bộ. Công tác xây dựng Đảng, thiết lập, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đạt được những kết quả tích cực, góp phần cùng Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh và cả nước hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên một số lĩnh vực còn có những hạn chế nhất định. Đó là, công tác điều tra, quy hoạch, phân vùng kinh tế, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng phát triển kinh tế còn mang tính chủ quan, đề ra nhiều chỉ tiêu vượt quá khả năng, điều kiện thực tế của một huyện nghèo bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Nông nghiệp phát triển chưa cân đối, chủ yếu tập trung vào trồng trọt, vào cây lúa, chăn nuôi chưa được quan tâm phát triển đúng mức. Quốc phòng - an ninh tuy vẫn được giữ vững nhưng một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn lơ là, mất cảnh giác, nhất là tuyến biển để một số người vượt biển trốn ra nước ngoài, gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng còn nặng về hội họp, phát động phong trào, ít quan tâm đến quyền lợi của hội

viên, đoàn viên. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về tình hình và nhiệm vụ mới của bước chuyển giai đoạn từ chiến tranh sang hoà bình xây dựng đất nước còn nhiều hạn chế. Công tác phát triển đảng viên mới chưa được các tổ chức đảng quan tâm đúng mức. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa được thực hiện và phát huy mạnh mẽ trong thực tiễn cuộc sống.

Nhận thức rõ những hạn chế, yếu kém đó, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ phấn đấu phát huy kết quả đã đạt được, đồng thời nỗ lực khắc phục khó khăn, thử thách tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Chương III

KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, TIẾP TỤC CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, RA SỨC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG (10-1982 - 9-1986)

I. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN VIỆC ĐIỀU CHỈNH CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, với việc thực hiện một số chủ trương đổi mới, nhất là từng bước điều chỉnh cơ chế quản lý kinh tế nên tình hình kinh tế - xã hội nước ta có chiều hướng phát triển tốt hơn. Tuy nhiên, những yếu tố đó chưa đủ điều kiện đưa đất nước ta vượt qua khó khăn, khủng hoảng. Vì vậy, nhiều chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra không thực hiện được. Nhiều lĩnh vực sản xuất vẫn trong tình trạng trì trệ, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế giảm sút. Vấn đề công ăn, việc làm, tệ nạn xã hội trở thành một trong những vấn đề xã hội bức xúc. Trong khi đó, chủ

nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đất nước đứng trước nhiều thử thách nặng nề.

Để đưa nước ta vượt qua khó khăn, khủng hoảng, từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V tại Hà Nội. Đại hội đã phân tích rõ những khó khăn to lớn của tình hình đất nước, bước đầu điều chỉnh đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng phản ánh sự đổi mới tư duy của Đảng đang được hình thành, coi ổn định tình hình kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết nhất.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 3 đến ngày 5-11-1982, tại Trường Đảng huyện, Đảng bộ huyện Đức Phổ tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XII (vòng 2), nhiệm kỳ 1982-1986¹. Tham dự Đại hội có 176 đại biểu chính thức, đại diện cho 46 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Tham dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Trương Quang Chân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đại diện các ban Đảng của Tỉnh ủy.

Đại hội có nhiệm vụ đánh giá những ưu, khuyết điểm, phân tích rõ nguyên nhân dẫn đến thắng lợi và khuyết điểm, hạn chế trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện các nghị quyết của Đảng thời kỳ 1976-1982. Đồng thời các đại biểu dự Đại hội đã thảo luận, thống nhất phương hướng, nhiệm vụ, quyết định những chủ trương, biện pháp

1. Theo quy định của Trung ương và của tỉnh, Đại hội này có hai phần: Đại hội nội bộ và Đại hội công khai.

lớn nhằm phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm đưa kinh tế - xã hội của huyện vượt qua khó khăn, thử thách đạt được những kết quả to lớn hơn trong những năm 1982-1986 và những năm tiếp theo.

Với sự nhất trí cao Đại hội đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ 1982-1986 là: “Phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí của Đảng bộ và quần dân trong huyện, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực, tự cường, động viên sức mạnh tổng hợp của cán bộ và nhân dân với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, quyết tâm phấn đấu, góp phần cùng cả nước thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược, mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đề ra”¹.

Về các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1982-1986, Đại hội xác định: Phải tập trung sức mạnh phát triển nông nghiệp, trọng tâm hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp với tiểu, thủ công nghiệp để tạo ra nhiều sản phẩm, phục vụ cho nhu cầu trong huyện và theo kế hoạch của trên. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, quan tâm trước hết là thủy lợi, giao thông vận tải, phục vụ cho nhu cầu sản xuất, đời sống hiện tại và những năm tiếp theo, cải tiến công tác phân phối, lưu thông, thực hành tiết kiệm. Tiếp tục củng cố tăng cường hơn nữa công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất trong ngành ngư nghiệp, tăng cường quản

1. Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII.

lý thị trường. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hoá, cải tiến quản lý kinh tế - xã hội. Hết sức chăm lo, ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đồng thời làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Xây dựng lực lượng bán vũ trang, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, củng cố các tuyến phòng thủ, tăng cường tuần tra, canh gác, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống vượt biển, chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo vệ quê hương và Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu từ năm 1982 đến năm 1986, Đại hội xác định: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động”, trong hợp tác xã nông nghiệp, hoàn thành việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Đại hội đề ra chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. *Về nông nghiệp*: phấn đấu đạt được 32.000 tấn lương thực năm 1983, 33.800 tấn lương thực năm 1984 và 37.500 tấn lương thực năm 1985, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 266 kg năm 1983, 285 kg năm 1984 và 300 kg năm 1985. Đi đôi thâm canh, phấn đấu mở rộng diện tích gieo trồng đạt 18.000 ha năm 1983, 18.500 ha năm 1984 và 19.000 ha năm 1985. Xây dựng vùng trọng điểm lúa có năng suất cao ở những vùng có công trình thuỷ lợi kiên cố, đưa năng suất từ 60 tạ/ha năm 1983 lên 70 tạ/ha năm 1985 trên một số diện tích ở các xã Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Ninh, Phổ Hoà, Phổ Minh, Phổ Nhơn, Phổ Vinh, Phổ Cường, Phổ Khánh. Đẩy mạnh phát triển diện tích cây mía ở những vùng kinh tế mới như Huân Phong (Phổ

Cường), Phố Nhơn và Nông trường 24-3 và các xã có diện tích mía lớn như Phố Cường, Phố Khánh, Phố Vinh, Phố An, Phố Phong, Phố Nhơn, Phố Ninh, Phố Hoà và Phố Thuận, nâng sản lượng mía đạt 4,2 vạn tấn năm 1985. Tăng nhanh số lượng trâu bò lên 15.800 con, heo 36.000-37.000 con, gia cầm 15 vạn con. Phát động toàn dân trồng rừng và bảo vệ rừng, chú ý phủ xanh đồi trọc và bãi cát ven biển. Đưa diện tích trồng rừng mới hàng năm từ 150 ha đến 200 ha. Hoàn thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong ngư nghiệp, phấn đấu khai thác cá biển hàng năm từ 3.000 tấn năm 1983 lên 4.000 tấn năm 1985; ương thả 1 triệu cá con và đưa sản lượng hải sản xuất khẩu từ 47 tấn năm 1983 lên 63 tấn năm 1985. *Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:* phấn đấu đến năm 1985, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 11,5 triệu đồng, hàng năm xuất khẩu đạt 2 triệu đồng. *Về xây dựng cơ bản:* tiến hành xây dựng hồ chứa nước Huân Phong, đê ngăn mặn đồng muối Sa Huỳnh, đê ngăn mặn ở các xã Phố An, Phố Quang, xây dựng các đập Bàu Đen (Phố Cường), Đá Giăng (Phố Phong) và hoàn thành các công trình kênh mương thuỷ lợi dẫn nước từ hồ chứa nước Liệt Sơn, hoàn thành xây dựng xí nghiệp đường, rượu, xây dựng nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm. *Về thu mua nông sản, thực phẩm:* thực hiện thu mua 4.000 tấn thóc năm 1983 và lên 4.500 tấn năm 1985; 1.000 tấn đường năm 1983 và lên 1.500 tấn năm 1985; 250 tấn thịt heo hơi và 12.000 tấn muối ăn năm 1985. *Về giáo dục:* phấn đấu hàng năm số học sinh đỗ tốt nghiệp lớp 9 và lớp 12 đạt từ 85-95%, chuyển cấp đạt 90%, đưa 50% các cháu vào trường mẫu giáo và 20% cháu vào nhà trẻ.

Đại hội xác định công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của cấp uỷ đảng các cấp.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII gồm 33 đồng chí, trong đó có 2 uỷ viên dự khuyết, Ban Thường vụ có 9 đồng chí, đồng chí Vũ Tùng Vi được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ, các đồng chí Nguyễn Đức Lợi và Nguyễn Tấn Tuỳ được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Từ ngày 31-1 đến ngày 5-2-1983 tại thị xã Quy Nhơn, Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ III (vòng 2). Đại hội kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm 1979-1982, đề ra 4 mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 1985.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của các quan điểm, chủ trương mới, nhất là các quan điểm, chủ trương về điều chỉnh cơ chế quản lý kinh tế được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và đại hội đảng các cấp, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Chỉ thị số 16-CT/TV ngày 23-5-1983 về việc mở các lớp giáo dục, bồi dưỡng ngắn hạn học tập 13 chuyên đề của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chỉ thị yêu cầu các cấp uỷ đảng phải tạo điều kiện cho tất cả cán bộ, đảng viên đều được học tập, quán triệt Nghị quyết. Thời gian mỗi lớp cho cán bộ chủ chốt các cấp là 15 ngày, đảng viên các tổ chức đảng là 8 ngày. Đây là lần đầu tiên Đảng bộ huyện tổ chức các lớp học nghị quyết với quy mô lớn, dài ngày cho từng loại cán bộ, đảng viên.

Việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng đã giúp đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về các chủ trương mới của Đảng, cùng với cấp uỷ xây dựng các chương trình hành động cụ thể, các phong trào cụ thể đưa nghị quyết vào cuộc sống. Chuyển biến nhanh chóng nhất, có hiệu quả nhất thời kỳ này là thực hiện đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp. Năm 1980, cũng như các địa phương khác trong tỉnh, huyện Đức Phổ hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, đưa tuyệt đại đa số nông dân vào hợp tác xã. Chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất trong nông nghiệp bị xoá bỏ. Người nông dân cá thể đã chuyển thành giai cấp nông dân tập thể. Đến năm 1983, toàn huyện xây dựng được 34 hợp tác xã. Quy mô ruộng đất mỗi hợp tác xã bình quân 200-250 ha. Đa số các hợp tác xã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật, quản lý được phần lớn ruộng đất, sức kéo, lao động, phát triển ngành nghề, bước đầu phân công lại lao động, cải tạo đồng ruộng, khai hoang phục hoá, làm các hồ đập, kênh mương thủy lợi, phát triển giao thông nông thôn. Tuy nhiên, mô hình tổ chức và quản lý hợp tác xã nông nghiệp có những điểm không còn phù hợp, hiệu quả thấp. Trong 34 hợp tác xã của huyện Đức Phổ chỉ có 9 hợp tác xã khá (26,4%), còn lại là hợp tác xã trung bình và yếu kém, trong đó có 11 hợp tác xã trung bình (32,4%), 14 hợp tác xã yếu kém (41,2%). Xã viên ít quan tâm đến hiệu quả sản xuất của hợp tác xã. Nguồn thu nhập chính của xã viên từ kinh tế tập thể chiếm tỷ lệ thấp hơn kinh tế cá thể. Toàn huyện vẫn còn 2 thôn ở xã Phổ Khánh và 2 thôn ở xã Phổ Thạnh chưa xây dựng được hợp tác xã. Trong huyện xảy ra nhiều vụ tranh chấp, lấn chiếm ruộng đất, xây dựng nhà trái phép trên ruộng đất đang canh

tác, tự ý lập vườn, lấn chiếm ruộng làm vườn khá phổ biến ở một số hợp tác xã¹.

Từ khi thực hiện rộng rãi chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân huyện Đức Phổ từng bước khởi sắc. Hầu hết nông dân đầu tư thêm công sức, vốn liếng, áp dụng khoa học, kỹ thuật để thâm canh, tăng năng suất, tăng phần sản lượng vượt khoán. Cùng với cơ chế khoán theo Chỉ thị 100, việc đổi mới phương thức canh tác truyền thống từ gieo mạ, cấy chuyển sang sạ thẳng đã góp phần giải phóng sức sản xuất, tăng nhanh sản lượng lúa trong cơ cấu sản phẩm lương thực. Kỹ thuật sạ lúa được bắt đầu từ hợp tác xã Phổ Thuận 2, với năng suất rất cao 6 tấn/ha, sau đó lan dần và trở thành phổ biến ở tất cả các hợp tác xã trong huyện. Huyện cũng đã đầu tư xây dựng một số mô hình hợp tác xã 10 tấn/ha/năm như hợp tác xã Phổ Thuận 2 và Phổ Văn 1; mô hình hợp tác xã đạt 10.000 tấn mía/năm như Phổ Nhơn. Từ các mô hình này, huyện nhân rộng ra nhiều hợp tác xã khác trong toàn huyện.

Nhờ sự năng động, sáng tạo trong chỉ đạo thực hiện cơ chế mới và áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đổi mới phương thức canh tác, đến năm 1985, tuy phải chuyển 400 ha ruộng lúa năng suất thấp, không chủ động nguồn nước tưới sang trồng cây công nghiệp, nhưng sản lượng lương thực toàn huyện vẫn tăng từ 29.100 tấn (năm 1982) lên xấp xỉ 36.000 tấn, tăng 24%. Bình quân lương thực đầu người từ

1. Huyện uỷ Đức Phổ: *Báo cáo sơ kết công tác bảo vệ và chống dịch phá hoại nông nghiệp trong năm 1981-1985*, tr.3. (Báo cáo số 08/HU, ngày 11-3-1987).

274 kg (năm 1982) lên trên 300 kg (năm 1985). Huyện xây dựng được vùng lúa cao sản với diện tích 400 ha, năng suất bình quân trên 10 tấn/ha/năm. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây lương thực, cây công nghiệp tăng nhanh. Ngoài lượng vật tư, phân bón do Nhà nước đầu tư, các hộ nông dân còn bón thêm phân chuồng, phân xanh. Một số hồ đập thủy lợi được hoàn thành trong thời kỳ này như hồ Hốc Nghi, Hốc Cây, Huân Phong, Cây Khế, kênh N2 Liệt Sơn; đập dâng Đá Giăng, hồ chứa nước Ông Thơ được gia cố, sửa chữa, đưa diện tích tưới chủ động tăng thêm gần 500 ha. Nhiều cánh đồng như Nga Mân, Bàn Thạch (Phổ Cường) quanh năm khô hạn đã tưới tiêu chủ động cả 2, 3 vụ trong năm. Toàn huyện khai hoang được 598 ha ruộng đất. Vận động được 917 hộ, 2.657 nhân khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới, chủ yếu là huyện Cát Tiên (Lâm Đồng)¹. Những kết quả đó phản ánh nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, đồng thời đã chứng tỏ cơ chế quản lý kinh tế mới trong nông nghiệp có tác dụng thiết thực, hiệu quả, đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp là một ngành sản xuất có tính đặc thù, phụ thuộc rất nhiều vào khí hậu, thời tiết. Trong những năm 1982-1986, sản xuất nông nghiệp của huyện Đức Phổ cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh phải chịu ảnh hưởng nặng nề của những đợt hạn hán, lũ lụt. Năm 1982, toàn huyện bị hạn hán nặng, sâu bệnh phá hại trên diện rộng. Nạn đói trở thành một nguy cơ đe dọa

1. Hiện nay ở Cát Tiên (Lâm Đồng) có xã Đức Phổ với hầu hết dân cư là nhân dân trong huyện đi kinh tế mới thời kỳ này.

hàng nghìn hộ dân. Trước tình hình đó, một mặt Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung huy động nhân dân đào ao, vét giếng, tu sửa hồ đập lấy nước tưới cứu lúa ở những chân ruộng thấp, trũng, tăng cường trồng hoa màu, các loại rau đậu trang trại tại chỗ, cứu đói. Mặt khác, Ban Thường vụ Huyện ủy chủ trương liên kết với Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh đổi lưu hàng hóa, mở hướng tháo gỡ khó khăn, giúp dân vượt qua nạn đói. Thực hiện chủ trương này, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện họp bàn với các hợp tác xã Phổ Cường, Phổ Ninh, Phổ Nhơn, Phổ An, Phổ Khánh, Phổ Vinh là những địa phương có thể mạnh trồng mía, ngoài phần làm nghĩa vụ cho Nhà nước, phần còn lại vận động nhân dân bán cho Nhà máy Đường, đổi lưu với Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh đổi lại lương thực được mua từ các tỉnh phía nam. Với sự năng động này, nhân dân trong huyện đã vượt qua nạn đói, sản phẩm của hợp tác xã và người nông dân được tiêu thụ thuận lợi.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả trong sản xuất, giải quyết được nhiều khó khăn về đời sống nhân dân, nhưng do việc thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là một việc làm còn mới mẻ, lại chỉ mới được thực hiện trong một thời gian ngắn, nên không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Việc xác định các định mức khoán chưa chặt chẽ, nơi cao, nơi thấp sinh ra so bì trong nội bộ xã viên với nhau hoặc giữa xã viên của hợp tác xã này với xã viên của hợp tác xã khác. Nhiều hợp tác xã chưa trả tiền hoá giá trâu bò cho xã viên. Đến năm 1983, toàn huyện vẫn còn 15 hợp tác xã chưa hoá giá, 2 hợp tác xã đã hoá giá nhưng chưa dứt điểm, 2 hợp tác xã đã hoá giá nhưng mới trả tiền được 33% đến 67%.

Về quản lý ruộng đất cũng gặp rất nhiều khó khăn. Về tình hình xây dựng hợp tác xã, Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (năm 1983) về những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và xã hội trước mắt, nhận định: Nhìn chung phong trào đang đậm chân tại chỗ, từng nơi có chiều hướng đi xuống. Một số nơi kinh tế cá thể tự do phát triển gây ảnh hưởng đến kinh tế tập thể¹.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi được Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo phát triển đàn gia súc, gia cầm trong các hợp tác xã và hộ gia đình. Đến cuối năm 1985, toàn huyện có 2.310 con trâu, trong đó có 1.620 con trâu cày kéo, đàn bò có 16.750 con, trong đó có 8.130 con bò cày kéo; đàn heo có 36.085 con; chăn nuôi gia cầm đạt 230.700 con. Các hợp tác xã và tổ hợp tác nghề cá có bước phát triển khá, với năng lực tàu thuyền đạt 5.000 CV, sản lượng đánh bắt bình quân mỗi năm 4.500 tấn cá biển, trong đó bán đối lưu cho Nhà nước khoảng 2.500 tấn. Diện tích ruộng muối được mở rộng lên 105 ha. Năm 1983 có sản lượng muối cao nhất đạt được 6.758 tấn.

Công tác giao đất, giao rừng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, được Ban Thường vụ Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các xã thành lập Ban Lâm nghiệp và Phòng, chống cháy rừng. Đến năm 1985, toàn huyện giao

1. Huyện uỷ Đức Phổ: Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (năm 1983), tr.3.

được trên 5.000 ha rừng cho 14 hợp tác xã quản lý. Diện tích trồng rừng mới tăng gấp 5 lần so với năm 1982, trồng cây phân tán đạt 110% chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đề ra.

Ngày 21-1-1981, thực hiện Quyết định số 25/CP của Hội đồng Chính phủ về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh; và Quyết định số 26/CP của Hội đồng Chính phủ về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân huyện và các ban, ngành hướng dẫn các nhà máy, xí nghiệp quốc doanh trên địa bàn huyện chủ động xây dựng kế hoạch tự chủ về tài chính, thực hiện các chính sách đối lưu lương thực, thu mua nguyên liệu, phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp đã giữ vững hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn về vật tư, nguyên liệu. Kết quả thực hiện chính sách tự chủ về tài chính và trả lương khoán, lương sản phẩm bước đầu phát huy hiệu quả. Năm 1985, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng gấp 2 lần năm 1982, góp phần giải quyết một phần nhu cầu hàng tiêu dùng của nhân dân trong huyện và xuất khẩu. Năm 1984, ngoài một số ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp truyền thống như đồ gốm, dệt, chế biến lâm sản..., Xí nghiệp Đường - Rượu, với công suất 270 tấn đường kết tinh và 100.000 lít rượu một năm được hoàn thành, đưa vào sử dụng, góp phần tiêu thụ một phần nguyên liệu của nông dân làm ra.

Một số công trình quan trọng được xây dựng đã hoàn thành trong giai đoạn này, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đó là trạm điện diêzen 600 kVA, trạm điện lớn nhất các huyện phía bắc tỉnh Nghĩ Bình chỉ sau trạm điện thị xã Quảng Ngãi; cầu Đò Mốc trên đường Trà Câu - Mỹ Á hoàn thành nối liền các xã từ Phổ Văn đến các xã Phổ Quang, Phổ An; bệnh viện da khoa 100 giường; nhà văn hóa huyện sau một thời gian xây dựng đã hoàn thành đưa vào sử dụng là những công trình tiêu biểu về công tác chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần cho nhân dân. Công trình hồ chứa nước Núi Ngang có năng lực tưới 5.000 ha cũng được khảo sát thiết kế trong giai đoạn này.

Giữa những năm 80 của thế kỷ XX, mặc dù cơ chế quản lý kinh tế từng bước được đổi mới thoát dần tình trạng kế hoạch hoá, bao cấp nhưng lĩnh vực phân phối, lưu thông vẫn ở trong tình trạng rối ren, giá cả biến động mạnh, lạm phát tăng cao, nạn đầu cơ, buôn lậu khá phổ biến. Để tháo gỡ khó khăn, tháng 6-1985, Hội nghị Trung ương 8 (khoá V) họp bàn về giá - lương - tiền và khẳng định: *“không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt, trong khi vẫn duy trì bao cấp qua giá và lương”*¹. Hội nghị chủ trương xóa bỏ bao cấp trong giá - lương - tiền, thực hiện chế độ một giá kinh doanh. Những nội dung cơ bản nêu trên là một bước đột phá quan trọng trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, tiến tới xóa bỏ hoàn toàn cơ chế kinh tế bao cấp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.46, tr.113.

Quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương được nêu trong Nghị quyết Trung ương 8, Huyện uỷ tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng. Ngày 23-7-1985, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Nghị quyết số 17/NQ-TV về việc triển khai Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương. Nghị quyết xác định việc thực hiện chủ trương của Trung ương về giá - lương - tiền là một nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất của huyện, là yêu cầu cấp bách, khâu đột phá có tính quyết định để xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Các cấp, các ngành phải nghiêm túc thực hiện nhằm bảo đảm 5 mục tiêu chủ yếu mà Trung ương đã nêu ra. Trước mắt, huyện thí điểm đưa lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm ở Công ty Thương nghiệp tổng hợp¹ và Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu xây dựng. Nhanh chóng chấn chỉnh lại tổ chức, sắp xếp mạng lưới phân phối lưu thông, điều chỉnh và tăng cường đội ngũ cán bộ, trước mắt là đội ngũ cán bộ ngành thương nghiệp.

Để thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-TV, Ban Thường vụ Huyện uỷ thành lập Ban Chỉ đạo gồm 13 thành viên do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm trưởng ban. Sau khi sơ kết rút kinh nghiệm ở các đơn vị làm điểm, Ban Thường vụ Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo triển khai trên diện rộng đối với tất cả các công ty, xí nghiệp do huyện quản lý. Các công ty, xí nghiệp từng bước sắp xếp lại tổ chức, đội ngũ cán bộ, chuyển một bộ phận lao động gián tiếp sang lao động

1. Công ty Thương nghiệp tổng hợp huyện Đức Phổ đồng thời cũng là thí điểm của tỉnh.

trực tiếp; xây dựng các phương án sản xuất, kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm; tăng cường hình thức liên doanh, liên kết trao đổi hàng hoá để nắm tiền, hàng, nhất là các hàng hoá thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Nhờ sắp xếp hợp lý, một số sản phẩm hạ được giá thành, có thị trường tiêu thụ ổn định. Hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện tiếp tục được củng cố. Nhiều quầy hàng, điểm bán hàng được mở rộng. Các cửa hiệu tư nhân được khôi phục hoạt động, bán hàng theo giá quy định của Nhà nước và giá được niêm yết công khai. Các đội quản lý thị trường tích cực hoạt động kiểm soát giá cả, chống đầu cơ, nâng giá hàng hoá.

Nhờ các biện pháp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 được tiến hành thận trọng, chặt chẽ nên giá cả, lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện không có biến động lớn. Ngành thương nghiệp huyện chủ động nắm được nguồn hàng, nhất là lương thực, thực phẩm, góp phần điều tiết, ổn định thị trường. Những kết quả đó góp phần làm cho sản xuất và lưu thông có chuyển biến khá hơn trước, từng bước giảm bớt khó khăn về đời sống của nhân dân, nhất là những người hưởng lương.

Tuy vậy, do những sai lầm trong quá trình thực hiện cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền, nên càng về sau tình hình kinh tế - xã hội nói chung, lĩnh vực phân phối, lưu thông trong cả nước xấu đi một cách nghiêm trọng. Lạm phát diễn ra trầm trọng hơn, giá cả tăng vọt, sự chênh lệch giữa giá và lương, giữa lương danh nghĩa và lương thực tế ngày càng lớn. Tình hình đó tác động gay gắt đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện và phải mất nhiều năm sau đó mới khắc phục được tình trạng này.

Tuy tình hình phát triển kinh tế những năm 1982-1985 gặp nhiều khó khăn, ngân sách đầu tư cho sự nghiệp văn hoá, xã hội rất eo hẹp nhưng một số lĩnh vực vẫn có sự phát triển khá.

Hoạt động văn hoá, thông tin có nhiều chuyển biến tích cực. Nhà Văn hoá huyện được xây dựng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hệ thống truyền thanh cơ sở trong toàn huyện có 27 đài, trạm. Trong 2 năm liền 1983-1984, Đài Truyền thanh huyện Đức Phổ được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc. Đội Chiếu phim lưu động của huyện thường xuyên phục vụ các thôn, xã xa trung tâm huyện. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, bài trừ các hủ tục mê tín, dị đoan, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, quét sạch văn hoá phẩm đồi trụy được các địa phương, cơ sở thực hiện đạt kết quả tốt. Năm 1985, nhân kỷ niệm 10 năm giải phóng huyện Đức Phổ (23-3-1975 - 23-3-1985) ngành văn hóa huyện tổ chức triển lãm thành tựu phát triển kinh tế - xã hội thu hút trên 4 vạn người xem. Đội Văn nghệ của huyện tham gia Hội diễn văn nghệ tỉnh Nghĩa Bình đạt giải B đồng đội và một số cá nhân được thưởng huy chương vàng, bạc. Phù điêu về sự kiện biểu tình tiến chiếm Huyện đường Đức Phổ (ngày 8-10-1930) được xây dựng. Một số xã như Phổ Văn, Phổ Cường, Phổ Thạnh xây dựng được nhà truyền thống.

Mạng lưới y tế của huyện và cơ sở tiếp tục được củng cố. Tư nhân được mở quầy thuốc kinh doanh, góp phần khắc phục sự khan hiếm thuốc chữa bệnh trên địa bàn huyện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường. Bệnh viện huyện và trạm y tế các xã có 200 giường bệnh, bình quân 600 dân có 1 giường bệnh. Cuộc vận động xây dựng 3 công trình

vệ sinh được nhân dân sôi nổi hưởng ứng¹. Ý thức của người dân về vệ sinh phòng chống dịch bệnh từng bước được nâng cao, góp phần hạn chế các loại dịch bệnh bùng phát khá phổ biến trong thời kỳ này như tả, thương hàn, đặc biệt là dịch tả “4 không”.

Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được phát động từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX ngày càng được người dân hưởng ứng, thực hiện. Ngày 9-3-1983, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Chỉ thị số 08/CT-HU về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Chỉ thị yêu cầu để đạt được mục tiêu đến năm 1985 tỷ lệ tăng dân số trong toàn huyện còn 1,8%, các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng cần vận động phụ nữ đẻ thưa từ 4 đến 5 năm một cháu, mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh từ 1 đến 2 cháu, không kể con trai hoặc con gái; phụ nữ không sinh con trước 22 tuổi và sau 35 tuổi. Huyện chọn xã Phổ Thạnh làm điểm chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 08 trước khi triển khai ra diện rộng. Nhiều biện pháp khuyến khích thực hiện sinh đẻ có kế hoạch được áp dụng như hợp tác xã trợ cấp lúa, tính công điểm cho phụ nữ đặt vòng tránh thai... Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp được Ban Thường vụ Huyện uỷ giao nhiệm vụ làm nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động chị em trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai. Nhờ thực hiện tốt công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch, đến năm 1985, tỷ lệ tăng dân số toàn huyện chỉ còn 1,7%, vượt 0,1% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đề ra.

1. Ba công trình vệ sinh gồm giếng nước, nhà tắm và hố xí.

Sự nghiệp giáo dục đạt được một số kết quả tích cực. Nhiều trường duy trì được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Đến năm 1985, toàn huyện có 104 lớp mẫu giáo, với 3.374 cháu; 493 lớp cấp I, với 19.311 học sinh; 198 lớp cấp II, với 8.033 học sinh. Ban Thường vụ Huyện ủy có chủ trương và chỉ đạo thành lập trường chuyên và trung tâm thí nghiệm thực hành. Một số trường tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi tham gia đội tuyển của huyện thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Các trường cấp II Phổ Thuận 1, Phổ Thạnh 1 xây dựng được phòng thí nghiệm thực hành. Đến năm 1985, hơn 80% lớp học được ngói hoá.

Ngày 6-7-1985, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Chỉ thị số 07-CT/TV về nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng cách mạng trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Chỉ thị yêu cầu: Ban Thường vụ Đảng uỷ xã tập trung chỉ đạo nâng cao công tác phát triển giáo dục cả 3 cấp học mầm non, bổ túc văn hóa và giáo dục phổ thông. Quan tâm lãnh đạo quản lý chặt chẽ các hoạt động của nhà trường. Giáo viên phải nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy chế chuyên môn, từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy. Học sinh phải chăm chỉ học tập, thực hiện đúng nội quy nhà trường.

Tuy đạt được một số kết quả nhất định, nhưng thời kỳ 1982-1985 lĩnh vực văn hoá, xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Hoạt động văn hóa, thông tin còn nặng về hình thức. Việc xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, xoá bỏ các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan còn chậm. Năm 1985, dịch tả "4 không" bùng phát ở 3 xã Phổ Thạnh, Phổ Khánh, Phổ Thuận, với 23 ca, trong đó có 3 ca tử vong. Hoạt động khám, chữa bệnh của tuyến y tế cơ sở còn yếu. Tỷ

lệ hộ dân xây dựng, sử dụng 3 công trình vệ sinh còn thấp. Đời sống cán bộ, giáo viên gặp nhiều khó khăn, nên chất lượng dạy học giảm sút. Đội ngũ giáo viên cấp I chỉ mới đạt chuẩn 40%. Ngành học bổ túc văn hóa, tuy nhu cầu rất lớn, nhưng toàn huyện vẫn còn 5 xã có tỷ lệ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên đi học còn thấp. Trường lớp tuy đã số được ngói hoá, nhưng trang thiết bị, đồ dùng dạy học còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cải cách giáo dục.

II. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, CÙNG CỐ CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG, GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG, AN NINH

Cùng với tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ thường xuyên quan tâm lãnh đạo phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh công tác xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Ngày 29-4-1984, đông đảo cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và xã. Cuộc bầu cử diễn ra an toàn, đúng luật. Kết quả có 98,33% cử tri trong huyện tham gia bầu 52 đại biểu vào Hội đồng nhân dân huyện khoá IV, nhiệm kỳ 1984-1987. Đồng chí Nguyễn Đức Lợi được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Sau bầu cử bộ máy chính quyền huyện và cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn.

Vai trò quản lý nhà nước, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền ngày càng được nâng lên. Chế độ tiếp dân, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo của công dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân có tiến bộ hơn. Mối quan hệ và lễ lối làm việc giữa cấp uỷ đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng gắn chặt hơn trong việc thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Các phòng, ban trực thuộc Uỷ ban nhân dân huyện được sắp xếp lại theo Nghị định số 86/HĐBT. Sau khi sắp xếp, một số cán bộ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cũng như các địa phương khác trong tỉnh những năm 1982-1986, công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực của bộ máy chính quyền các cấp vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm. Tổ chức, quản lý sản xuất còn thiếu đồng bộ, chưa quan tâm chỉ đạo sản xuất các mặt hàng cần thiết phục vụ đời sống nhân dân. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Công tác quản lý sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn lúng túng. Thị trường hàng hoá bị tư thương thao túng, giá cả biến động mạnh, gây bất lợi cho nền kinh tế và đời sống nhân dân. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Năng lực một bộ phận cán bộ còn hạn chế.

Mặt trận Tổ quốc các cấp trong huyện là lực lượng nòng cốt, trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân thường xuyên vận động các tầng lớp nhân dân tích cực xây dựng nếp sống

văn minh, gia đình văn hoá mới, hoà giải các mâu thuẫn, xích mích trong các cộng đồng dân cư. Hằng năm, Mặt trận vận động được hàng triệu đồng ủng hộ đồng bào bị thiên tai, xây dựng quỹ chi viện tiền phương, quỹ bảo thọ, mua công trái xây dựng Tổ quốc. Cuối năm 1982, hưởng ứng cuộc vận động mua công trái xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đức Phổ tuy gặp khó khăn do thiên tai, mất mùa nhưng Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo, lấy xã Phổ Hòa làm điểm, ra sức vận động nhân dân trong huyện mua công trái. Có gia đình đã bỏ ra 2,5 lạng vàng mua công trái. Với những kết quả đạt được về mua công trái, huyện Đức Phổ được Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng. Mặt trận cũng đã thực hiện tốt công tác hiệp thương giới thiệu đại biểu ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1984-1987.

Năm 1983, hưởng ứng chủ trương của Trung ương Đoàn, Huyện đoàn Đức Phổ tổ chức lễ xuất quân “Theo bước chân những người anh hùng”. Nhiều công trình hoàn thành trong thời kỳ này mà thanh niên là lực lượng nòng cốt như công trình thuỷ lợi Huân Phong (Phổ Cường), đường Trà Câu - Đò Mốc, đê ngăn mặn An - Quang, công trình phòng thủ bờ biển xã Phổ Thạnh, trồng cây dọc quốc lộ 1... Các cấp bộ Đoàn tích cực vận động đoàn viên, thanh niên hăng hái lên đường bảo vệ Tổ quốc. Đến năm 1985, Huyện đoàn tổ chức phát Thẻ đoàn viên cho hàng nghìn đoàn viên xuất sắc trong toàn huyện.

Phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” tiếp tục được các cấp hội phụ nữ phát động rộng khắp trong cơ sở hội. Nhiều hội viên đã nêu cao tinh thần làm chủ,

hăng hái tham gia các phong trào lao động sản xuất, chăn nuôi, tiết kiệm, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, động viên chồng, con lên đường bảo vệ Tổ quốc. Năm 1984, toàn huyện có 850 chị được tặng danh hiệu “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Các cấp hội vận động hội viên góp hàng trăm nghìn đồng chi viện các tỉnh biên giới phía bắc khắc phục hậu quả xung đột biên giới, ủng hộ dân quân huấn luyện, nuôi dưỡng các trẻ mồ côi không nơi nương tựa.

Tháng 12-1984, Huyện uỷ tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình cán bộ nữ trên địa bàn huyện theo chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ. Đánh giá tình hình cán bộ nữ, Huyện uỷ khẳng định: Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đội ngũ cán bộ nữ đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Nhiều phụ nữ được đào tạo, bồi dưỡng trở thành những cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trong các ngành khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế... Đại bộ phận chị em được thử thách, rèn luyện trong chiến đấu, lao động sản xuất, luôn luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Trên mọi lĩnh vực công tác, mọi cương vị được Đảng giao phó, chị em đều nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, điểm yếu trong công tác cán bộ nữ của huyện là tỷ lệ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý còn thấp, đang có chiều hướng giảm sút. Có một số tổ chức đảng nhiều năm liền không kết nạp được đảng viên nữ. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ gặp nhiều khó khăn, do năng lực, trình độ của phụ nữ chưa đáp ứng yêu cầu hoặc một số chị em còn tự ty, mặc cảm, nặng công việc gia đình, chưa cố gắng phấn đấu

vươn lên trong học tập, công tác. Để khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trong công tác cán bộ nữ, Huyện uỷ yêu cầu các cấp, các ngành cần phải tạo chuyển biến mạnh mẽ về quan điểm, nhận thức đối với cán bộ nữ. Tiến hành rà soát, phát hiện đưa vào quy hoạch những cán bộ nữ có trình độ, năng lực, được quần chúng tín nhiệm để có kế hoạch đưa đi đào tạo, bồi dưỡng. Các cấp uỷ đảng cần quan tâm công tác kết nạp đảng viên nữ, coi phát triển đảng viên nữ là nhiệm vụ thường xuyên, phấn đấu hằng năm đưa tỷ lệ kết nạp đảng viên nữ lên 20-30%.

Hoạt động công đoàn tập trung chủ yếu vào việc vận động đoàn viên phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị làm ra nhiều mặt hàng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Công đoàn giữ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động công nhân, người lao động thực hiện chế độ khoán sản phẩm trong các xí nghiệp quốc doanh, tập thể. Tổ chức công đoàn các cấp được củng cố, giữ nền nếp sinh hoạt. Nhiều công đoàn cơ sở hưởng ứng ngày công lao động xã hội chủ nghĩa ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, đồng bào các tỉnh biên giới phía bắc. Nhiều đoàn viên tiết kiệm chi tiêu dành tiền mua công trái góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đến năm 1985, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể huyện có 34 chi hội, 265 tổ. Đây là lực lượng nòng cốt thường xuyên vận động nông dân tích cực thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Được các cấp hội vận động, nhiều hộ nông dân mạnh dạn đầu tư thêm ngày công lao động, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản

xuất, tăng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi. Năm 1983, các cấp hội vận động nông dân áp dụng đại trà kỹ thuật sạ lúa thay cho phương pháp cấy lúa truyền thống, vừa tiết kiệm được thời gian vừa tăng năng suất và sản lượng lúa. Nhiều chi hội tổ chức cho các hộ nông dân nhận khoán ruộng lúa cao sản. Năm 1984, có 4 chi hội đứng ra nhận khoán 400 ha lúa cao sản, năng suất bình quân đạt 8 tấn/ha.

Tuy vậy, trong bước chuyển giai đoạn từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thời kỳ này gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Nội dung, phương thức hoạt động chưa phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới. Điều kiện, phương tiện hoạt động thiếu thốn. Không ít hội cơ sở tồn tại chỉ mang tính hình thức. Đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, đoàn viên còn gặp nhiều khó khăn.

Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, trước những khó khăn về kinh tế và tác động của chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, nhất là tuyến biển diễn biến rất phức tạp. Tàu thuyền nước ngoài xâm phạm vùng biển, bắt giữ ngư dân. Vùng biển huyện Đức Phổ tiếp tục là “điểm nóng” về số vụ vượt biển trốn ra nước ngoài. Cao điểm như năm 1985, trên vùng biển của huyện có 8 vụ, 118 đối tượng vượt biển. Hằng năm, trên địa bàn huyện có hàng trăm thư từ, tiền, quà của các đối tượng vượt biển ra nước ngoài gửi về cho người thân lôi kéo, kích động vượt biển. An ninh nội bộ diễn biến khá phức tạp. Một số loại tội phạm có chiều hướng tăng hơn những năm trước đây.

Để giữ vững trận tuyến an ninh, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc, Ban Thường vụ Huyện uỷ xác định nhiệm vụ trọng tâm là đấu tranh làm thất bại âm mưu phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, xây dựng phòng tuyến an ninh, quốc phòng, chống gián điệp, phản động, chống vượt biển trốn ra nước ngoài, chống địch phá hoại kinh tế, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là Chỉ thị số 92-CT/TW của Ban Bí thư về thực hiện cuộc vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, Nghị quyết số 128/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về Chống tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và làm ăn phi pháp, Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 25-10-1982 về toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền cấu kết với đế quốc Mỹ. Với lực lượng công an làm nòng cốt, được quần chúng nhân dân tích cực tham gia, công tác giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Huyện thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng an ninh 5 xã tuyến biển do đồng chí Phó Bí thư Huyện uỷ làm trưởng ban. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân điển hình như ông Nguyễn Bá Độ và tập thể thuyền viên vây bắt, giao nộp cho chính quyền 19 tên vượt biển trốn ra nước ngoài. Ngư dân xã Phổ Thạnh và cán bộ, chiến sĩ đồn biên phòng 614 đuổi bắt tàu nước ngoài xâm nhập trái phép vùng biển nước ta, dù tàu của chúng có công suất lớn hơn nhiều lần.

Thực hiện 15 điều quy định của Ban Bí thư về bảo vệ nội bộ, cơ quan chức năng tiến hành rà soát, phát hiện, ngăn chặn kịp thời những luận điệu tuyên truyền của các đối tượng cơ hội, bất mãn chế độ. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm minh các vụ việc tiêu cực, tham ô, trộm cắp tài sản nhà nước, tạo niềm tin trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng. Nhiều đơn vị thực hiện tốt các phương án bảo vệ an ninh kinh tế, hạn chế được tiêu cực xảy ra như ở Ngân hàng huyện, Xí nghiệp Mỏ đá Mỹ Trang, Nông trường 24-3, Xí nghiệp Quản lý Thủy nông... Việc bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là tệ mê tín, dị đoan được nhân dân hưởng ứng. Xã Phổ Cường là một trong những xã đi đầu trong bài trừ mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới. Xã Phổ An, Phổ Quang có phong trào thu, nhật hàng tâm lý chiến trôi dạt trên biển nộp cho chính quyền tiêu hủy. Hằng năm, nhiều đối tượng hành nghề mê tín dị đoan bị phát hiện, đưa ra kiểm điểm, cảnh cáo trước nhân dân.

Trong công tác củng cố quốc phòng, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ đủ quân số, bảo đảm chất lượng chính trị, sức khỏe, thường xuyên luyện tập sẵn sàng chiến đấu. Hằng năm, huyện đều tổ chức huấn luyện, hội thao, diễn tập. Lực lượng vũ trang huyện phối hợp với các xã tổ chức tuần tra, kiểm soát, truy quét các địa bàn trọng điểm vùng biển, thị trấn, vùng giáp ranh. Các xã khá nhất trong xây dựng, củng cố quốc phòng thời kỳ này là Phổ Phong, Phổ Cường, Phổ Thuận, Phổ Nhơn, Phổ Minh, Phổ Ninh. Tuyến phòng thủ bờ biển của huyện được xây dựng, chủ yếu là cửa biển Mỹ Á

và Sa Huỳnh, với hàng nghìn ngày công, hàng trăm tấn vật liệu được huy động. Công tác tuyển quân nhiều năm đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen.

Tuy vậy, mặt hạn chế, khuyết điểm trong công tác quốc phòng, an ninh thời kỳ này là an ninh tuyến biển chưa vững chắc. Công tác nắm hộ, nắm người chưa chặt chẽ. Tuần tra, kiểm soát tuyến biển có nhiều sơ hở. Từ đó, các đối tượng xấu nhen nhóm vượt biển trốn lọt nhiều lần, với số lượng lớn ở 2 xã Phổ Quang, Phổ An¹. Công tác tuyển quân có năm chưa đạt chỉ tiêu như năm 1984 chỉ đạt 79,6% chỉ tiêu giao quân.

Những năm 1983-1985, tuy đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng trong việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân, nhưng hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại chưa khắc phục xong, cơ chế kinh tế mới còn manh nha, chưa phát huy hết tác dụng trong sản xuất, kinh doanh, đời sống nhân dân tiếp tục gặp nhiều khó khăn gay gắt. Một số cán bộ, đảng viên lo lắng. Niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng giảm sút. Trước tình hình đó, công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức đặt ra hết sức cấp bách. Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung củng cố, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với nhiệm vụ trọng tâm là làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn những khó khăn của đất nước, của tỉnh trong quá trình xoá bỏ cơ

1. Năm 1985, trên địa bàn hai xã xảy ra 8 vụ vượt biển, với 118 người, nhưng chỉ phát hiện, ngăn chặn được 4 vụ, với 34 người. Số còn lại đã trốn thoát.

chế tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; cán bộ, đảng viên gương mẫu giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thông qua việc tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội V của Đảng, Nghị quyết Đại hội III của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình và Đại hội XII của Đảng bộ huyện và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, hầu hết cán bộ, đảng viên thống nhất cao với các quan điểm, chủ trương của Đảng, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu trong công tác, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, bài trừ các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, chống tiêu cực, lãng phí.

Trường Đảng huyện được xây dựng và củng cố cả về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn mới. Trường mở rộng quy mô đào tạo, bồi dưỡng lý luận, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ đảng và các đoàn thể, cán bộ kỹ thuật, cán bộ xã, thôn. Trong 3 năm 1982-1985, trường Đảng huyện mở 12 lớp lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở với 668 học viên.

Ngày 25-1-1984, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành Nghị quyết về công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử Đảng. Nghị quyết xác định đến năm 1985, Đảng bộ phải hoàn thành công tác sưu tầm, giám định các tài liệu lịch sử cơ bản của Đảng bộ từ năm 1930 đến năm 1975 để biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện. Để hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này, Huyện uỷ thành lập bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng do đồng chí Phó Bí thư Huyện uỷ trực Đảng làm trưởng ban và một cán bộ chuyên trách. Cán bộ chuyên

trách có nhiệm vụ sưu tầm, tập hợp các tư liệu, tài liệu từ nhiều nguồn như hồi ký, tự thuật của các cán bộ lão thành cách mạng, tài liệu lưu trữ của huyện và các ban, ngành ở tỉnh. Trước mắt, nghị quyết yêu cầu cần tập trung sưu tầm thành các chuyên đề như lịch sử và địa lý huyện Đức Phổ; phong trào yêu nước của nhân dân Đức Phổ giai đoạn 1858-1930; sự hình thành tổ chức đảng đầu tiên và phong trào cách mạng giai đoạn 1930-1945, tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Đức Phổ; thơ ca yêu nước và kháng chiến huyện Đức Phổ giai đoạn 1858-1975; Đức Phổ - đất nước và con người. Nghị quyết còn nêu rõ việc kết hợp công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện với việc sưu tầm các di tích, di vật lịch sử, xây dựng nhà truyền thống, tượng đài, bia kỷ niệm. Trước mắt tập trung xây dựng tượng đài về sự kiện biểu tình chiếm Huyện đường Đức Phổ ngày 8-10-1930.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, thời kỳ này Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập Ban Dân vận Huyện uỷ.

Công tác củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng, xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở vững mạnh được Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm. Đối với nhiệm vụ xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, Ban Thường vụ Huyện uỷ chọn các chi bộ, đảng bộ xã có phong trào khá như Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Minh, Phổ Cường... làm điểm. Tiêu chí để đánh giá là: sản xuất phát triển, sản lượng lương thực tăng, đời sống nhân dân được cải thiện, các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng có phong trào khá, trật tự, an ninh trên địa bàn được giữ vững.

Tháng 1-1985, Đảng bộ huyện Đức Phổ được chọn là 1 trong 3 đảng bộ tiêu biểu của cả nước báo cáo điển hình tại Hội nghị xây dựng Đảng toàn quốc.

Cùng với công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, việc sắp xếp các tổ chức đảng được Huyện ủy điều chỉnh cho phù hợp với cơ chế kinh tế mới. Theo đó, các hợp tác xã đều thành lập các chi bộ, đảng bộ. Sau khi sắp xếp, điều chỉnh đến cuối năm 1985, toàn huyện có 48 chi bộ, đảng bộ cơ sở, trong đó có 13 đảng bộ xã. Qua phân loại tổ chức cơ sở đảng, nhiều chi bộ, đảng bộ yếu kém trước đây vươn lên trở thành chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Từ 1 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh năm 1982, đến cuối năm 1985, toàn huyện đã có 14 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Từ 6 chi bộ, đảng bộ yếu, kém chỉ còn 1 chi bộ yếu, không còn chi bộ, đảng bộ kém. Năm 1985, Đảng bộ xã Phổ Thuận và Đảng bộ xã Phổ Minh được Tỉnh ủy Nghĩa Bình tặng cờ Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, Đảng bộ xã Phổ An và xã Phổ Hoà được Tỉnh ủy biểu dương.

Từ năm 1983 đến tháng 6-1985, toàn Đảng bộ huyện kết nạp được 128 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn đảng bộ lên 2.324 đồng chí. Qua phân loại có 1.183 đồng chí đạt loại A, chiếm 50,9%; 999 đồng chí đạt loại B, chiếm 43%; 142 đồng chí đạt loại C, chiếm 6,1%.

Đi đôi với công tác củng cố tổ chức đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ, công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng được Đảng bộ coi trọng. Đến tháng 6-1985, toàn Đảng bộ huyện Đức Phổ xoá tên 22 đồng chí; kỷ luật 73 đồng chí, trong đó: khiển trách 5 đồng chí, cảnh cáo

18 đồng chí, cách chức 3 đồng chí, lưu đảng 13 đồng chí, khai trừ 34 đồng chí.

Với những kết quả đạt được, năm 1985 Đảng bộ huyện Đức Phổ được Tỉnh uỷ đề nghị Ban Bí thư Trung ương công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

*

* *

Sau 10 năm 1975-1985 kể từ ngày quê hương được giải phóng, cùng với cả nước và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được nhiều kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Huyện đã cơ bản hoàn thành xây dựng hợp tác hoá, đưa hầu hết nông dân cá thể vào các hợp tác xã. Từ khi thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, sản xuất nông nghiệp có chiều hướng phát triển tốt, cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tiểu, thủ công nghiệp xuất hiện một số sản phẩm có giá trị phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Cơ sở vật chất, nhất là một số công trình thuỷ lợi, giao thông được xây dựng, củng cố góp phần làm cho diện mạo đời sống xã hội nhiều nơi trong huyện được nâng lên. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Song bên cạnh những thành tích đã đạt được, vẫn còn nhiều yếu kém, hạn chế. Sản xuất chưa ổn định, chậm được tổ chức, sắp xếp lại, thường xuyên bị thiên tai tàn phá nặng nề. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn. Phân phối lưu thông còn khó khăn gay gắt, giá cả tăng nhanh. Đời sống của nhân dân lao động còn gặp nhiều khó khăn. Công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong

giai đoạn mới. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu rèn luyện nên tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, chưa xác định đúng vị trí của mình, không gương mẫu trước quần chúng, nhưng việc giáo dục, xem xét xử lý kỷ luật của tổ chức cơ sở đảng đối với đảng viên vi phạm không kịp thời, chưa thực sự nghiêm túc.

Tuy còn những hạn chế, thiếu sót, song những thành tựu của Đảng bộ và nhân dân trong huyện đạt được trong 10 năm 1975-1985 là hết sức quan trọng, để lại nhiều kinh nghiệm quý cho thời kỳ phát triển mới, thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Chương IV

LÃNH ĐẠO TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ LỚN, TỪNG BƯỚC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG (1986-1990)

I. KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

Bước sang năm 1986, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bước vào thời kỳ cải tổ, cải cách. Trong quá trình cải tổ, cải cách dấy lên hiện tượng phủ nhận quá khứ, phủ nhận thành tựu của chủ nghĩa xã hội và dần đưa các nước này lâm vào khủng hoảng.

Đối với nước ta, tuy đạt được những kết quả bước đầu trong việc điều chỉnh cơ chế quản lý kinh tế, từng bước xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp nhưng tổng thể nền kinh tế - xã hội vẫn trong tình trạng khó khăn.

Tình hình đó có những tác động, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực từ sản xuất đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân trong huyện. “Trong sản xuất chưa chủ động được kế hoạch cân đối vật tư phục vụ nông nghiệp, công tác cải tạo chưa

gắn chặt với xây dựng, việc quản lý trong một số hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn buông lỏng, chính sách thu mua nông sản không hợp lý ảnh hưởng đến sản xuất. Công nghiệp phát triển chậm, hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Giá cả luôn luôn biến động, đời sống gặp nhiều khó khăn”¹.

Ngày 11-3-1986, Ban Bí thư Trung ương ban hành Chỉ thị số 79-CT/TW về việc tổ chức đợt tự phê bình và phê bình chuẩn bị đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Đây là một cuộc vận động chính trị thiết thực, sâu sắc và rộng lớn trong Đảng nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đổi mới phong cách lãnh đạo và chính sách cán bộ của các cấp uỷ đảng. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức Hội nghị Huyện uỷ mở rộng nhằm thống nhất nhận thức về mục đích, yêu cầu, nội dung và kế hoạch tiến hành đợt tự phê bình và phê bình. Sau hội nghị, Ban Thường vụ Huyện uỷ phân công các đồng chí cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo triển khai đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức lấy ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự lãnh đạo của Ban Chấp hành và từng cá nhân các đồng chí trong Huyện uỷ. Căn cứ những ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Thường vụ Huyện uỷ gọi ý từng đồng chí kiểm điểm trước Ban Chấp hành, khẳng định những mặt tiến bộ, tích cực,

1. Huyện uỷ Đức Phổ: Nghị quyết số 02/NQ-HU, ngày 6-10-1986 về những công tác cấp bách trước mắt từ nay đến cuối năm 1986, tr.2.

đồng thời thẳng thắn phê bình, nhận rõ khuyết điểm và đề ra phương hướng khắc phục, sửa chữa. Đối với các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ huyện có 97,5% cá nhân cán bộ, đảng viên được kiểm điểm, tự phê bình và phê bình.

Việc thực hiện Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Tinh thần, ý thức trách nhiệm và khả năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tập thể và cá nhân trong Đảng bộ được nâng lên, nhất là chỉ đạo phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Năm 1986, mặc dù sản xuất nông nghiệp tiếp tục khó khăn về giống, vật tư, phân bón, thời tiết diễn biến không thuận lợi, nhưng tổng sản lượng lương thực quy ra thóc của huyện vẫn đạt 37.284 tấn, tăng 2.122 tấn so với năm 1985, nâng mức bình quân lương thực đầu người lên 305 kg/năm, tăng lên 5 kg so với năm trước. Các cây công nghiệp như mía, dừa, đậu phộng, đào lộn hột... đều đạt kế hoạch cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Chăn nuôi tiếp tục được đẩy mạnh. Đàn trâu, bò có 19.213 con, tăng 2% so với năm 1985. Ngư dân trong huyện khai thác được 4.500 tấn hải sản và 20,5 tấn cá nước ngọt, đạt 102,5% kế hoạch, tăng 11,5 tấn so với năm 1985. Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp được sắp xếp và từng bước chuyển đổi hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với cơ chế mới như hợp tác xã: dệt Phổ An, Phổ Văn, Phổ Thuận; măng trúc, mây tre Phổ Văn, Phổ Hoà; vôi Thành Hưng; Xí nghiệp Sản xuất gạch ngói Vạn Lý, Xí nghiệp Đường - Rượu, Nông trường 24-3, v.v.. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển, góp phần tăng lượng hàng hoá tiêu thụ trên thị trường trong huyện và tăng lượng hàng xuất khẩu như măng trúc, chổi đót...

Thực hiện Chỉ thị số 80-CT/TW, ngày 11-3-1986 của Ban Bí thư về đại hội đảng bộ các cấp, từ ngày 9 đến ngày 11-9-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ khoá XIII, nhiệm kỳ 1986-1989 được tổ chức tại Nhà Văn hoá huyện. Tham dự Đại hội có 175 đại biểu, thay mặt cho 2.354 đảng viên thuộc 53 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Với tinh thần “tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện (dự thảo) của Ban Chấp hành Trung ương khoá V trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Báo cáo Chính trị (dự thảo) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá III trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV; đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khoá XII, nhiệm kỳ 1982-1986, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ huyện khoá XIII, nhiệm kỳ 1986-1989.

Đại hội nhất trí khẳng định những kết quả đạt được, chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm, phân tích những thuận lợi và khó khăn trong những năm tới, tiếp thu, vận dụng quan điểm đổi mới của Đảng, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trong 3 năm 1986-1988 và đến năm 1990 là: “Động viên sự nỗ lực cao độ của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện, đẩy lên phong trào thi đua hành động cách mạng của quần chúng, tăng cường đoàn kết, nhất trí, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực vươn lên khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển sản xuất. Coi trọng nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, tiếp tục công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, thiết lập trật tự mới trên lĩnh

vực phân phối, lưu thông. Đẩy mạnh sự nghiệp phát triển văn hoá, xã hội một cách vững chắc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên củng cố quốc phòng, tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh gắn chặt với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng tạo nên sự chuyển biến mới đồng bộ nhằm ổn định tình hình và đời sống quần chúng tạo điều kiện đưa phong trào cách mạng huyện nhà tiến lên vững chắc”¹.

Đại hội xác định một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 1988 và năm 1990, trong đó: diện tích gieo trồng đạt 17.520 ha năm 1988, 18.250 ha năm 1990; sản lượng lương thực quy thóc đạt 40.000 tấn năm 1988, 42.500 tấn năm 1990; bình quân lương thực theo đầu người đạt 330 kg năm 1988, 340 kg năm 1990; đàn trâu đạt 2.450 con năm 1988, 2.570 con năm 1990; đàn bò đạt 17.700 con năm 1988, 18.500 con năm 1990; đàn heo đạt 36.500 con năm 1988, 38.000 con năm 1990. Sản lượng đánh bắt hải sản đạt 4.500 tấn năm 1988, 5.000 tấn năm 1990; sản lượng muối đạt 7.000 tấn năm 1988, 8-10.000 tấn năm 1990. Diện tích trồng rừng đạt 500 ha năm 1988, 600-700 ha năm 1990. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 11 triệu đồng năm 1988 và 18,6 triệu đồng năm 1990. Xây dựng cơ bản từ năm 1986 đến năm 1990 đạt 627 triệu đồng. Số người đi học/1 vạn dân đạt 2.860 người năm 1988, 2.960 người năm 1990. Số giường bệnh/1 vạn dân đạt 23 giường năm 1988, 32 giường năm

1. Báo cáo tình hình và nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ tại Đại hội lần thứ XIII (năm 1986), tr.11.

1990. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,4% năm 1988, 1,2% năm 1990. Tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 7% năm 1988, 8% năm 1990 dân số.

Để đạt các mục tiêu trên, Đại hội đề ra nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực như đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trong đó tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tổ chức lại công tác phân phối lưu thông, phân bổ lại lực lượng lao động và kế hoạch hoá dân số. Đẩy mạnh cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá một cách toàn diện và đều khắp, tạo bước chuyển biến mới về xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh. Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ. Tăng cường công tác kiện toàn, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng vững mạnh.

Đại hội bầu 48 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIII, trong đó có 11 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 11 đồng chí; đồng chí Nguyễn Đức Lợi được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Huỳnh Minh Lý và Nguyễn Đức Tâm được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ huyện dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Từ ngày 10 đến ngày 14-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ IV, nhiệm kỳ 1986-1990 được tổ chức tại thành phố Quy Nhơn. Đại hội thảo luận và thông qua báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng

viên trong toàn Đảng bộ vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV và bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đây là Đại hội đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu sự đổi mới về tư duy, về phong cách và tổ chức cán bộ, về nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội đề ra những chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: Chương trình lương thực, thực phẩm; Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng; và Chương trình sản xuất hàng xuất khẩu; tiếp tục đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; chăm lo phát huy nhân tố con người.

Tháng 7-1989, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và quyết định của Quốc hội khoá VIII, tỉnh Quảng Ngãi được tái lập. Việc tái lập tỉnh đã tạo được sự phấn khởi, khí thế mới, động viên cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện tinh thần thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Từ ngày 5 đến ngày 7-8-1989, Đảng bộ huyện Đức Phổ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1989-1992 tại Hội trường Trường Đảng huyện. Tham dự Đại hội có 196 đại

biểu, thay mặt 2.582 đảng viên thuộc 54 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ.

Đại hội bầu 37 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIV, nhiệm kỳ 1989-1992, trong đó có 3 đồng chí là ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức Lợi được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ. Các đồng chí Nguyễn Đức Tâm và Phạm Đông Hưng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Trong 5 năm 1986-1991, Đảng bộ huyện Đức Phổ tiến hành hai kỳ Đại hội. Cả hai Đại hội đều có nhiệm vụ tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra.

Ngay sau thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức quán triệt các quan điểm, chủ trương, đường lối đổi mới cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Qua học tập, quán triệt nội dung nghị quyết và chương trình hành động hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân đều phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, dấy lên phong trào thi đua lập thành tích chào mừng sự thành công của đại hội đảng các cấp, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra.

Với quan điểm coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trong 5 năm 1986-1991, Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương trong huyện bố trí lại cơ cấu đầu tư, xác định lại cơ cấu vật nuôi, cây trồng, thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích sản xuất,

cải tạo đồng ruộng nhằm đạt được mục đích thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Mặc dù được quan tâm chỉ đạo, dành các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp nhưng trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế của đất nước diễn ra ngày càng gay gắt, hàng hoá, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp khan hiếm, hạn hán, lũ lụt diễn ra thường xuyên, nhất là trận lũ lịch sử cuối năm 1986 làm cho sản xuất nông nghiệp giảm sút. Năm 1987, diện tích, năng suất, sản lượng lương thực của huyện đều không đạt kế hoạch và giảm so với năm trước. Năm 1988, tuy sản xuất nông nghiệp có phát triển khá hơn. Sản lượng lương thực đạt 39.600 tấn, tăng 3.000 tấn so với năm 1987, xấp xỉ kế hoạch đề ra, nhưng bình quân lương thực tính theo đầu người chỉ đạt 314 kg, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra.

Nguyên nhân sâu xa là sau một thời gian thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (Khoán 100), sản xuất nông nghiệp dần dần bộc lộ những điểm yếu, chưa giải quyết thích đáng mối quan hệ lợi ích. Lợi ích của người lao động ngày càng bị thu hẹp, trong khi lợi ích của Nhà nước và tập thể được coi trọng hơn. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động vẫn tách người nông dân với tư liệu sản xuất. Cơ chế thu mua nông sản, đối lưu hàng hóa có nhiều bất hợp lý, mua rẻ bán đắt, không sát với giá cả thị trường. Trên thực tế động lực lợi ích kinh tế của người lao động mất dần trong cơ chế Khoán 100.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập của Khoán 100, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về

đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (Khoán 10). Cuối tháng 3-1989, Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) ra nghị quyết kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và phương hướng, nhiệm vụ 3 năm 1989-1991, trong đó chủ trương coi gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, khuyến khích hộ xã viên làm giàu.

Thực hiện các chủ trương mới trong quản lý kinh tế nông nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo các xã, hợp tác xã tích cực, chủ động thực hiện Khoán 10, tuyên truyền, vận động nhân dân, xã viên tận dụng đất đai, mặt nước, ao hồ phát triển vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng, trồng cây, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, v.v. vượt qua khó khăn về sản xuất và đời sống, tăng thu nhập cho gia đình và tăng sản phẩm cho xã hội.

Đến vụ đông - xuân 1988-1989, toàn huyện Đức Phổ có 23/34 hợp tác xã nông nghiệp thực hiện Khoán 10. Nhiều hộ xã viên nhận ruộng khoán tự lo liệu các khâu từ làm đất, gieo sạ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, thâm canh tăng năng suất cây trồng đến chăm sóc, thu hoạch. Bộ máy các hợp tác xã được sắp xếp, tổ chức lại phù hợp hơn. Bình quân mỗi hợp tác xã đội ngũ cán bộ quản lý giảm được 40-50%. Các chi phí gián tiếp giảm nhiều, nên xã viên được hưởng từ 40% trở lên các sản phẩm làm ra.

Cũng như các địa phương khác trong tỉnh, nhờ được tiếp thêm động lực mới, nên sản xuất nông nghiệp huyện Đức Phổ giữ được mức tăng trưởng khá. Năm 1989 là năm đầu tiên thực hiện đại trà Khoán 10, diện tích trồng cây lương thực toàn huyện đạt 16.180 ha, sản lượng lương thực đạt 39.877 tấn, bình quân đầu người đạt 320 kg. So với năm 1988, sản lượng tăng 227 tấn. Nhiều vùng chuyên canh trọng

điểm lúa hình thành ở các hợp tác xã Phổ Thuận 1, Phổ Thuận 2, Phổ Văn 1, Phổ Văn 2, Phổ Khánh 1, Phổ Minh, Phổ Ninh 1, Phổ Cường 1, v.v.. Chăn nuôi, nhất là chăn nuôi gia đình phát triển mạnh làm tăng nhanh đàn gia súc. Năm 1990, đàn bò có 18.116 con, tăng 1.118 con; đàn trâu có 2.538 con, tăng 130 con; đàn heo có 41.350 con, tăng gần 6.000 con so với năm 1987. Khai thác hải sản có sự tăng trưởng khá về công suất tàu thuyền, mở rộng ngư trường, nên sản lượng đánh bắt tăng nhanh từ 3.040 tấn năm 1987 lên 6.800 tấn năm 1989. Việc nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm xuất khẩu phát triển mạnh ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và tư nhân. Năm 1989, toàn huyện có 20 ha diện tích nuôi tôm, chủ yếu để xuất khẩu tập trung ở các xã Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Thạnh. Công ty Hải sản Sa Huỳnh xây dựng được trại nhân tôm giống công suất 5 triệu con/năm. Tháng 9-1989, huyện hoàn thành đưa vào sử dụng Xí nghiệp Đông lạnh Sa Huỳnh.

Công tác giao khoán đất rừng cho hộ xã viên bước đầu phát huy tác dụng. Năm 1989, toàn huyện khai thác được 400 m³ gỗ bạch đàn xuất khẩu, đạt giá trị hơn 24 triệu đồng.

Tuy nhiên, Khoán 10 cũng làm xuất hiện những vấn đề phức tạp mới. Đó là việc phân loại hợp tác xã và hộ gia đình chưa sát với tình hình thực tế, việc giao ruộng khoán còn mang tính bình quân... Một số nơi vốn chuyển nhượng, bán trâu, bò, tài sản sử dụng không đúng mục đích. Tổ chức dịch vụ sản xuất trong các hợp tác xã chưa tốt, phần lớn mới khoán cây lúa, xem nhẹ cây màu, cây công nghiệp, chăn nuôi. Do đó, việc tổ chức thực hiện Khoán 10 làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển chưa vững chắc. Năm 1990, năm cuối

cùng thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990, diện tích trồng lúa trong toàn huyện tuy đạt 101,97% kế hoạch, nhưng năng suất chỉ đạt 86,7%, sản lượng chỉ đạt 88,3% kế hoạch. Do sản lượng lúa sụt giảm nên sản lượng lương thực năm 1990 chỉ đạt 37.967 tấn (kế hoạch là 42.500 tấn), bình quân lương thực tính theo đầu người chỉ đạt 298 kg (kế hoạch là 340 kg). Các loại cây công nghiệp có chiều hướng giảm. Năm 1988, diện tích mía giảm 36 ha, lạc giảm 194 ha so với năm 1987. Diện tích trồng đào lộn hột tăng 342 ha, dứa tăng 610 ha nhưng phần lớn sản phẩm Nhà nước không thu mua được. Cũng do giá cả thu mua chưa hợp lý, nên sản xuất muối bấp bênh, sản lượng sụt giảm.

Mặc dù những năm đầu tổ chức thực hiện Khoán 10 còn có những khó khăn, hạn chế, nhưng đặt trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế của đất nước đang diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả do thực hiện Khoán 10 mang lại là rất to lớn đối với huyện Đức Phổ. Huyện cơ bản cân đối được lương thực tại chỗ và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Phần lớn nông dân yên tâm, phấn khởi sản xuất.

Cùng với những kết quả về đổi mới cơ chế, chính sách quản lý sản xuất nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện từng bước chuyển đổi phù hợp với cơ chế kinh tế mới. Năm 1989, trạm điện diêzen Đức Phổ được bổ sung 3 máy phát điện DA 315 công suất 600 kVA. Các xí nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại theo Quyết định 217-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh. Sau khi sắp xếp lại, nhiều cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phát

huy tính năng động sáng tạo, tổ chức liên doanh, liên kết sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Trong điều kiện khó khăn về vật tư, nguyên nhiên liệu nhưng một số xí nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả như Xí nghiệp Mộc, Xí nghiệp Nước đá.

Để khuyến khích phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, ngày 14-11-1987, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 07-NQ/HU về chương trình sản xuất hàng tiêu dùng đến năm 1990. Nghị quyết xác định sản xuất hàng tiêu dùng phải kết hợp chặt chẽ với chương trình lương thực, thực phẩm và chương trình hàng xuất khẩu nhằm tập trung giải quyết vấn đề bức thiết trước mắt của nhân dân lúc này là ăn, ở, mặc, đi lại, học hành, chữa bệnh... Mặt hàng phải đa dạng, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Triển khai thực hiện nghị quyết, các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhất là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh có sự phát triển ở các ngành nghề cửa xẻ gỗ, mộc dân dụng, chế biến lương thực, đá lạnh, sản xuất gạch, ngói, đồ mỹ nghệ... Đến năm 1990, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp toàn huyện đạt hơn 81,4 triệu đồng (giá cố định năm 1982). Một số ngành nghề có mức tăng trưởng khá như cơ khí đạt 17,8 triệu đồng (đạt 118,6% kế hoạch), sản xuất vật liệu xây dựng đạt 8,2 triệu đồng (đạt 113,3% kế hoạch), khai thác lâm sản đạt 6,1 triệu đồng (đạt 102% kế hoạch), sản xuất đồ gốm đạt 200 nghìn đồng (đạt 104% kế hoạch).

Tuy nhiên, những năm đầu thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhiều xí nghiệp quốc doanh, tập thể và tư nhân trên địa bàn huyện

không chủ động được nguồn vốn, nguyên nhiên vật liệu, thị trường tiêu thụ nên sản xuất cầm chừng, như Xí nghiệp Đường rượu, Xí nghiệp Sản xuất vật liệu xây dựng, hoặc phải giải thể như Xí nghiệp Xây dựng. Một số hợp tác xã sản xuất măng trúc, mây tre trước đây làm ăn khá nhưng do mất thị trường xuất khẩu nên sản xuất đình đốn, xã viên mất việc làm. Đến năm 1990, toàn huyện có 19 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhưng đã giải thể 4 cơ sở, đang chờ giải thể 4 cơ sở. Các cơ sở còn lại sản xuất gặp nhiều khó khăn. Giá trị một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp rất thấp, không đạt kế hoạch như: hàng thủ công mỹ nghệ đạt 598 nghìn đồng về giá trị và 17% về kế hoạch, ngành dệt đạt 250 nghìn đồng về giá trị và 26% về kế hoạch, công nghiệp chế biến đạt 7,2 triệu đồng về giá trị và 52% về kế hoạch...

Chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có tác dụng thúc đẩy các ngành dịch vụ từng bước có sự phát triển khá, nhất là trong ngành giao thông, vận tải. Đến năm 1990, toàn huyện có 117 xe ô tô tham gia vận tải hành khách và hàng hoá, trong đó Hợp tác xã Vận tải 19-8 có 75 xe. Một số tuyến giao thông của huyện được nâng cấp, sửa chữa và làm mới như tuyến Thị trấn - Phổ Nhơn, Thị trấn - Mỹ Á, Mỹ Trang - Khu kinh tế mới Huân Phong và một số đường liên thôn, liên xã. Tổng đài tự động MS70 được đưa vào sử dụng bước đầu đáp ứng một phần nhu cầu thông tin, liên lạc của một số cơ quan, ban, ngành của huyện.

Chuyển sang cơ chế quản lý kinh tế mới, hoạt động thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện gặp rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, các cơ sở sản xuất, kinh doanh

tận dụng các khả năng sẵn có để khai thác nguồn hàng, cố gắng cung cấp đủ các mặt hàng thiết yếu cho cán bộ, công nhân viên và người hưởng lương. Công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ, nâng giá hàng hoá được tăng cường. Chỉ tính trong 2 năm 1987-1988, các cơ quan chức năng phát hiện và xử lý 453 vụ kinh doanh trái phép, thu nạp vào ngân sách nhà nước 4 triệu đồng. Mặc dù có nhiều cố gắng duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng do chưa thích nghi với cơ chế kinh tế mới, hệ thống thương nghiệp, các hợp tác xã mua bán lâm vào tình trạng thiếu vốn, kém hiệu quả trong kinh doanh nắm giữ nguồn hàng. Nhiều hợp tác xã mua bán tê liệt hoạt động.

Trong 5 năm đầu tiên hành công cuộc đổi mới (1986-1990), sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế gặp nhiều khó khăn, do chuyển đổi cơ chế kinh tế từ tập trung bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy, Huyện uỷ và Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tập trung chỉ đạo các ngành và địa phương cố gắng duy trì các hoạt động văn hoá, xã hội, ổn định đời sống tinh thần của nhân dân.

Ngành văn hoá thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, tăng cường tuyên truyền đường lối đổi mới của Đảng, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động mê tín, dị đoan, lưu hành, truyền bá các loại văn hoá phẩm độc hại, trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Phong trào văn nghệ quần chúng không ngừng được mở rộng. Các hình thức múa, hát dân gian được khôi phục ở nhiều nơi như hát múa sắc bùa, bả trạo ở Phổ An, Phổ Thạnh... Nhiều xã xây dựng và duy trì hoạt động đội văn nghệ nghiệp dư phục vụ bà con trong xã và

giao lưu với các địa phương khác trong huyện, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân.

Việc xây dựng gia đình văn hoá mới được chú trọng. Ngành văn hoá tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng tiêu chí gia đình văn hoá mới. Các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước và địa phương, như đại hội đảng, bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, đón bộ đội tình nguyện Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia trở về, kỷ niệm 25 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước... được tổ chức chu đáo, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện. Các thiết chế văn hoá ở cơ sở được đầu tư xây dựng. Công tác bảo tồn, bảo tàng được các địa phương, đơn vị quan tâm. Một số tư liệu, hiện vật trong thời kỳ tiền khởi nghĩa được sưu tầm, bảo quản. Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Nghiêm được xây dựng đã trở thành nơi giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Hoạt động của hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến xã, hợp tác xã được duy trì, chuyển tải kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của Tỉnh uỷ về giáo dục, bắt đầu từ năm học 1988-1989 ngành giáo dục huyện tiến hành tách trường phổ thông cơ sở (từ lớp 1 đến lớp 9) thành trường cấp I và trường cấp II. Huyện thành lập trường cấp II chuyên Văn - Toán để đào tạo học sinh có năng khiếu các môn học này. Đối

với hệ cấp III, năm học 1989-1990, trường mở thêm hệ bán công. Một số xã duy trì được các lớp mẫu giáo, nhà trẻ, bổ túc văn hoá. Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huyện uỷ chỉ đạo Phòng giáo dục huyện tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong toàn ngành, với chủ đề “Năm học làm theo lời Bác”. Đợt sinh hoạt chính trị góp phần nâng cao ý thức phấn đấu và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giáo viên trong toàn ngành đối với sự nghiệp giáo dục.

Mặc dù đời sống tiếp tục gặp khó khăn nhưng đội ngũ giáo viên vẫn tích cực bám trường, bám lớp, chịu khó nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp dạy học. Qua phân loại giáo viên theo nội dung Chỉ thị 53/CT-UB của Uỷ ban nhân dân tỉnh, chất lượng đội ngũ giáo viên có bước được nâng cao. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, cơ sở vật chất trường lớp học từng bước được đầu tư nâng cấp. Toàn huyện có trên 85% trường lớp học được ngói hoá.

Ngành y tế có nhiều cố gắng trong công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phòng chống dịch bệnh. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai có hiệu quả, nhất là chương trình tiêm chủng mở rộng, đẩy lùi 6 bệnh ở trẻ em¹, xây dựng 3 công trình vệ sinh...

Việc khám, chữa bệnh cho nhân dân cơ bản được bảo đảm. Ngành y tế tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện chủ trương của Nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, bước đầu

1. Sáu bệnh truyền nhiễm là: lao, sởi, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt.

dem lại hiệu quả thiết thực, góp phần giảm tải ở các bệnh viện, trạm y tế.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được triển khai rộng rãi. Hầu hết phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tuyên truyền, vận động, thực hiện việc đặt vòng tránh thai, khám chữa bệnh phụ khoa... Đến năm 1989, qua tổng điều tra dân số, dân số huyện Đức Phổ có 124.474 người, trong đó có 58.092 nam, 66.382 nữ.

Tuy đạt được một số kết quả nhưng nhìn chung, lĩnh vực văn hoá, xã hội thời kỳ 1986-1990 vẫn còn nhiều yếu kém, chưa tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Hoạt động văn hoá chưa có sự thay đổi phù hợp với thời kỳ đổi mới. Quản lý các hoạt động văn hoá còn nhiều hạn chế, lúng túng. Các dịch vụ văn hoá tư nhân tuy mới hình thành, phát triển nhưng có biểu hiện vi phạm pháp luật như kinh doanh các loại văn hoá phẩm đồi trụy, video đen, tranh ảnh, sách báo có nội dung xấu, phản động. Mạng lưới y tế xã hoạt động yếu. Vệ sinh môi trường chưa bảo đảm. Một số dịch bệnh như tả, sốt xuất huyết năm nào cũng diễn ra nhưng chưa có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả. Lợi dụng chính sách của Nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, một số nơi xuất hiện việc mua bán thuốc, khám chữa bệnh trái phép. Năm 1990, ngành y tế phát hiện, xử lý 16 trường hợp mua bán thuốc và chữa bệnh trái phép. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Chất lượng dạy và học giảm sút. Nhiều trường có tỷ lệ học sinh bỏ học tăng do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ngành học bổ túc văn hoá gần như bỏ trống. Trong khi đó, một số giáo viên tổ chức dạy thêm không đúng quy định làm giảm sút giá trị người thầy giáo.

II. Củng cố hệ thống chính trị, giữ vững trật tự an ninh phục vụ sự nghiệp đổi mới

Trong thời kỳ đầu thực hiện công cuộc đổi mới, cũng như các địa phương khác trong tỉnh, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Đức Phổ diễn biến rất phức tạp. Lợi dụng tình hình khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, các thế lực thù địch tiếp tục bao vây, cấm vận kinh tế đối với nước ta và tăng cường tuyên truyền, kích động gây hoang mang trong quần chúng. Một số cán bộ, đảng viên, nhân viên trong các cơ quan nhà nước lợi dụng kẽ hở trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tiếp tay gian thương đầu cơ, trục lợi. Hoạt động của các loại tội phạm, tà đạo, các tệ nạn xã hội gia tăng.

Để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy công cuộc đổi mới thắng lợi, Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo các địa phương, đơn vị củng cố an ninh, quốc phòng, kiên quyết thuần khiết nội bộ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Đến năm 1989, toàn huyện xây dựng, củng cố được 448 tổ an ninh nhân dân và tổ nhân dân tự quản, với 2.240 tổ viên. Nhiều tổ tích cực hoạt động, phát hiện nhiều vụ việc liên quan đến trật tự trị an, phối hợp với cơ quan công an, huyện đội phá vỡ nhiều hoạt động của các loại tội phạm. Năm 1987, các tổ an ninh nhân dân phối hợp với các ngành chức năng tổ chức truy quét, bắt 49 vụ khai thác trầm hương, 50 người phá rừng, phá huỷ 25 hầm than. Nhân dân các xã Phổ Khánh, Phổ Vinh phối hợp bắt 1 vụ, gồm 43 người

tổ chức vượt biển trốn ra nước ngoài. Các xã Phổ Nhơn, Phổ Thuận, Phổ Minh đấu tranh, triệt phá các nhóm tà đạo Tâm linh. Năm 1990, nhân dân xã Phổ Thạnh bắt 3 tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển nước ta. Lực lượng công an tăng cường các biện pháp nghiệp vụ, triệt phá nhiều ổ nhóm trộm cắp, tham ô tài sản nhà nước. Năm 1989, phối hợp với quân chúng, Công an huyện bắt 283 vụ, 289 người tham gia đánh số đề, trong đó có 228 người là chủ bầu, đại lý, ngồi đồng.

Các ngành nội chính phối hợp, tuyên truyền giáo dục pháp luật cho quần chúng, đấu tranh làm rõ các vụ việc gây mất đoàn kết nội bộ, nhất là vụ tranh chấp đất đai kéo dài nhiều năm giữa 2 hợp tác xã Phổ Thuận 2 và Phổ Thuận 3.

Ngày 27-3-1990, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (khoá VI) ra 2 nghị quyết quan trọng: Nghị quyết 8A về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta và Nghị quyết 8B về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo cơ quan quân sự huyện xây dựng phương án tác chiến phòng thủ cơ bản, củng cố quốc phòng kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Theo các kế hoạch này huyện Đức Phổ được chia thành 5 cụm chiến đấu liên hoàn và các cụm kinh tế, kỹ thuật vừa phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế vừa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng. Năm 1987, huyện thành lập tiểu đoàn quân dự bị tại xã Phổ Quang. Năm 1990, huyện được chọn làm điểm diễn tập phòng thủ PT90 của tỉnh, đạt kết quả tốt.

Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố và kiện toàn, tăng cường về quân số và chất lượng, đủ các binh chủng trong đội hình chiến đấu của từng xã. Hằng năm lực lượng dân quân, tự vệ được huấn luyện nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất và truyền thống của lực lượng, các kỹ thuật sử dụng vũ khí quân dụng, hiệp đồng tác chiến.

Công tác đảng ký, khám tuyển nghĩa vụ quân sự, xét duyệt tiêu chuẩn được thực hiện nghiêm túc. Các cấp uỷ đảng, chính quyền phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện tuyển chọn, gọi thanh niên lên đường nhập ngũ. Hằng năm, huyện Đức Phổ đều giao quân đủ số lượng, bảo đảm chất lượng.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng công tác củng cố quốc phòng, an ninh còn một số hạn chế. Việc giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có lúc, có nơi chưa được cấp uỷ, chính quyền, các ngành chức năng quan tâm đúng mức. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa rộng khắp, còn xem nhẹ công tác phòng ngừa ở cơ sở, có nơi, có lúc còn mơ hồ, mất cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Chất lượng đội ngũ dân quân, tự vệ và dự bị động viên chưa cao. Việc xử lý quân nhân đào ngũ và thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự chưa kiên quyết, triệt để. Việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội còn bất cập, thiếu đồng bộ.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp từng bước được đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, thể hiện vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở địa phương. Thực hiện chủ trương của Trung ương, trong 5 năm 1986-1990, huyện Đức Phổ tổ chức hai lần bầu cử Hội đồng nhân dân

huyện¹. Lần bầu cử thứ nhất tổ chức ngày 19-4-1987, nhiệm kỳ 1987-1989, bầu 52 đại biểu. Lần bầu cử thứ hai tổ chức ngày 19-11-1989, nhiệm kỳ 1989-1994, bầu 42 đại biểu.

Đồng chí Huỳnh Minh Lý được Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 1987-1989. Tháng 12-1989, đồng chí Huỳnh Minh Lý được điều về tỉnh, đồng chí Phạm Đông Hưng được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 1989-1994.

Theo yêu cầu mới, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo hoàn thành việc sắp xếp các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện từ 25 phòng, ban xuống còn 15 phòng, ban; biên chế từ 110 người xuống còn 80 người. Nét mới trong tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện từ nhiệm kỳ 1989-1994 là cơ quan chuyên trách thường trực Hội đồng nhân dân huyện được thành lập, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thư ký Hội đồng nhân dân. Đồng chí Nguyễn Xuân Hà - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1989-1994. Mỗi năm, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện triệu tập bốn kỳ họp Hội đồng nhân dân. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ bàn bạc, thảo luận quyết định các vấn đề quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng, củng cố chính quyền trên địa bàn huyện.

Tuy bước đầu có sự đổi mới tổ chức và nội dung hoạt động, nhưng vai trò của Hội đồng nhân dân chưa được phát huy

1. Theo chủ trương của Trung ương, ngày 19-4-1987 cử tri cả nước bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và xã. Ngày 19-11-1989 cử tri bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp tỉnh, huyện, xã.

đúng mức. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân chưa thường xuyên. Trình độ, năng lực của một số đại biểu Hội đồng nhân dân còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò người đại biểu nhân dân. Năm 1989, có 4 đại biểu hội đồng nhân dân xã bị bãi miễn tư cách đại biểu. Hoạt động của một số phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân còn yếu, nhất là tham mưu việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Việc xử lý các vụ việc tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ ở Công ty Dược, Bệnh viện huyện, Phòng thuế Công Thương nghiệp, Bưu điện huyện, Công ty Ngoại thương huyện kéo dài; việc tranh chấp đất đai giữa 2 hợp tác xã nông nghiệp Phổ Thuận 2 và Phổ Thuận 3 trở thành “điểm nóng” của huyện và tỉnh.

Ngày 12-3-1987, thị trấn Đức Phổ được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, trên cơ sở các thôn Hoà An, một phần thôn An Thường của xã Phổ Hòa; Vĩnh Lạc, một phần thôn Vĩnh Bình của xã Phổ Ninh; một phần thôn Trường Sanh của xã Phổ Minh¹. Đến thời điểm này huyện Đức Phổ có 14 xã, thị trấn.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng từng bước có sự đổi mới phương thức và nội dung hoạt động phù hợp với cơ chế kinh tế mới. Mặt trận Tổ quốc huyện tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khoá VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Mặt trận Tổ quốc tiếp tục phát huy vai trò tập hợp lực lượng quần chúng, cùng

1. Diện tích của thị trấn Đức Phổ là 428,1 ha, dân số 5.100 người.

nhau đoàn kết tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các phong trào vận động lớn như mua công trái xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quỹ tiền phương, tổ chức đón quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước... được Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện tốt. Thời kỳ này Mặt trận đứng ra vận động thành lập Hội Bảo thọ. Chỉ trong một thời gian ngắn Hội Bảo thọ được thành lập ở tất cả các thôn, xã trong huyện.

Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên được củng cố về tổ chức, từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp hơn với cơ chế quản lý kinh tế mới. Công đoàn trực tiếp phát động, vận động đoàn viên tham gia các phong trào thi đua tiết kiệm, phát huy sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt kỷ luật lao động, xây dựng lực lượng thanh tra công nhân góp phần chống tiêu cực trong các cơ quan, đơn vị nhà nước. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, tình nghèo lại mới tái lập, nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh thua lỗ, chậm trả lương cho người lao động, Công đoàn huyện phối hợp với chính quyền chăm lo đời sống cho đoàn viên, người lao động, kịp thời giải quyết những vấn đề liên quan đến sản xuất, đời sống và thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

Hội Nông dân¹ huyện đi sâu vận động hội viên thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, góp phần thực hiện đạt

1. Theo Quyết định số 42-QĐ/TW ngày 1-3-1988 của Ban Bí thư, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam được đổi tên là Hội Nông dân Việt Nam. Sau quyết định này hệ thống Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ Trung ương đến địa phương được đổi tên là Hội Nông dân.

kết quả ba chương trình mục tiêu sản xuất lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Tăng cường đoàn kết ở nông thôn, giúp nhau ổn định đời sống, từng bước xây dựng nông thôn mới. Hội luôn quan tâm đến đời sống hội viên và xây dựng nếp sống văn hoá mới. Nhiều tổ chức cơ sở hội thường xuyên kết hợp với các ngành, đoàn thể, hợp tác xã nông nghiệp làm tốt việc rà soát, nắm vững tình hình đời sống của các hộ nông dân, nhất là những hộ khó khăn để tìm biện pháp giúp đỡ.

Huyện đoàn tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể”, tích cực vận động đoàn viên, thanh niên tham gia các công trình thanh niên. Thông qua các hoạt động do tổ chức đoàn phát động, phong trào thanh niên có nhiều chuyển biến tích cực, tiêu biểu là phong trào thanh niên làm kinh tế, tự giải quyết việc làm và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Các cấp Hội Phụ nữ trong toàn huyện tiếp tục phát động đưa phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” vào chiều sâu. Từ năm 1989, hưởng ứng chủ trương của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các hội phụ nữ trong huyện tích cực tuyên truyền thực hiện 2 cuộc vận động lớn: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”, “Phụ nữ nuôi dạy con tốt, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học”... Qua phong trào hội, nhiều chị em hăng hái tham gia sản xuất, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Các cấp hội tích cực nghiên cứu, tìm tòi đổi mới nội dung, hình thức tập hợp phụ nữ như tổ chức toạ đàm, nói chuyện, trao đổi kinh nghiệm chăn nuôi, gieo trồng, làm nghề phụ, vay vốn giúp những chị em có hoàn cảnh khó khăn

phát triển sản xuất. Thông qua phong trào, các tổ chức hội phụ nữ được củng cố, mở rộng. Nhiều gia đình chị em thoát được đói, nghèo. Vị trí, vai trò người phụ nữ trong cơ chế kinh tế mới được khẳng định, phát huy.

Năm 1991, Hội Cựu chiến binh huyện được thành lập, tích cực mở các đợt sinh hoạt chính trị nhằm giáo dục hội viên giữ vững phẩm chất “bộ đội Cụ Hồ”, gương mẫu thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ, động viên con cháu nỗ lực học tập, lao động sản xuất, góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh.

Nhìn chung, công tác vận động quần chúng có nhiều tiến bộ, từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Tuy vậy, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng vẫn còn nhiều hạn chế cả về nội dung và phương thức hoạt động. Các phong trào, các cuộc vận động còn nặng về bề nổi, xem nhẹ chất lượng, hiệu quả, chưa quan tâm chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Một số cán bộ đoàn thể chưa yên tâm công tác, trình độ, năng lực còn hạn chế. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng chưa được quan tâm đúng mức. Một số cấp uỷ còn khoán trắng công tác vận động quần chúng cho Mặt trận và các đoàn thể.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta phát động bên cạnh những kết quả bước đầu vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm 1986-1990 vẫn diễn biến phức tạp. Trước những khó khăn của đất nước phần lớn cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng vẫn kiên trì, giữ vững lập

trường, tư tưởng, phấn đấu khắc phục thiếu thốn, gian khổ, nhưng có một bộ phận cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu. Nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ huyện tập trung tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị, nói chuyện chuyên đề, học tập các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12-9-1987 của Bộ Chính trị về Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, Ban Thường vụ Huyện ủy lập đoàn công tác chỉ đạo điểm tại Đảng bộ xã Phổ Nhơn và Chi bộ Phòng thuế Công Thương nghiệp. Đây là 2 tổ chức đảng có nhiều vụ việc nổi cộm làm mất đoàn kết nội bộ, cố ý làm sai chính sách nhà nước. Qua kiểm điểm tự phê bình, phê bình nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm tư cách bị xử lý kỷ luật¹.

Việc thực hiện Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội đã làm cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ huyện nhận thức sâu sắc hơn về đường lối đổi mới của Đảng, về tình hình đất nước, quốc tế. Qua đó mỗi cán bộ, đảng viên nâng cao hơn trách nhiệm của người đảng viên cộng sản, tích cực đấu tranh chống những quan điểm, nhận thức sai trái, lệch lạc, bảo vệ đường lối, quan điểm đúng đắn của Đảng.

1. Đảng bộ xã Phổ Nhơn có 13%, Chi bộ Phòng thuế Công Thương nghiệp huyện có 64% đảng viên vi phạm tư cách bị xử lý kỷ luật.

Công tác tổ chức, cán bộ có những chuyển biến đáng kể. Thực hiện các chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ, hàng năm các tổ chức đảng tiến hành đánh giá, rà soát đội ngũ cán bộ, sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả hơn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm hơn. Năm 1989, Huyện uỷ cử 15 đồng chí đi đào tạo ở các trường Trung ương, 35 đồng chí đào tạo tại các trường của tỉnh và 884 đồng chí được Trường Đảng huyện bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

Từ năm 1987 đến năm 1990, Đảng bộ kết nạp được 229 đảng viên, trong đó năm cao nhất (năm 1987) kết nạp được 112 đảng viên. Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, có tác dụng ngăn ngừa tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Qua kiểm tra, những đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm đều được kiểm điểm, xử lý nghiêm khắc. Trong 4 năm, toàn Đảng bộ kỷ luật 60 đảng viên, trong đó có 29 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng.

Tuy đạt được nhiều kết quả về công tác xây dựng Đảng trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, nhưng lĩnh vực then chốt này vẫn còn những hạn chế nhất định. Một số tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ vị trí, tầm quan trọng của công tác xây dựng đảng, nhất là mục đích, yêu cầu của cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Trong thực tế công tác tư tưởng chưa được các cấp uỷ coi trọng đúng mức. Nhận thức về công cuộc đổi mới của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Các biểu hiện dao động, mất niềm tin, chưa chấp hành nghiêm kỷ

luật của Đảng, thiếu gương mẫu của một số đảng viên chưa được khắc phục triệt để. Công tác tổ chức cán bộ còn trì trệ, chậm đổi mới. Việc kết nạp đảng viên có hiện tượng giảm sút, năm sau thấp hơn năm trước. Nếu năm 1987, toàn Đảng bộ kết nạp được 112 đảng viên, thì các năm 1988, 1989, 1990 số lượng đảng viên được kết nạp lần lượt là 65, 39 và 13 đảng viên. Nguyên nhân cơ bản việc kết nạp đảng viên giảm sút là do Liên Xô đang lâm vào khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước Đông Âu sụp đổ làm cho một bộ phận quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng, không muốn vào Đảng. Vấn đề đấu tranh bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai trong các tổ chức đảng có lúc, có nơi chưa kịp thời và triệt để. Việc phát hiện và xử lý một số sai phạm còn chậm, thiếu kiên quyết.

*

* *

Trong 5 năm 1986-1990, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã có nhiều nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng. Kinh tế - xã hội tuy chưa vượt qua khó khăn, khủng hoảng nhưng cơ bản giữ được ổn định, bảo đảm an ninh lương thực, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước. Cơ sở vật chất, kỹ thuật được đầu tư xây dựng và củng cố thêm một bước. Cơ chế kinh tế mới đi vào cuộc sống, bắt đầu phát huy được tác dụng. Các hoạt động văn hoá - xã hội tiếp tục được duy trì và có mặt tiến bộ. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tích cực. Đa số cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ

nghĩa xã hội, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Tuy vậy, trong khó khăn chung của đất nước, một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đạt thấp hoặc không đạt kế hoạch đề ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh, hợp tác xã lâm vào tình trạng bế tắc. Chất lượng hoạt động trên một số lĩnh vực văn hoá, xã hội giảm sút. Đời sống nhân dân tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, tiêu cực, tham nhũng làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Những kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới đã để lại cho Đảng bộ những kinh nghiệm quý báu nhằm sử dụng tốt hơn các nguồn lực của địa phương từng bước đưa kinh tế - xã hội của huyện vượt qua khó khăn, thử thách, đạt được kết quả to lớn hơn trong những năm tiếp theo.

Chương V

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1991-1995)

I. NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Bước vào năm 1991, tiếp sau sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở một loạt nước Đông Âu, Liên Xô bắt đầu tan rã. Chủ nghĩa xã hội từ một hệ thống chỉ còn một số nước ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh. Tình hình đó tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Một bộ phận cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động trước tiền đồ của chủ nghĩa xã hội và của đất nước.

Trong bối cảnh đó, thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 22-5-1990 của Ban Bí thư về tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện Đức Phổ tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng nhằm làm cho cán bộ, đảng viên thống nhất cao về nhận thức tư tưởng, chính trị, kiên định

mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Đợt sinh hoạt chính trị tạo được không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, tăng cường được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng về mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ ngày 7-4 đến ngày 9-4-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XV (vòng 1) được tiến hành tại Nhà Văn hoá huyện. Đại hội thảo luận và thông qua bản tổng hợp ý kiến của đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ quan và xã, thị trấn góp ý vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng; bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ huyện đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV.

Qua nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện Đại hội VII của Đảng, nhận thức của cán bộ, đảng viên về Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới được nâng lên rõ rệt. Sự thống nhất cao về chính trị là điều kiện bảo đảm sự thành công của Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Từ ngày 24-4 đến ngày 28-4-1991, tại Nhà Văn hoá lao động tỉnh, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV (vòng 1) được tổ chức. Đại hội đã thảo luận, thông qua bản tổng hợp ý kiến góp ý của Đại hội Đảng bộ các huyện, thị xã vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội VII của Đảng, bầu Đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Từ ngày 24-6 đến ngày 27-6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại

hội VI, chỉ rõ những ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, những kinh nghiệm trong 5 năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới. Đại hội thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* và một số văn kiện quan trọng khác.

Từ ngày 17-10 đến ngày 20-10-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV (vòng 2) được tổ chức tại Nhà Văn hoá lao động tỉnh. Quán triệt các quan điểm đổi mới của Đảng được đề ra tại Đại hội VII, Đại hội Đảng bộ tỉnh đã tiến hành kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1986-1990, nhất là sau hai năm tái lập tỉnh (1989-1990); đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1991-1995), trọng tâm là 9 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

Từ ngày 5-5 đến ngày 7-5-1992, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XV (vòng 2) được tổ chức tại Nhà Văn hóa huyện. Tham dự Đại hội có 184 đại biểu, thay mặt cho gần 2.400 đảng viên thuộc 48 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ huyện. Tiếp thu, vận dụng các quan điểm, chủ trương được Đảng ta đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và Đại hội XIV của Đảng bộ tỉnh, Đại hội Đảng bộ huyện đã thảo luận, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991-1995 và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong những năm 1991-1993.

Về mục tiêu tổng quát, Đại hội xác định: "Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện

để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, giữ vững và không ngừng nâng cao nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định về chính trị, ổn định và nâng cao một bước đời sống của nhân dân"¹. Để đạt được mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991-1995, Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể trong những năm trước mắt (1991-1993) là "Giữ vững và phát triển sản xuất nông, công nghiệp, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế để sản xuất hàng hoá; khai thác triệt để các nguồn thu trong huyện để bảo đảm chi cho những nhu cầu thiết yếu. Cùng với việc thực hiện tốt chính sách xã hội, từng bước hướng dẫn tạo việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số. Ổn định và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân; khuyến khích nhân dân làm giàu từ nguồn thu nhập chính đáng bằng sức lao động của mình. Thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân, thực hiện đúng đắn các mối quan hệ trong hệ thống chính trị. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội"².

Đại hội xác định năm nhiệm vụ chủ yếu về ổn định và phát triển kinh tế; thực hiện các chính sách xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò các đoàn thể

1, 2. Huyện uỷ Đức Phổ: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XV*, tr. 5.

nhân dân; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ huyện.

Đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong những năm 1991-1993, Đại hội xác định 6 chương trình kinh tế lớn.

Chương trình lương thực, thực phẩm được Đại hội xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong sản xuất nông nghiệp nhằm bảo đảm vững chắc nhu cầu về đời sống của nhân dân và làm nghĩa vụ cho Nhà nước, có dự trữ và xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 1993, đưa diện tích gieo trồng lên 17.600 ha, sản lượng lương thực quy thóc đạt 45.550 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 342 kg.

Chương trình cây công nghiệp và cây xuất khẩu được Đại hội xác định có nhiều tiềm năng nhưng chưa được khai thác có hiệu quả. Mục tiêu đến năm 1993, đưa diện tích trồng mía toàn huyện lên 1.000 ha, lạc là 730 ha, dâu tằm là 50 ha, thuốc lá là 100 ha.

Chương trình phát triển chăn nuôi được Đại hội xác định từng bước trở thành ngành sản xuất hàng hoá, phấn đấu đến năm 1993, toàn huyện có 2.660 con trâu, 23.000 con bò, 45.000 con heo.

Chương trình phát triển ngư nghiệp, diêm nghiệp là ngành kinh tế huyện có lợi thế được chú trọng, phấn đấu đến năm 1993, sản lượng khai thác đánh bắt thuỷ sản đạt 9.000 tấn, sản xuất 5.000 tấn muối ráo. Phát triển rộng rãi nghề nuôi tôm ở những nơi có điều kiện.

Chương trình trồng rừng được thực hiện theo hướng nông - lâm kết hợp, phát triển vườn rừng, gò đồi rừng, lấy hộ làm đơn vị sản xuất tự chủ trong việc trồng, chăm sóc và bảo vệ

rừng; phấn đấu đến năm 1993, trồng trên 500 ha rừng tập trung và 5 triệu cây phân tán.

Chương trình phát triển công nghiệp, chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu được Đại hội định hướng là sử dụng các nguyên liệu tại chỗ mà huyện có thế mạnh như mía đường, dừa, mì; phấn đấu đến năm 1993, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 15.140 triệu đồng.

Để thực hiện thắng lợi 6 chương trình kinh tế lớn nói trên, Đại hội đề ra một số biện pháp chủ yếu là: tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, từng bước xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ, chú trọng ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm. Trên cơ sở huy động vốn từ nhiều nguồn, cần tập trung đầu tư xây dựng những công trình trọng điểm thuộc kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá, nhất là hệ thống thuỷ lợi, giao thông nông thôn. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng đúng mục đích các nguồn vốn, vật tư xây dựng. Tiếp tục đề nghị Trung ương đưa vào kế hoạch xây dựng hồ chứa nước Núi Ngang. Tiếp tục thực hiện và sớm hoàn chỉnh việc quy hoạch đất đai, thuỷ lợi, khảo sát nông hoá thổ nhưỡng trên địa bàn huyện. Có biện pháp và sử dụng tốt hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất. Phấn đấu kéo điện từ trung tâm huyện Đức Phổ ra Trà Câu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Cần vận động và tổ chức đưa lao động lên các vùng phía tây huyện khai thác đất đai để trồng các loại cây có hiệu quả.

Tăng cường công tác thu mua và quản lý tài chính, kiên quyết chống thất thu, lạm thu và mọi hiện tượng tiêu cực trong công tác thuế và quản lý tài chính.

Cùng với xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện 6 chương trình kinh tế lớn, Đại hội đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và chính quyền, mặt trận và các đoàn thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XV gồm 33 đồng chí, Ban Thường vụ có 10 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức Tâm được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ. Đồng chí Cao Văn Lệ và đồng chí Phạm Đông Hưng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Tháng 3-1994, theo quy định của Điều lệ Đảng và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện Đức Phổ tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ để đánh giá hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ huyện, trọng tâm là thực hiện 6 chương trình kinh tế lớn. Hội nghị bầu bổ sung 3 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XV nhiệm kỳ 1992-1996.

Trong những năm 1991-1995, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ gặp rất nhiều khó khăn. Là một huyện chủ yếu dựa vào nông nghiệp nhưng liên tiếp trong các năm 1993, 1994 thiên tai diễn ra dồn dập. Vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp thường xuyên thiếu thốn, giá cả tăng cao. Cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp tuy được đổi mới, nhưng chưa đồng bộ, chưa

thật sự coi trọng lợi ích của người sản xuất. Với sự nỗ lực phấn đấu, quyết tâm cao của Đảng bộ huyện, kinh tế - xã hội của huyện, nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản đã có những chuyển biến căn bản, góp phần quyết định đưa huyện Đức Phổ vượt qua khó khăn, khủng hoảng, tạo tiền đề bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ ngày 3-6 đến ngày 11-6-1993, Hội nghị Trung ương 5 khóa VII ra nghị quyết về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Tiến thêm một bước trong chính sách ruộng đất của Đảng, Nghị quyết khẳng định người sử dụng đất được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê, thế chấp nhằm phát triển quỹ đất có hiệu quả, làm cho đất đai ngày càng màu mỡ, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, xã hội ở nông thôn¹. Thể chế hoá chủ trương mới của Đảng về vấn đề ruộng đất, ngày 14-7-1993 Luật đất đai (sửa đổi) được Quốc hội thông qua. Tiếp đó, ngày 27-9-1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 64/CP về việc giao đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài.

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VII và Luật đất đai, tình hình phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn của huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1994, huyện chỉ đạo huyện đổi 257 ha ruộng lúa ở xã Phổ An từ 3 vụ sang 2 vụ, chuyển 152 ha ruộng lúa 1 vụ, năng suất thấp ở các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.52, tr. 708.

sang trồng mía. Dù có chuyển đổi cây trồng nhưng diện tích trồng cây lương thực vẫn tăng từ 12.776 ha năm 1994 lên 14.613 ha năm 1995; sản lượng lương thực tăng từ 30.990 tấn năm 1992 lên 34.803 tấn năm 1994 và 39.846 tấn năm 1995. Chính sách ruộng đất mới thực hiện theo Nghị định số 64/CP đã làm cho người nông dân tin tưởng, gắn bó hơn với ruộng đất. Nhiều hộ khai hoang, vỡ hoá, mở mang diện tích đất trồng cây lương thực, đầu tư thêm sức lao động thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Diện tích, sản lượng một số cây công nghiệp cũng tăng nhanh. Diện tích trồng mía tăng từ 932 ha năm 1994 lên 1.450 ha năm 1995; sản lượng tăng từ 12.150 tấn năm 1993 lên 32.620 tấn năm 1994 và 57.331 tấn năm 1995. Lạc vỏ tăng từ 475 tấn năm 1993 lên 730 tấn năm 1994 và 861 tấn năm 1995. Năm 1993, hàng trăm hécta cây cao su được đưa vào trồng ở các xã Phổ Nhơn, Phổ Cường.

Chăn nuôi có sự phát triển khá, nhất là đàn bò tăng từ 19.324 con năm 1992 lên 24.320 con năm 1995, trong đó có 15% bò lai sind.

Đặc biệt, trong 5 năm (1991-1995), ngành khai thác thủy hải sản có sự phát triển nhanh cả về số lượng, công suất tàu thuyền và sản lượng đánh bắt. Nếu năm 1992, toàn huyện có 467 tàu, thuyền, công suất 12.249 CV, sản lượng đánh bắt 9.100 tấn, thì năm 1995 tổng số tàu, thuyền tăng lên 758 chiếc, công suất tăng lên 28.740 CV và sản lượng đánh bắt tăng lên 15.580 tấn. Nghề muối phát triển khá ổn định, năm 1995, sản lượng muối ráo đạt khoảng 5.000 tấn.

Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng được chú trọng. Tính đến năm 1995, toàn huyện trồng được trên 2.935 ha rừng tập

trung, đạt 195% kế hoạch, trong đó trồng rừng theo Chương trình PAM đạt 2.250,5 ha, theo Dự án 327 đạt 34 ha và 9 triệu cây phân tán.

Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp được các cấp chính quyền, hợp tác xã từng bước thực hiện. Đến năm 1995, toàn huyện có 5 xã và 9 hợp tác xã hoàn thành việc giao đất ổn định, lâu dài cho hộ nông dân.

Tuy sản xuất nông nghiệp trong huyện có bước phát triển mạnh hơn so với những năm trước đó, nhưng nhìn chung chưa vững chắc, chưa chủ động được mùa vụ, nguồn nước, giống, vật tư, phân bón. Ví dụ như năm 1992, sản lượng lương thực toàn huyện chỉ đạt 24.931 tấn, bằng 55% kế hoạch, bình quân lương thực đầu người chỉ đạt 183,2 kg. Chăn nuôi heo phát triển thiếu bền vững, sụt giảm mạnh, từ 63.627 con năm 1992 xuống còn 54.247 con năm 1995. Cây cao su là loại cây trồng mới ở Đức Phổ nhưng không mang lại hiệu quả. Tiến độ giao đất cho hộ nông dân theo Nghị định số 64/CP còn chậm, tổ chức trồng rừng chưa gắn với chăm sóc, bảo vệ rừng nên hiệu quả thấp. Nhiều xã, hợp tác xã chưa xây dựng được phương án giao đất dẫn đến tình trạng lấn chiếm đất, tranh chấp đất đai diễn ra khá phức tạp, an ninh nông thôn một số nơi chưa bảo đảm.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thành tựu nổi bật trong thời kỳ này là bước đầu xây dựng được hệ thống hạ tầng công nghiệp phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Quy hoạch lưới điện được hoàn thành, với 65 trạm biến áp, dung lượng 6.570 kVA để tiếp nhận điện lưới quốc gia từ thị xã Quảng Ngãi vào Đức Phổ. Ngày 19-8-1993, huyện tổ chức đóng điện lưới quốc gia, đánh dấu một mốc

lịch sử quan trọng mở đầu thời kỳ điện khí hóa trên địa bàn huyện. Tính đến năm 1995, điện lưới quốc gia kéo đến 13/14 xã, với 62,5% số hộ được sử dụng điện¹. Để đưa được điện lưới quốc gia về nông thôn, ngoài phần vốn đầu tư của Nhà nước, nhân dân trong huyện đã đóng góp 15,6 tỷ đồng. Nhờ có điện, một số ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển khá như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền... Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện bình quân trong 5 năm (1991-1995) tăng 13,4%.

Hạ tầng giao thông, thủy lợi được đầu tư nâng cấp. Tính đến năm 1995, có 212 km đường liên xã, liên thôn được nâng cấp, mở rộng. Hồ chứa nước Diên Trường hoàn thành đưa vào sử dụng, hồ chứa nước Sở Hầu được nâng cấp. Để tăng nguồn nước tưới, toàn huyện xây dựng được 8 trạm bơm và nâng cấp kênh N8 ở hai xã Phổ Thuận và Phổ Văn để tiếp nhận nguồn nước Thạch Nham. Hồ nuôi tôm xã Phổ Minh và làng cá Sa Huỳnh cũng được đầu tư xây dựng trong thời kỳ này, với tổng số vốn là 5,4 tỷ đồng.

Mạng lưới điện thoại được phủ kín đến các xã, với hai tổng đài tự động ở thị trấn Đức Phổ và Sa Huỳnh. Tổng số máy điện thoại tăng từ 100 máy năm 1991 lên 570 máy năm 1995.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng, thu - chi ngân sách có nhiều tiến bộ, chuyển đổi phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới, đáp ứng được nhu cầu về vốn sản xuất và kinh doanh của các thành phần kinh tế. Đến cuối năm 1995, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 5,4 tỷ đồng. Tổng dư nợ

1. Đến năm 1995, chỉ còn xã Phổ Nhơn chưa có điện lưới quốc gia.

cho vay 23,729 tỷ đồng, trong đó tập thể vay 2,04 tỷ đồng, tư nhân vay 20,989 tỷ đồng. Quỹ tín dụng nhân dân xã Phổ Thuận và thị trấn Đức Phổ hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động thương mại và dịch vụ có bước phát triển. Rất nhiều hộ kinh doanh cá thể được cấp có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, cấp giấy phép kinh doanh. Đến năm 1995, toàn huyện có 1.585 hộ đăng ký kinh doanh, với số vốn 15,5 tỷ đồng theo Nghị định số 66/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Riêng năm 1995, cấp đăng ký kinh doanh cho 95 hộ, với tổng số vốn 900,6 triệu đồng.

Nhận thức sâu sắc tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, cùng với đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, Đảng bộ huyện đã tập trung phát triển toàn diện các mặt văn hoá, xã hội.

Ngành văn hoá, thông tin đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao, phục vụ tốt các ngày lễ, tết. Năm 1994, Di tích chiếm huyện đường Đức Phổ được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hóa Quốc gia. Xã Phổ Minh và xã Phổ An được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Ngành văn hoá huyện lập hồ sơ đề nghị công nhận và khoanh vùng bảo vệ di tích quốc gia di chỉ văn hoá Sa Huỳnh, xây bia tưởng niệm vụ thảm sát ở xã Phổ Văn, tu sửa các di tích lịch sử, văn hoá đã xếp hạng. Công tác quản lý, kiểm tra hoạt động kinh doanh về văn hoá từng bước đi vào nề nếp.

Đài truyền thanh huyện có nhiều cố gắng trong việc xây dựng chương trình, truyền tải thông tin kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Toàn huyện có 12/14 xã,

thị trấn có đài truyền thanh¹. Năm 1994, huyện hoàn thành đưa vào sử dụng trạm thu phát sóng vệ tinh, tiếp phát chương trình truyền hình của Trung ương và của tỉnh.

Công tác giáo dục, đào tạo giữ tốc độ phát triển khá ở tất cả các bậc học, ngành học, tiếp tục sắp xếp lại hệ thống trường lớp, thực hiện chủ trương đa dạng hoá các loại hình giáo dục, đào tạo. Năm 1993, Trường Trung học phổ thông bán công Lương Thế Vinh và Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp dạy nghề được thành lập, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân. Công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đạt nhiều kết quả. Năm 1992, huyện Đức Phổ là huyện đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên được nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm, Phòng Giáo dục huyện đều tổ chức thi giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi. Nhiều giáo viên, học sinh huyện Đức Phổ đạt giải trong các kỳ thi giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi của tỉnh, được lựa chọn tham gia dự thi cấp quốc gia. Năm học 1994-1995, toàn ngành giáo dục huyện có 200 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 8 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 300 học sinh giỏi cấp trường, 202 học sinh giỏi cấp huyện, 13 học sinh giỏi cấp tỉnh, 8 học sinh giỏi toàn quốc. Cơ sở vật chất, trường lớp học được tăng cường. Chỉ tính riêng năm 1995, toàn huyện xây dựng thêm 10 phòng mới, sửa chữa nâng cấp 13 phòng, mua sắm bàn ghế, thiết bị với tổng giá trị hơn 880 triệu đồng. Tình trạng học ba ca cơ bản được khắc phục.

1. Đến năm 1995, huyện Đức Phổ còn hai xã là Phổ Khánh và Phổ Nhơn chưa có đài truyền thanh.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân luôn được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm. Các chương trình y tế quốc gia trên địa bàn huyện được tổ chức thực hiện đạt kết quả khá như phòng chống sốt rét, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em. Hoạt động của Trung tâm Y tế huyện và hai cơ sở khám và điều trị đa khoa - kế hoạch hoá gia đình khu vực ở xã Phổ Thạnh và xã Phổ Văn ngày càng đi vào ổn định, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Việc quản lý các cơ sở kinh doanh tư nhân về thuốc chữa bệnh ngày càng đi vào nền nếp, bảo đảm đúng quy định của Nhà nước. Công tác phòng, chống các loại dịch bệnh được chú ý, với hơn 80% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng 6 loại vắc xin và uống vitamin A. Chương trình phòng chống sốt rét, bướu cổ, lao, phổi... được tăng cường và mở rộng.

Việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình có bước tiến bộ rõ nét và đạt kết quả khá hơn so với những năm trước. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân số được củng cố, kiện toàn. Mỗi xã có một cán bộ bán chuyên trách và 2-3 cộng tác viên dân số. Năm 1995, có 45,02% số cặp vợ chồng trong diện sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai, nhưng tỷ lệ tăng dân số vẫn còn ở mức cao: 2,36%.

Tiếp tục thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục rà soát, lập hồ sơ đề nghị Nhà nước công nhận liệt sỹ, thương binh cho hàng trăm đối tượng. Trong 5 năm (1991-1995), toàn huyện lập hồ sơ đề nghị công nhận 89 liệt sỹ, 475 thương binh. Tính đến năm 1995, toàn huyện có 5.941 liệt sỹ, 1.657 thương binh. Các gia đình liệt sỹ có hoàn cảnh khó khăn trong huyện được các tổ chức và cá nhân tặng 33 nhà

tình nghĩa và 124 sổ tiết kiệm. Thực hiện Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, huyện Đức Phổ lập hồ sơ đề nghị và được Chủ tịch nước ký quyết định tặng, truy tặng 321 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó 60 mẹ còn sống được các cơ quan trong và ngoài huyện nhận phụng dưỡng đến suốt đời.

Tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng các hoạt động văn hoá, xã hội của huyện thời kỳ này còn có nhiều hạn chế, yếu kém. Mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân còn thấp. Quản lý các hoạt động karaoke, mua bán băng video chưa chặt chẽ. Các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan có chiều hướng gia tăng. Công tác xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục còn hạn chế. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn có mặt bất cập, nhất là tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ người bệnh của một bộ phận cán bộ, nhân viên y tế chưa tốt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng vẫn còn rất cao (chiếm 36%). Công tác đền ơn đáp nghĩa chưa trở thành phong trào quần chúng sâu rộng. Tình trạng thanh niên thiếu việc làm còn khá phổ biến. Đời sống của nhân dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Đến năm 1995, toàn huyện còn 400 hộ đói, 7.700 hộ nghèo.

II. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC CÙNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH, XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CÁC CẤP VỮNG MẠNH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Quan triệt các quan điểm cơ bản của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết

Hội nghị Trung ương 3 khoá VII, Huyện uỷ Đức Phổ xác định: nhiệm vụ cơ bản về quốc phòng, an ninh của huyện là tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên vùng lãnh thổ của huyện, giữ vững sự ổn định chính trị, tăng cường công tác phòng thủ trên địa bàn huyện, đặc biệt là tuyến biển.

Thực hiện chủ trương của tỉnh, Ban Thường vụ Huyện uỷ, các ngành và địa phương tăng cường các biện pháp phòng thủ, tổ chức diễn tập phương án A2 phối hợp với phương án A ở tất cả các xã, thị trấn. Các công trình phòng thủ ven biển được củng cố. Các ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn được kiện toàn. Các đồng chí bí thư, chủ tịch xã đều được cử đi dự tập huấn công tác phòng chống bạo loạn ở Trường Quân sự tỉnh. Các chi bộ, chi đoàn dân quân, tự vệ thường xuyên tổ chức cho đảng viên, đoàn viên tham gia các đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục tư tưởng. Công tác tuyển quân có nhiều cố gắng, đạt chỉ tiêu về số lượng và chất lượng quân số.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố. Tháng 6-1994, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Công văn số 64-CV/HU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Năm 1994, toàn huyện xây dựng được 487 tổ nhân dân tự quản, 26 tổ hoà giải, 6 ban bảo vệ dân phố. Nhiều xã thành lập được hội đồng bảo vệ trật tự an toàn xã hội và xây dựng quỹ bảo trợ an ninh trật tự. Thông qua phong trào, bước đầu khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, phát hiện, tố giác tội phạm,

giữ vững an ninh chính trị trên từng địa bàn khu dân cư. Trong 2 năm 1993-1994, Công an huyện gọi hỏi, răn đe 23 đối tượng có hành vi kích động chống chủ trương của Đảng và Nhà nước; đưa 2.362 đối tượng hình sự ra kiểm điểm, cảnh cáo, giáo dục trước nhân dân. Đối với thôn Tấn Lộc, xã Phổ Thạnh nơi tệ nạn xã hội diễn biến rất phức tạp, Công an huyện phát động quần chúng nhân dân vận động, thuyết phục triệt xoá các tụ điểm mại dâm, tháo dỡ lều quán xây dựng trái phép. Việc xử lý các tranh chấp trong nhân dân được các xã, thị trấn rất quan tâm và đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều vụ tranh chấp kéo dài trong những năm trước đây được giải quyết thoả đáng, nhân dân đồng tình. Huyện uỷ chỉ đạo các ngành nội chính tiến hành điều tra 24 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, cố ý làm trái quy định trong quản lý kinh tế; bắt, xử lý bằng các hình thức 20 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá gần 100 triệu đồng. Việc thực hiện Chỉ thị số 406-TTg ngày 8-8-1994 của Thủ tướng Chính phủ về cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo, thuốc nổ trên địa bàn huyện được thực hiện khá nghiêm túc.

Tuy nhiên, do sự chuyển biến nhanh chóng, phức tạp, bất lợi của tình hình thế giới đối với nước ta, nên công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện thời kỳ này còn có nhiều khuyết điểm, hạn chế. “Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, chưa được duy trì thường xuyên. Thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng xã, thị trấn vững mạnh toàn diện tuy có tiến bộ hơn trước nhưng chưa thật vững chắc. Công tác xây dựng lực lượng nòng cốt về an ninh nhân dân, dân quân, tự vệ chưa đạt yêu cầu cả về

số lượng và chất lượng, khả năng huy động chưa cao. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ thực hiện chưa đều"¹.

Ngày 19-7-1992, Đảng bộ huyện Đức Phổ lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công bầu cử Quốc hội khoá IX, nhiệm kỳ 1992-1997, với hơn 99% số cử tri đi bầu.

Tiếp đó, ngày 20-11-1994, cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp được tổ chức dân chủ, an toàn, đúng luật, đạt kết quả cao, với 99,35% số cử tri trong huyện tham gia bầu cử. Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ 1994-1999 có 32 đại biểu. Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Nguyễn Đức Tâm được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Tạ Mỹ Ba được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 1994-1999.

Để củng cố, kiện toàn bộ máy nhà nước phù hợp với quan điểm của Đảng thể hiện trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Hiến pháp năm 1992*, tại Hội nghị Trung ương 8 khoá VII (tháng 1-1995) đã ban hành Nghị quyết về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. Tổ chức học tập và quán triệt Nghị quyết, Huyện uỷ đề ra chương trình hành động, trọng tâm là cải cách nền hành chính trong sạch có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hoá nhằm phục vụ nhân dân, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1. Đảng bộ huyện Đức Phổ: *Báo cáo về tình hình nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI*, tr.7.

Cùng với đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện tiến hành xây dựng bộ máy thôn, khối phố. Toàn huyện Đức Phổ có 84 thôn và 6 khối phố. Thôn đông dân cư nhất là Thạch Bi (xã Phổ Thạnh) có hơn 8.000 người. Thôn ít dân cư nhất là các thôn Nhơn Tân (xã Phổ Nhơn), thôn Trung Liêm (xã Phổ Phong) dưới 1.000 người. Mỗi thôn, khối phố đều có trưởng, phó thôn do nhân dân bầu ra. Từ khi có cán bộ lãnh đạo thôn, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các khu dân cư được bảo đảm. Các vụ mâu thuẫn, bất hoà trong thôn được phát hiện và hoà giải kịp thời. Chủ trương, chính sách của cấp trên được phổ biến đến cán bộ, đảng viên và nhân dân nhanh chóng, thuận lợi hơn.

Mặc dù đạt được một số kết quả trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII, nhưng công tác xây dựng, củng cố nền hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều yếu kém, hạn chế. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chưa rõ ràng, có mặt chồng chéo, kém hiệu lực, hiệu quả. Tình trạng quan liêu, tham nhũng trong bộ máy hành chính của huyện chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Việc thể chế hoá các nghị quyết, chủ trương của Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ còn chậm, việc tổ chức thực hiện còn nhiều thiếu sót. Công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân còn nhiều bất cập. Chính quyền cấp xã chưa làm tốt công tác quản lý, chưa chủ động ngăn chặn và xử lý kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân.

Tháng 8-1995, thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức tổng kết 5 năm

thực hiện Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Đây là dịp để Đảng bộ huyện đánh giá toàn diện công tác vận động quần chúng của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, chỉ ra những khuyết điểm và nguyên nhân, đề ra phương hướng, biện pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và nhân dân trong thời kỳ mới - công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW, công tác quần chúng của Đảng bộ huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được phát huy. Quần chúng nhân dân được tuyên truyền, vận động, tập hợp trong các phong trào cách mạng rộng lớn, có nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả. Quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân được bảo vệ. Đời sống nhân dân từng bước được ổn định, có mặt cải thiện. Niềm tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Từ khi thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (tháng 11-1993) về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc huyện có nhiều tiến bộ, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức hoạt động, đa dạng hoá các loại hình tập hợp quần chúng, tích cực tham gia xây dựng, giám sát hoạt động của chính quyền các cấp.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện thường xuyên quan tâm việc giáo dục lý tưởng, truyền thống cách mạng của quê hương cho thế hệ trẻ. Các hoạt động của Đoàn Thanh niên ngày càng được đổi mới, phù hợp với cơ chế mới, tập hợp đông đảo thanh, thiếu niên vào tổ chức Đoàn, Hội,

Đội. Hai phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước” tiếp tục đạt được nhiều kết quả, thu hút nhiều thanh niên tham gia. Đến năm 1995, toàn huyện có 1.687 đoàn viên trong tổng số 22.570 thanh niên.

Từ năm 1992, theo chủ trương của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, công đoàn cấp huyện giải thể, công đoàn cơ sở ở huyện được tổ chức theo khối đảng, chính quyền, khối dân vận trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh. Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức khiến phong trào công nhân cấp cơ sở gặp nhiều khó khăn, nhất là việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Đến năm 1995, Hội Cựu chiến binh huyện có 922 hội viên, các cấp hội đã tăng cường công tác tuyên truyền đến cán bộ, hội viên phát huy truyền thống, bản chất tốt đẹp của Bộ đội Cụ Hồ, gương mẫu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng, góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ; từng bước củng cố, kiện toàn tổ chức hội, vận động cán bộ, hội viên giúp nhau phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá VII về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, các cấp Hội Nông dân trong huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội phát động phong trào “Nông dân thi đua sản xuất giỏi”, làm giàu và thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo. Phong trào thu hút được đông đảo hội viên tham gia. Một số địa phương, cơ sở thành lập câu lạc bộ khuyến nông, xây dựng các dự án vay vốn quốc gia giải quyết việc làm cho hàng trăm hội viên.

Từ khi có Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12-9-1993 của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới, các cấp hội phụ nữ trong toàn huyện tích cực động viên chị em tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Thông qua các hình thức như nhóm phụ nữ tiết kiệm, tổ hùn vốn, vốn vay từ Ngân hàng phục vụ người nghèo (nay là Ngân hàng Chính sách Xã hội), nhiều nguồn vốn được khai thác giúp hàng nghìn phụ nữ thoát khỏi đói, nghèo. Hội viên gắn bó hơn với tổ chức hội. Trong 2 năm 1994-1995, các cấp hội động viên chị em giúp nhau 110 chỉ vàng, trên 15 tấn thóc phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 1995, Hội Phụ nữ huyện có 23.000 hội viên, chiếm 84,9% tổng số phụ nữ trong huyện.

Bước vào năm 1992, do tác động của sự kiện Liên Xô tan rã và luận điệu tuyên truyền của chủ nghĩa đế quốc, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động về lý tưởng, mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trước tình hình đó, từ ngày 18 đến ngày 29-6-1992, Hội nghị Trung ương 3 khoá VII họp và ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ của Đảng trong tình hình mới.

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VII và sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ gắn với học tập bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười về kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Ban Thường vụ Huyện uỷ chọn Đảng bộ xã Phổ Ninh và Đảng bộ xã Phổ Khánh làm điểm chỉ đạo, từ đó có kế hoạch triển khai ra diện rộng.

Ngày 20-6-1995, Huyện uỷ tổ chức Hội nghị tổng kết 3 năm (1992-1995) thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương

3 khóa VII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Hội nghị nhất trí khẳng định sau 3 năm thực hiện Nghị quyết, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã có sự chuyển biến rõ nét. Đa số cán bộ, đảng viên đã nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những cán bộ, đảng viên dao động tư tưởng, qua học tập Nghị quyết đã tự kiểm điểm, phê bình, ghép mình vào tổ chức phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Những vấn đề nổi cộm, tiêu cực được lần lượt giải quyết, trong đó có vụ tranh chấp đất đai kéo dài nhiều năm liên giữa hai hợp tác xã Phổ Thuận 2 và Phổ Thuận 3. Việc củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng có sự phù hợp hơn với đổi mới kinh tế. Năm 1991, toàn Đảng bộ huyện có 54 tổ chức cơ sở đảng. Đến năm 1994, Ban Thường vụ Huyện uỷ sắp xếp lại còn 44, trong đó có 14 đảng bộ xã, thị trấn, 12 chi bộ cơ quan hành chính, sự nghiệp, 6 chi bộ doanh nghiệp, 1 Đảng bộ Quân sự huyện và 1 Chi bộ Công an huyện. Các chi bộ hợp tác nông nghiệp được chuyển thành các chi bộ thôn, khối phố và chi bộ dân quân. Hầu hết đảng viên trong các chi bộ đều được phân công nhiệm vụ. Hàng quý, hàng năm chi bộ đều tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đảng viên.

Năm 1994, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân và Ban cán sự Ủy ban nhân dân huyện được thành lập nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ đối với các cơ quan hành chính nhà nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển đảng viên mới có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong 5 năm (1991-1995), Huyện uỷ phối hợp với Trường Đảng tỉnh mở hai lớp lý luận chính trị trung cấp tại chức cho 107 đồng chí. Từ năm 1991 đến năm 1995, toàn huyện kết nạp được 157 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến lên 2.446 đồng chí (năm 1995).

Năm 1995, sau một thời gian sưu tầm tài liệu, tiến hành biên soạn, bản thảo cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ giai đoạn 1930-1975* hoàn thành và được xuất bản. Nội dung cuốn sách bước đầu nêu lên một cách có hệ thống các sự kiện chủ yếu cũng như những nhận định, đánh giá quá trình Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân trong huyện tiến hành cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bọn tay sai, hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1930-1975).

Công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng được tăng cường hơn trước. Trong 5 năm (1991-1995), ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 37/44 tổ chức cơ sở đảng. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý kỷ luật 57 đảng viên có vi phạm, trong đó khai trừ khỏi Đảng 23 người, cách chức 8 đồng chí, cảnh cáo 19 đồng chí, khiển trách 7 đồng chí.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn này cũng có nhiều mặt hạn chế. Công tác chính trị tư tưởng có lúc chưa kịp thời. Nội dung, phương thức hoạt động của công tác tư tưởng chậm được đổi mới. Việc phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện của một bộ phận đảng viên chưa thường xuyên, chưa tự giác trong đấu tranh tự phê bình và phê bình. Công tác tổ chức, cán bộ còn có mặt hạn chế, nhất là việc tạo nguồn quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Trình độ đội ngũ cán bộ, đảng viên nhìn chung còn

thấp, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới¹. Việc kiểm tra, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng chưa nghiêm, chưa kịp thời, nên tác dụng giáo dục, ngăn ngừa đảng viên vi phạm chưa cao.

*

* *

Trong 5 năm (1991-1995), trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có những khó khăn, phức tạp, nhưng Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã có nhiều nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, coi nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Huyện cơ bản hoàn thành 6 chương trình kinh tế lớn do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV đề ra. Một số nhân tố mới đã xuất hiện trong sản xuất và kinh doanh. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống được đầu tư, xây dựng. Diện mạo nền kinh tế có sự khởi sắc, vượt qua được tình trạng trì trệ, khó khăn. Sự nghiệp giáo dục, chăm sóc sức khoẻ và sinh hoạt của nhân dân ngày càng được nâng lên, có mặt được cải thiện ngày càng tốt hơn. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị từng bước được đổi mới phù hợp với đổi mới

1. Trong cấp uỷ huyện khoá XIV chỉ có 30,5% đồng chí có trình độ đại học, cao đẳng, 66,6% đồng chí có trình độ trung - cao cấp lý luận chính trị. Cấp uỷ cơ sở, chỉ có 9,7% đồng chí có trình độ học vấn cấp III, 6,7% đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị. (Xem: Huyện uỷ Đức Phổ: *Báo cáo Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VII về một số nhiệm vụ mới và chỉnh đốn Đảng*, tr.16).

trên các lĩnh vực, nhất là đổi mới về kinh tế. Cán bộ, đảng viên phát huy được tính tiên phong, gương mẫu. Các tổ chức đảng được chỉnh đốn, đổi mới từng bước, giữ vững được vai trò hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Niềm tin của nhân dân ngày càng được củng cố.

Tuy vậy, hạn chế, khuyết điểm của huyện nổi lên trong giai đoạn này là tốc độ phát triển kinh tế còn chậm và chưa vững chắc. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi còn chậm và chưa rộng khắp. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, nhất là công nghiệp chế biến; chưa khai thác được nguồn hàng xuất khẩu. Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế còn chậm, nhất là việc giao đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ. Đời sống cán bộ, công nhân viên chức và một bộ phận nhân dân, nhất là các gia đình thuộc diện chính sách, người về hưu còn gặp nhiều khó khăn. Các tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn có nơi vẫn diễn biến phức tạp. Một số cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, trình độ, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Tuy còn nhiều hạn chế, song những thành tựu đạt được trong 5 năm (1991-1995) đã tạo được một số tiền đề để Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Chương VI

TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2000)

I. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Bước vào năm 1996, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã tiến hành được 10 năm và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ phát triển mới - công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, nước ta còn phải đối đầu với những khó khăn, thách thức mới như: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế nhiều thành phần, nguy cơ tham nhũng và những mặt trái của quá trình toàn cầu hoá kinh tế.

Cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ bước vào giai đoạn

phát triển mới với những thời cơ và thuận lợi mới. Những thành tựu đạt được sau 10 năm đổi mới tạo được niềm tin của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước đi vào ổn định, có mặt được cải thiện. Tiềm năng, thế mạnh của huyện được phát huy. Đội ngũ cán bộ tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ được tăng cường. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, chính trị, xã hội ổn định, đó là những thuận lợi tạo ra những tiền đề cần thiết cho quá trình đổi mới và phát triển.

Tuy vậy, bước vào thời kỳ mới cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh, Đức Phổ vẫn là một huyện nghèo, điểm xuất phát thấp, sản xuất hàng hoá kém phát triển, nhiều vấn đề xã hội bức xúc như việc làm, thu nhập chậm được giải quyết. Năng lực, trình độ quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của đội ngũ cán bộ các cấp còn nhiều bất cập, hệ thống chính trị còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Mặt trái của kinh tế thị trường tác động không nhỏ đến đời sống xã hội, làm cho sự phân tầng xã hội ngày một rõ nét. Các biện pháp xoá đói, giảm nghèo chưa phát huy hiệu quả tốt, nhất là ở những vùng khó khăn, những hộ thiếu vốn, thiếu sức lao động, không ít người, có cả trẻ em bỏ học vào Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam kiếm sống.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, từ ngày 4-4 đến ngày 6-4-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVI nhiệm kỳ 1996-2000 được tổ chức tại Nhà Văn hoá huyện. Tham dự Đại hội có 238 đại biểu đại

diện cho trên 2.400 đảng viên thuộc 54 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Đại hội thảo luận, thông qua bản tổng hợp các ý kiến góp ý vào dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, kiểm điểm, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong 5 năm 1991-1995, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000.

Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI khẳng định: Tình hình kinh tế của huyện có bước phát triển, việc thực hiện các chương trình kinh tế đạt được kết quả tích cực. Nền kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện. Cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và đời sống gắn với xây dựng nông thôn mới được tăng cường như hệ thống điện, giao thông nông thôn, thông tin liên lạc. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả. Tuy vậy, so với tiềm năng và yêu cầu của sự phát triển, một số lĩnh vực vẫn còn yếu kém. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm và chưa vững chắc. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, nhất là công nghiệp chế biến. Chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp còn chậm. Nhiều hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả. Quản lý đất đai còn lỏng lẻo. Thu nhập bình quân của nhân dân còn thấp. Đời sống một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Quốc phòng, an ninh trên địa bàn tuy được củng cố nhưng chất lượng còn thấp. An ninh chính trị, trật tự an

toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Hoạt động của hệ thống chính trị chậm được đổi mới, chưa phù hợp với đổi mới kinh tế.

Quán triệt chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, từ tình hình thực tế của địa phương, Đại hội đề ra mục tiêu trong 5 năm 1996-2000 là: "Vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, tăng cường củng cố an ninh, quốc phòng, giữ vững sự ổn định về chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của các cấp chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của huyện trong giai đoạn cách mạng mới"¹.

Để đạt được mục tiêu trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ cụ thể là:

- Tiếp tục phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát huy khả năng của các thành phần kinh tế để sản xuất hàng hoá, khai thác tốt hơn các nguồn thu trong huyện để từng bước tiến tới bảo đảm được một phần chi cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cùng với việc thực hiện tốt chính sách xã hội, khuyến khích phát triển ngành nghề để tạo thêm việc làm cho người lao động, quyết tâm giảm tốc độ gia tăng dân số của huyện ở mức thấp nhất.

1. Đảng bộ huyện Đức Phổ: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVI*, tr.3-4.

- Ổn định và từng bước cải thiện, nâng cao hơn đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng bằng trí tuệ, sức lực, vốn liếng, kỹ thuật, tay nghề của mình.

- Phát huy tốt hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời giáo dục, động viên nhân dân gắn quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích với nghĩa vụ công dân. Tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội, chấp hành pháp luật, tiếp tục đổi mới về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện đúng đắn các mối quan hệ trong hệ thống chính trị, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh và phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

- Làm tốt nhiệm vụ về an ninh, quốc phòng, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng công tác giáo dục để nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa. Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, quyết tâm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; chống tham nhũng, lãng phí, buôn lậu có hiệu quả.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu đến năm 2000 là: giá trị sản xuất đạt 542,688 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1994). Tốc độ phát triển bình quân trong 5 năm 1996-2000 là 13,5%. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 48.520 tấn. Bình quân lương thực tính đầu người đạt 304 kg/năm. Diện tích trồng mía đạt 2.500 ha, sản lượng đạt 200.000 tấn. Tổng đàn trâu bò đạt 34.300 con, đàn heo đạt 73.260 con. Đánh bắt hải sản đạt 45.000 tấn (trong đó xuất khẩu 13.500 tấn). Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt

từ 150 đến 200 ha, sản lượng đạt 140 tấn. Trồng 2.500 ha rừng tập trung và 9 triệu cây phân tán.

Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,8%; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 11%. Giải quyết việc làm cho 10.000 lao động. Xoá hết hộ đói, giảm từ 60-65% hộ nghèo so với năm 1995, tăng nhanh hộ khá và hộ giàu.

Công tác tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt 3,2% dân số.

Phấn đấu đến năm 1996 không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém và đến năm 2000 có từ 70-80% tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và từ 20-30% khá. Kết nạp 300 đảng viên mới.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trên từng lĩnh vực.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVI, nhiệm kỳ 1996-2000, gồm 35 đồng chí, Ban Thường vụ có 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức Tâm tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ. Đồng chí Cao Văn Lệ và đồng chí Tạ Mỹ Ba được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, đồng chí Nguyễn Đức Tâm được điều động nhận công tác ở tỉnh, đồng chí Cao Văn Lệ được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Nguyễn Thanh Tâm được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Từ ngày 6-5 đến ngày 10-5-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XV được tổ chức tại Nhà Văn hóa Lao động tỉnh. Đại hội đánh giá tình hình phát triển của tỉnh trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong 5 năm 1991-1995, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội kiểm điểm, đánh giá những thành tựu đạt được và những khuyết điểm, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết 10 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2000, xác định nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

Sự thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng các cấp là nguồn cổ vũ, động viên Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, khắc phục khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2000.

Triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thử thách, nhưng sau 5 năm nỗ lực phấn đấu, kinh tế - xã hội của huyện từ chỗ còn mất cân đối về nhiều mặt đã vươn lên phát triển khá toàn diện. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục có bước chuyển dịch mạnh về cơ cấu vật nuôi, cây trồng, nhất là bố trí lại thời vụ cho phù hợp với thời tiết, khí hậu, chuyển dần phương thức mỗi năm canh tác từ 3 vụ lúa sang 2 vụ lúa. Một số giống lúa mới năng suất cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh được đưa vào gieo sạ đại trà. Nhờ đó, sản lượng lương thực tăng nhanh, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Năm 1996, tổng sản lượng lương thực quy thóc chỉ đạt 47.410 tấn. Đến năm 1999 đạt 54.805 tấn, đưa bình quân lương thực theo đầu người lên 357 kg, tăng 53 kg so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra. Các loại nông sản có giá trị được nhân dân trong huyện chú trọng đầu tư phát triển.

Các loại cây công nghiệp, nhất là cây mía, tăng nhanh cả về diện tích và sản lượng, là nguồn nguyên liệu chủ yếu cung cấp cho Nhà máy đường Phổ Phong¹. Năm 1996, diện tích trồng mía toàn huyện chỉ đạt 1.450 ha, sản lượng là 58.000 tấn; đến năm 2000, diện tích trồng mía đạt 2.300 ha, sản lượng là 126.500 tấn. Kinh tế vườn, kinh tế trang trại bắt đầu phát triển.

Chăn nuôi phát triển ổn định. Người chăn nuôi đã có bước chuyển đáng kể trong tư duy sản xuất, chuyển từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá. Đến năm 2000, toàn huyện có 28.146 con trâu, bò, tỷ lệ bò lai sind chiếm 43%; 54.300 con heo, tỷ lệ lai ngoại hướng nạc chiếm 16,2%.

Lĩnh vực nuôi trồng thuỷ hải sản có sự phát triển nhanh, nhất là nuôi tôm xuất khẩu. Năm 1996, toàn huyện mới có 27,1 ha diện tích ao, hồ nuôi tôm, sản lượng khoảng 84 tấn. Đến năm 2000, diện tích ao, hồ nuôi tôm tăng lên 41,9 ha, sản lượng 180 tấn. Nhiều hộ giàu lên nhờ nuôi tôm, nhất là vùng cửa biển Mỹ Á.

Trong 5 năm (1996-2000), các cơ quan chức năng tiến hành giao 1.876 ha đất lâm nghiệp cho các hộ trồng rừng. Với sự hỗ trợ của Nhà nước, nhân dân trồng mới được 1.323 ha rừng tập trung, 2,95 triệu cây phân tán, mặc dù thời kỳ này toàn huyện đã chuyển 50 ha đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp.

Tuy sản xuất nông nghiệp có bước phát triển toàn diện cả về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhưng nhìn

1. Nhà máy đường Phổ Phong do Công ty Đường Quảng Ngãi đầu tư, công suất ép 1.000 tấn mía cây/ngày được hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1997.

chung tốc độ phát triển vẫn còn chậm. Việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt thấp so với kế hoạch đề ra, như chăn nuôi trâu bò chỉ đạt 82%, chăn nuôi heo chỉ đạt 74,1%, sản lượng đánh bắt hải sản chỉ đạt 47,7%, sản xuất muối chỉ đạt 66,6%. Việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ chưa đạt yêu cầu đề ra. Công tác chuyển đổi, đăng ký lại hợp tác xã tuy được thực hiện nhưng còn nặng về hình thức. Hầu hết các phương án sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã sau chuyển đổi đều thiếu tính khả thi. Vấn đề tranh chấp, lấn chiếm đất đai xảy ra nhiều nơi nhưng chưa được ngăn chặn. Một số nơi xảy ra tình trạng phá rừng nghiêm trọng, nhất là rừng đầu nguồn các hồ chứa nước, nhưng chưa xử lý kịp thời, nghiêm túc, đúng pháp luật.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt được một số kết quả quan trọng. Một số dự án phát triển công nghiệp như nhà máy đường, nhà máy sản xuất gạch, ngói được xây dựng trên địa bàn xã Phổ Phong, góp phần đưa giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện từ 44,8 tỷ đồng (năm 1996) lên 61,1 tỷ đồng (năm 2000).

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện ngày càng đa dạng, phong phú, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Ở thị trấn, thị tứ đều có các đại lý xăng dầu, cửa hàng mua bán xe máy, nhà trọ, khách sạn, các cửa hàng, cửa hiệu buôn bán hàng hoá. Hệ thống thông tin liên lạc, dịch vụ bưu điện phát triển nhanh, bình quân số máy điện thoại đạt 1,7 máy/100 dân.

Tuy vậy, do chưa thích ứng với cơ chế thị trường nên sản

xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Quy mô sản xuất nhỏ bé. Hướng phát triển các ngành nghề chưa rõ. Các nguồn lực trong nhân dân, trong các thành phần kinh tế còn dồi dào nhưng chưa có chính sách huy động hợp lý. Tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện còn thấp. Tính chung về cơ cấu kinh tế của huyện trong 5 năm (1996-2000): giá trị về sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng 71,66%, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng 13,64%, giá trị thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng 14,70%.

Trong 5 năm (1996-2000), tổng vốn đầu tư trên địa bàn huyện đạt 97 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư phát triển mạng lưới điện đạt 8,7 tỷ đồng, phát triển giao thông đạt 23,1 tỷ đồng, các công trình kinh tế đạt 21,4 tỷ đồng, các công trình văn hoá, xã hội đạt 43,8 tỷ đồng.

Đến năm 2000, huyện hoàn thành việc đưa điện lưới quốc gia đến tất cả các xã, thị trấn, với tổng công suất 9.720 kVA, tỷ lệ hộ dùng điện đạt 89%. Kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông nông thôn phát triển mạnh. Các tuyến giao thông quan trọng đều được mở rộng lòng đường, sửa chữa, xây dựng mới cầu, cống, mặt đường được trải nhựa, bê tông xi măng. Hầu hết nhân dân các xã, thị trấn đều đóng góp vốn, ngày công lao động làm các công trình điện, đường giao thông. Năm 2000, trong tổng số vốn đầu tư 20,8 tỷ đồng làm đường giao thông nông thôn, nhân dân đóng góp 2,6 tỷ đồng và 48.568 ngày công.

Các công trình thủy lợi được đầu tư nâng cấp góp phần

mở rộng diện tích tưới nước. Đến năm 1998, diện tích đất canh tác được tưới bằng các công trình kiên cố đạt 1.854 ha; tưới bằng các công trình thuỷ lợi nhỏ, các đập bồi đạt 2.338 ha. Riêng công trình thuỷ lợi Liệt Sơn tưới được 683 ha, công trình thuỷ lợi Thạch Nham tưới được 422 ha diện tích đất canh tác ở các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Văn.

Một số dự án phát triển kinh tế trung du, miền núi được huyện tập trung chỉ đạo triển khai như dự án Tân An, Đồng Đèo (xã Phổ Khánh), Nhơn Tân (xã Phổ Nhơn). Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp chặt chẽ với các ngành của tỉnh chỉ đạo di dời dân đến các khu tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khởi công xây dựng hồ chứa nước Núi Ngang¹.

Cùng với những kết quả về phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hoá, xã hội có nhiều bước phát triển mới. Quán triệt quan điểm của Đảng coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo đổi mới công tác phát triển văn hoá, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với nhiệm vụ phát triển văn hoá, xã hội, tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển. Vì vậy, thời kỳ này hoạt động của ngành văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, truyền thanh, phát lại truyền hình có sự khởi sắc.

Từ năm 1996, phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá được lồng ghép với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư của Mặt trận Tổ quốc, trở thành cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây

1. Hồ chứa nước Núi Ngang được khởi công xây dựng năm 2000, có năng lực tưới theo thiết kế 1.450 ha. Kênh chính dài 10 km.

dựng đời sống văn hoá. Từ huyện đến các xã, thị trấn đều thành lập ban chỉ đạo. Hàng năm tổ chức bình xét, xếp loại các danh hiệu gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá, cơ quan văn hoá. Tính đến năm 2000, toàn huyện có 328/337 khu dân cư đăng ký thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hoá. Một số khu dân cư xây dựng được quy ước, hương ước. Tình làng, nghĩa xóm được nhân lên. Việc cưới, việc tang, lễ hội được thực hiện đúng quy định của các cấp chính quyền, khắc phục dần các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong các hoạt động này.

Hệ thống đài truyền thanh, phát lại truyền hình tiếp tục được củng cố, thực hiện tốt hơn việc đưa thông tin về cơ sở. Năm 1998, được sự giúp đỡ của tỉnh, trạm phát lại truyền hình Phổ Thạnh được đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công tác bảo vệ, tôn tạo, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, các khu di tích lịch sử tiếp tục được duy trì. Năm 1997, di tích gò Ma Vương ở thôn Long Thạnh, xã Phổ Thạnh được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hoá Quốc gia.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ, nhất là trong học sinh, thanh thiếu niên, lực lượng vũ trang. Việc giáo dục thể chất trong trường học, cũng như các hội thi, hội diễn, thi đấu được tổ chức ngày càng tốt hơn.

Ngành y tế thực hiện ngày càng tốt các chương trình y tế quốc gia. Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, trang bị thêm phương tiện, thiết bị, bảo đảm công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân. Hệ thống tổ chức mạng lưới chuyên trách, cộng tác viên cơ sở về công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và chăm sóc

trẻ em được kiện toàn và tích cực hoạt động. Các chương trình, mục tiêu về dân số được triển khai một cách đồng bộ, có hiệu quả, đạt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra. Tỷ lệ tăng dân số có xu hướng giảm, còn 1,55% (năm 2000). Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng ngày càng tăng, đạt 98% (năm 1999). Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 31% (năm 2000). Toàn huyện có 265 trẻ em khuyết tật được chăm sóc và cấp thuốc thường xuyên.

Ngành giáo dục huyện tổ chức triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII về định hướng phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời và cụ thể của Ban Thường vụ Huyện uỷ, tất cả các xã, thị trấn vẫn duy trì được công tác phổ cập giáo dục tiểu học, 14/15 xã duy trì được công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Trẻ em tròn 6 tuổi đều được vào lớp học 1. Hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo công lập, dân lập được mở đến thôn, xã.

Thực hiện tốt phương châm xã hội hoá giáo dục, thời kỳ này hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp học trong toàn huyện, nhất là các xã khó khăn, vùng xa được xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng. Đến năm 2000, toàn huyện có 8 trường trung học cơ sở và 7 trường tiểu học được xây dựng cao tầng. Để đạt được kết quả đó, huyện vừa sử dụng tốt nguồn vốn của Nhà nước đầu tư, vừa vận động sự đóng góp của nhân dân. Năm 1999, là năm có sự đóng góp cao nhất của nhân dân để kiên cố hoá trường, lớp học. Trong tổng giá trị 2,58 tỷ đồng xây dựng mới 52 phòng học, nhân dân các địa phương đóng góp gần một nửa (1,25 tỷ đồng).

Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Hàng năm tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp các bậc học đạt trên 90%. Việc dạy thêm, học thêm không đúng quy định được chấn chỉnh từng bước. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển Đảng trong trường học được các cấp uỷ và nhà trường quan tâm. Đến năm 2000, toàn ngành giáo dục huyện có 264 đảng viên.

Việc thực hiện chính sách xã hội là một trong những lĩnh vực được các cấp uỷ, chính quyền rất quan tâm, nhất là công tác xoá đói, giảm nghèo. Trong 5 năm 1996-2000, toàn huyện lập được 54 dự án vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, giải quyết cho 7.489 hộ vay với tổng số tiền 15,213 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho gần 7.525 lao động. Từ nguồn vốn vay, nhiều hộ gia đình phát triển kinh tế, xoá được đói, giảm được nghèo. Đến năm 2000, toàn huyện xoá hết hộ đói.

Việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng đạt được nhiều kết quả tốt. Đến năm 2000, toàn huyện có 6.325 liệt sỹ, 1.943 thương binh, 1.632 người hoạt động kháng chiến, 413 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được công nhận, hiện có 95 mẹ còn sống được các tổ chức và cá nhân nhận phụng dưỡng suốt đời. Tổng số tiền từ Quỹ đền ơn đáp nghĩa được nhân dân đóng góp hơn 194 triệu đồng. Từ nguồn quỹ này, huyện xây dựng được 77 nhà tình nghĩa, lập 154 sổ tiết kiệm tình nghĩa tặng các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn.

Tuy vậy, lĩnh vực văn hoá, xã hội còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở còn ít.

Quản lý nhà nước đối với các dịch vụ văn hoá, việc cưới, việc tang, lễ hội chưa nghiêm. Chất lượng các khu dân cư văn hoá còn thấp. Ngành giáo dục còn buông lỏng quản lý, chạy theo thành tích. Một số nơi, nhất là các trường ở thị trấn xuất hiện tình trạng dạy và học thêm tràn lan. Tỷ lệ bác sĩ và giường bệnh trên số dân còn thấp. Quản lý hành nghề y được tư nhân và vệ sinh môi trường còn bị buông lỏng. Ý thức của một số y, bác sĩ giảm sút, gây phiền hà cho bệnh nhân. Sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành trong việc thực hiện các chính sách xã hội chưa thật sự sâu sát, thiếu các biện pháp thiết thực để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Một số đối tượng lợi dụng chính sách của Đảng và Nhà nước khai man để hưởng chế độ, gây bất bình trong du luận.

II. GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Trong 5 năm 1996-2000, lợi dụng tình hình Mỹ xóa bỏ cấm vận, bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam, quan hệ đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, các thế lực thù địch trong và ngoài nước tập trung chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta một cách tinh vi, quyết liệt hơn. Tình hình đó đã tác động, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Ở một số địa phương xuất hiện các tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng và

Nhà nước. Tà đạo xuất hiện ở các xã phía nam huyện, tìm cách tuyên truyền, lôi kéo người vào đạo. Một số chức sắc đạo Tin Lành từ huyện Ba Tơ thâm nhập vào các xã giáp ranh huyện để tuyên truyền đạo trái pháp luật.

Để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an ninh trên địa bàn huyện, Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, các tệ nạn xã hội, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, góp phần làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

Ngày 27-4-1996, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Chỉ thị số 04-CT/HU về công tác phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Quán triệt chủ trương của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Công an huyện lập kế hoạch hướng dẫn công an các xã, thị trấn tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương; tổ chức ký kết liên tịch về bảo vệ an ninh Tổ quốc với các ngành, đoàn thể; củng cố các tổ nhân dân tự quản, tổ hoà giải, ban bảo vệ dân phố, đội dân phòng. Công an huyện thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phong trào, chỉ đạo, giúp đỡ giải quyết các vụ, việc phức tạp xảy ra ngay tại cơ sở. Đến năm 2000, toàn huyện xây dựng được 412 tổ nhân dân tự quản, 117 tổ hoà giải và các ban bảo vệ dân phố, dân phòng, đội thiếu niên sao đỏ. Đây là lực lượng nòng cốt, xung kích trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở, là chỗ dựa để nhân dân phát hiện, tố giác tội phạm. Chỉ trong 2 năm 1996-1997, được sự giúp đỡ của quần chúng, lực lượng công

an huyện truy bắt 19 đối tượng truy nã, vận động 21 đối tượng phạm pháp ra đầu thú, tự thú, giáo dục cảm hoá 12 thanh thiếu niên hư hỏng. Qua thực tiễn hoạt động của phong trào, nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện như phong trào cảm hoá, giáo dục đối tượng phạm tội tại cộng đồng ở thị trấn Đức Phổ, phong trào bảo vệ đường sắt quê em ở Trường trung học cơ sở xã Phổ Thuận, Phổ Thạnh, phong trào bài trừ các tệ nạn xã hội ở xã Phổ Châu, v.v..

Đối với công tác củng cố quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, Ban Thường vụ Huyện uỷ thường xuyên quan tâm chỉ đạo việc tổ chức diễn tập thực nghiệm vận hành cơ chế theo phương án A, A2. Cơ quan quân sự huyện thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

Thực hiện chủ trương của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu V, cơ quan quân sự huyện tiếp tục duy trì lực lượng dân quân, tự vệ biển. Đến năm 1996, tự vệ biển của huyện được xây dựng ở 5 xã ven biển, với quân số 181 đồng chí, biên chế thành các trung đội, tiểu đội. Các đội dân quân, tự vệ biển thường xuyên ra khơi, bám biển, vừa khai thác, đánh bắt hải sản, vừa tham gia cứu hộ, cứu nạn trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Cơ quan quân sự huyện cũng tích cực xác minh, làm hồ sơ đề nghị và được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang cho các xã như Phổ Thạnh, Phổ Văn (năm 1996); Ban An ninh huyện Đức Phổ, Ban An ninh xã Phổ Văn

(năm 1998); các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Ninh (năm 1999); Phổ Quang, Phổ Khánh, Phổ Vinh (năm 2000).

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng công tác quốc phòng, an ninh thời kỳ 1996-2000 vẫn còn khuyết điểm. Công tác giáo dục chính trị, ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang chưa cao. Các loại tội phạm chưa giảm. Hiệu quả cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực còn thấp. An ninh nông thôn nảy sinh nhiều vấn đề bức xúc nhưng chậm được giải quyết.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khoá VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VIII về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, công tác xây dựng, củng cố chính quyền đạt được kết quả tốt. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố và đi vào hoạt động có hiệu quả hơn. Đội ngũ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ, năng lực công tác được nâng lên. Năm 2000, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh đưa vào ngạch bậc hành chính một số chức danh cán bộ, công chức cấp xã, thị trấn, với 307 biên chế. Từ khi thực hiện chủ trương này, cán bộ, công chức cấp xã yên tâm, phấn khởi hơn, chuyên nghiệp hơn trong công tác. Trụ sở làm việc của một số cơ quan ở huyện và các xã, thị trấn được xây dựng lại khang trang. Bộ máy các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện được sắp xếp tinh gọn, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong

chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế dân chủ trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước theo Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị bước đầu mang lại không khí dân chủ, cởi mở trong đời sống xã hội, nhất là các thôn, khối phố, khu dân cư. Nhiều vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của nhân dân được bàn bạc dân chủ, công khai, nhất là huy động vốn, ngày công làm các công trình điện, giao thông, trường học, bước đầu gây được lòng tin của nhân dân đối với cán bộ chính quyền các cấp.

Ngày 20-7-1997, cử tri huyện Đức Phổ cùng cử tri cả nước hăng hái tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khoá X, nhiệm kỳ 1997-2002.

Ngày 14-11-1999, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, cùng với cử tri trong tỉnh và cả nước, cử tri huyện Đức Phổ hăng hái tham gia cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 1999-2004. Qua bầu cử, cử tri trong huyện bầu được 34 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện. Đồng chí Cao Văn Lệ được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Đồng chí Tạ Mỹ Ba được bầu lại giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1999-2004.

Năm 1999, thực hiện chủ trương của Trung ương, huyện tiến hành việc chia xã Phổ Thạnh thành hai xã Phổ Thạnh và xã Phổ Châu. Như vậy đến thời điểm này, huyện Đức Phổ có 15 xã, thị trấn.

Tuy đạt được một số kết quả, nhưng sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đối với công tác xây dựng chính quyền vẫn còn hạn chế, yếu kém. Chỉ đạo cải

cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nguyện vọng của nhân dân. Việc cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng còn chậm, chất lượng, hiệu quả thấp. Một bộ phận cán bộ, công chức chấp hành kỷ luật hành chính chưa nghiêm. Năng lực quản lý, điều hành các hoạt động kinh tế - xã hội của đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập. Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân chưa được ngăn chặn. Một số địa phương, đơn vị thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn nặng về hình thức, hiệu quả thấp.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động và tăng cường công tác vận động quần chúng, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cụ thể hoá các nghị quyết của Trung ương và nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp bằng các chương trình hành động; kịp thời củng cố Ban Dân vận Huyện uỷ, đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng ở huyện. Ban Thường vụ Huyện uỷ tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 8B-NQ/HNTW khoá VI (1989-1999) và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VII) về công tác Mặt trận (1993-1998).

Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện các chủ trương lớn của Đảng về công tác vận động quần chúng trong tình hình mới, Mặt trận Tổ quốc huyện chủ trì phối hợp với các đoàn thể nhân dân tổ chức phát động hội viên, đoàn viên hưởng ứng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. Sau khi tổ chức làm điểm ở 3 đơn vị cấp xã là Phố Thuận, Phố Phong và thị trấn Đức Phổ, Mặt trận Tổ quốc và

các đoàn thể nhân dân rút kinh nghiệm và triển khai ra tất cả các xã trong huyện, với 200 khu dân cư đăng ký thực hiện. Sau 5 năm tổ chức, cuộc vận động đạt được nhiều kết quả. Nhiều khu dân cư khắc phục triệt để các tệ nạn xã hội, kinh tế phát triển khá, trật tự trị an thôn xóm được bảo đảm, các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân được hoà giải, tình làng nghĩa xóm gắn bó, đoàn kết hơn.

Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo nội dung Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị trên địa bàn huyện mang lại nhiều kết quả. Nhiều xã, nhất là tại hai xã điểm Phổ Văn và Phổ Cường, nhân dân được trao đổi, bàn bạc, thống nhất nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi ích của nhân dân. Chủ trương dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra bước đầu được nhân dân đồng tình hưởng ứng, có tác dụng thiết thực trong việc huy động sức dân tham gia đóng góp vốn, sức lao động xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn như điện, đường giao thông, trường học.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc huyện thời kỳ này còn tập trung vận động nhân dân quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, tiết kiệm chi tiêu để mua công trái xây dựng Tổ quốc, xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống....

Huyện đoàn tiếp tục triển khai sâu rộng hai phong trào lớn "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước". Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam huyện tổ chức Đại hội lần thứ I. Sự thành lập tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tập hợp thanh niên góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện thực hiện có kết quả 5 chương trình công tác trọng tâm và 3 phong trào lớn của hội. Các cấp hội phụ nữ trong huyện lập được một số dự án vay vốn, giúp hội viên nghèo phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo. Phong trào xây dựng quỹ tiết kiệm vì phụ nữ nghèo được đông đảo chị em hưởng ứng. Bằng các hoạt động thiết thực, có hiệu quả, phù hợp với cơ chế mới, phong trào phụ nữ ngày càng phát triển, trở thành chỗ dựa của đông đảo phụ nữ ở nông thôn, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn. Vai trò của người phụ nữ mới trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng được khẳng định.

Tổ chức Hội Nông dân huyện được củng cố, thực hiện tốt công tác phát triển hội viên, phối hợp với các ngành đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, hướng dẫn nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi. Các cấp hội lập được một số dự án giúp nông dân vay vốn phát triển kinh tế gia đình.

Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của bộ đội Cụ Hồ, tập trung phát triển tổ chức hội cơ sở, đẩy mạnh phát triển hội viên, hướng hoạt động của hội vào việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, động viên các thế hệ cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế. Các cấp hội tích cực tham gia công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, phối hợp với lực lượng công an, quân đội thực hiện tốt phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và đấu tranh chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

Để phù hợp với xu thế phát triển chung của đời sống xã

hội, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng các tầng lớp nhân dân trong huyện, thời kỳ này một số tổ chức hội quần chúng mới ra đời như Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học, Hội Người mù, Ban liên lạc tù chính trị yêu nước...

Tuy Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp trong huyện có sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động phù hợp hơn với cơ chế quản lý kinh tế mới, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Tính chất vận động, thuyết phục trong hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa cao, chưa đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của hội viên, đoàn viên. Đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Kinh phí, phương tiện hoạt động còn gặp nhiều khó khăn. Sự quan tâm lãnh đạo của cấp uỷ, sự phối hợp của chính quyền các cấp trong công tác vận động quần chúng chưa nhiều, gấn bó thiếu chặt chẽ.

Vượt qua thời kỳ khó khăn, khủng hoảng, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đứng trước nhiều thời cơ, vận hội, bên cạnh những khó khăn, thách thức không nhỏ. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng tăng hơn trước, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được đổi mới.

Trước tình hình đó, việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn tổ chức đảng và nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên trở thành vấn đề cấp bách. Chính vì vậy, trong 5 năm 1996-2000, Đảng ta đã ban hành hai nghị quyết quan trọng về công tác xây dựng Đảng. Đó là Nghị quyết Hội nghị

Trung ương 3 khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về một số vấn đề cơ bản, cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương và sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Đức Phổ xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền các cấp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về công tác chính trị, tư tưởng, Đảng bộ huyện tập trung tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, ý chí và hành động, thường xuyên học tập, nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nói và làm theo nghị quyết, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, thực hiện nghiêm 19 điều đảng viên không được làm theo quy định của Bộ Chính trị. Để tăng cường công tác thông tin đến cán bộ, đảng viên ở cơ sở, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ mua và đọc báo Đảng. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được củng cố, kiện toàn, thường xuyên hoặc đột xuất tổ chức các buổi nói chuyện thời sự cho đội ngũ cán bộ, đảng viên ở các địa phương, cơ sở.

Năm 1996, thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TW của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Huyện uỷ thành lập Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện. Từ khi thành lập đến năm 2000,

Trung tâm đã mở được 23 lớp với 1.515 học viên, bao gồm các chương trình lý luận chính trị phổ thông, bồi dưỡng kết nạp Đảng, cấp uỷ mới và các lớp chuyên đề về quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, lý luận, nghiệp vụ cho cán bộ, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội.

Nhờ làm tốt công tác tư tưởng chính trị nên nhận thức về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch trong cán bộ và đảng viên, nhân dân ngày càng được nâng cao. Công tác tư tưởng góp phần rất quan trọng trong việc củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn thời cơ, thuận lợi và những khó khăn, thách thức của đất nước trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, mỗi người có ý thức hơn về cuộc đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc của địch, biết bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Với vai trò là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở, các tổ chức cơ sở đảng ngày càng trở nên quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhận thức rõ vấn đề đó, công tác kiện toàn, củng cố tổ chức cơ sở đảng được Ban Thường vụ Huyện uỷ xác định là tập trung nâng cao tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, hạ thấp tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Tập trung chấn chỉnh nội dung và hình thức sinh hoạt chi bộ. Năm 1998, qua phân tích chất lượng 42 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ, có 23 tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, chiếm 54,7%.

Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ

đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo việc đánh giá từng tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ. Đến năm 2000, số cán bộ chủ chốt các cấp có trình độ đại học được tăng lên, trong đó cán bộ chủ chốt huyện đạt 90%, trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể đạt 61%, cán bộ công chức đạt 44%. Tỷ lệ đảng viên phát huy tác dụng tốt bình quân đạt 75%.

Công tác phát triển Đảng được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng bộ huyện đã kết nạp được 423 đảng viên, đạt 139% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra.

Việc trao huy hiệu Đảng cho những đảng viên có tuổi đảng từ 40 năm trở lên được Ban Thường vụ Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đạt được nhiều kết quả, nhất là việc xác minh, kết luận kịp thời, chính xác những vấn đề lịch sử chính trị bản thân và gia đình một số cán bộ, đảng viên.

Công tác kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng được tiến hành thường xuyên, trở thành một khâu quan trọng không thể thiếu trong công tác xây dựng Đảng. Để giữ nghiêm kỷ luật Đảng, từ năm 1996 đến năm 2000, Ban Thường vụ Huyện uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Huyện uỷ và các tổ chức cơ sở đảng xem xét, xử lý kỷ luật 67 đảng viên, trong đó năm 1997 là năm có nhiều đảng viên bị xử lý kỷ luật nhất (26 đồng chí).

Thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về một số vấn đề cơ bản trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các cấp ủy đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết và tiến hành tự phê bình và phê bình. Thể hiện tinh thần trách nhiệm trước Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình, làm rõ một số vấn đề gây bức xúc trong dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân như việc chậm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/CP; thiếu kiểm tra, đôn đốc để kéo dài việc thực hiện một số chương trình, dự án, gây thất thoát, lãng phí; chậm chỉ đạo giải quyết một số việc tồn đọng ở các xã Phổ Nhơn, Phổ Cường, Phổ Minh, Phổ Ninh...

Đối với các tập thể, cá nhân, quá trình kiểm điểm đã bám sát nội dung trọng tâm, nêu được các ưu, khuyết điểm, biện pháp khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, yếu kém. Qua việc tiến hành tự phê bình và phê bình, các cấp ủy xem xét trách nhiệm cá nhân và tập thể, chỉ đạo kiểm tra, kết luận, xử lý những vụ, việc tiêu cực, nổi cộm. Kết quả, toàn Đảng bộ huyện có 1 tập thể chi uỷ bị cảnh cáo, 1 tập thể đảng uỷ xã bị khiển trách, 1 bí thư đảng uỷ và 1 phó bí thư đảng uỷ bị cách chức. Ngoài ra, còn có 10 đảng viên bị cảnh cáo, 2 đảng viên bị khiển trách, 2 người bị khai trừ khỏi Đảng. Việc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII của Đảng bộ huyện Đức Phổ đã góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp, có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe những tổ chức đảng và đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức, thiếu tinh thần trách nhiệm, tham nhũng, lãng phí.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ các cấp bước đầu có những chuyển biến tích cực. Ban Thường vụ Huyện uỷ chú trọng việc chỉ đạo, kiểm tra việc đề ra chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các nghị quyết của Đảng; đổi mới quy trình ra chỉ thị, nghị quyết; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng; phân công nhiệm vụ cho các đồng chí trong ban chấp hành phụ trách ngành, lĩnh vực. Đảng bộ từng bước khắc phục được tình trạng bao biện làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo trên từng lĩnh vực cụ thể.

Nhờ đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đảng nên mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ bước đầu được phát huy trên một số lĩnh vực cụ thể, nhất là trong thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chậm đổi mới, thiếu kịp thời, thiếu đồng bộ, chưa bám sát thực tiễn. Chất lượng, hiệu quả học tập, quán triệt và thực hiện nghị quyết chưa cao. Tình trạng suy thoái về nhận thức, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa ngăn chặn được.

Năng lực lãnh đạo của một số cấp uỷ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu. Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh chưa vững chắc. Công tác phát triển đảng viên nữ, đảng viên trẻ còn chậm. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế, một số vụ, việc phức tạp diễn ra ở cơ sở trong nhiều năm nhưng giải quyết chậm, gây hoài nghi, lo lắng về tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng. Việc đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo

của Đảng còn lúng túng, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; một số tổ chức đảng có lúc buông lỏng, có lúc can thiệp quá sâu vào công tác quản lý của chính quyền.

*

* *

Trong 5 năm cuối cùng của thế kỷ XX, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã có nhiều nỗ lực phấn đấu, xác định đúng đắn các mục tiêu, nhiệm vụ và đề ra được những giải pháp thiết thực, phù hợp với thực tiễn tình hình và đạt được những thành tựu quan trọng. Kinh tế của huyện có mức tăng trưởng khá, nhất là trong sản xuất nông nghiệp. Đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Nhiều hộ gia đình vươn lên thoát đói, giảm nghèo, có thu nhập khá. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường. Huyện đã cơ bản được phủ kín điện lưới quốc gia, phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh. Sự nghiệp văn hoá - xã hội có bước phát triển đáng kể. Các chính sách xã hội được thực hiện tốt hơn. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Chính trị ổn định, vai trò của hệ thống chính trị được phát huy. Niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, với chế độ được củng cố. Truyền thống cách mạng của quê hương được phát huy và nhân lên thông qua các phong trào hành động cách mạng sôi nổi của quần chúng.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng trên một số lĩnh vực vẫn còn thiếu sót, khuyết điểm. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 5 chương trình kinh tế do Đại hội XVI của Đảng bộ huyện đề ra chưa kiên quyết, chưa phát huy nội lực, khơi dậy các tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội. Việc

chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và lúng túng. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, giải quyết đầu ra cho nông nghiệp. Nguồn thu ngân sách còn hạn chế. Vốn đầu tư còn phân tán và tính hiệu quả chưa cao. Việc thực hiện Nghị định số 64/CP còn quá chậm, hợp tác xã nông nghiệp sau chuyển đổi vẫn chưa xác định rõ hướng phát triển. Quản lý đất đai thiếu chặt chẽ. Tình trạng lấn chiếm đất đai chưa được ngăn chặn. Các tệ nạn xã hội, mê tín, dị đoan còn diễn biến phức tạp. Tình trạng dạy và học thêm còn khá phổ biến. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm còn có nhiều hạn chế. Các vụ, việc tiêu cực, quan liêu, tham nhũng chưa được xử lý nghiêm minh. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan liêu, chưa sát dân, sát cơ sở.

Tuy có những tồn tại, yếu kém, nhưng những kết quả đạt được là những tiên đề cần thiết để Đảng bộ và nhân dân trong huyện vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Chương VII

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (2001-2005)

I. TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo được thế và lực thúc đẩy công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Cơ sở vật chất của nền kinh tế được tăng cường. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế tạo điều kiện để nước ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tỉnh Quảng Ngãi sau hơn 10 năm tái lập đã vượt qua thời kỳ khó khăn nhất, bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, với nhiều triển vọng phát triển, trong đó Khu công nghiệp Dung Quất đang trở thành động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá khu vực miền Trung và cả nước.

Trong bối cảnh thuận lợi của đất nước và của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ bước vào thế kỷ XXI với niềm

tin và hy vọng quê hương sẽ có những động lực mới, phát triển mạnh mẽ hơn, cùng với cả nước tiếp tục giành nhiều thành tựu to lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, *từ ngày 20-11 đến ngày 21-11-2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2001-2005*, được tổ chức tại Nhà Văn hoá huyện. Tham dự Đại hội có 180 đại biểu đại diện cho 46 tổ chức cơ sở đảng trong toàn huyện. Đồng chí Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, và lãnh đạo các ban Đảng của Tỉnh uỷ về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của đại hội các chi bộ, đảng bộ cơ sở vào dự thảo các Văn kiện trình Đại hội lần thứ IX của Đảng, dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI; thảo luận và thông qua dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVI và Báo cáo về việc thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII.

Sau khi phân tích, đánh giá những ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ XVI, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong những năm đầu thế kỷ XXI, Đại hội nhất trí thông qua mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2001-2005 là "Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, tập trung phát triển lực lượng sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật

và công nghệ tiên tiến vào sản xuất, đặc biệt là giống cây trồng, vật nuôi, nhằm tạo ra năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao; đồng thời từng bước củng cố quan hệ sản xuất mới cho phù hợp để phát triển, thực hiện tốt các chính sách văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tập trung cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý của bộ máy chính quyền các cấp. Xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ngày càng vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững chính trị ổn định, bảo đảm trật tự an toàn xã hội"¹.

Để đạt được mục tiêu tổng quát trên, Đại hội đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2005: tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 9,1%, trong đó nông nghiệp tăng 7,1%; tiểu thủ công nghiệp tăng 11%; thương mại, dịch vụ tăng 15%.

Tỷ trọng các ngành kinh tế trong tổng giá trị sản xuất là: nông nghiệp chiếm 64,66%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 14,64% và thương mại, dịch vụ chiếm 20,70%.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 4 triệu đồng/năm. Tổng sản lượng lương thực đạt 59.248 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 376 kg/năm. Diện tích trồng mía đạt 2.500 ha, năng suất bình quân đạt 60 tấn/ha. Trồng rừng tập trung đạt 100 ha. Sản lượng khai thác thủy sản đạt 28.400 tấn. Diện tích ao, hồ nuôi tôm đạt 138 ha, sản lượng đạt 765 tấn. Thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 5%. Huy động vốn đầu tư trong 5 năm (2000-2005) đạt 478 tỷ đồng. Phấn đấu có 97% hộ nông thôn được sử dụng điện lưới quốc gia.

1. Đảng bộ huyện Đức Phổ: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2000-2005*, tr.3-4.

Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2005 còn 1,3%. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học trong độ tuổi; phấn đấu tăng hoá các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và các trường tiểu học trung tâm. Tạo việc làm mỗi năm từ 2.000-2.500 lao động. Xoá hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 17,72%. Giảm 90% số người mắc bệnh sốt rét, trên 90% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mở rộng, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 15%. Tất cả các xã, thị trấn đều có trạm y tế và bác sỹ. Tất cả số hộ ở thị trấn và 75-80% hộ nông thôn được dùng nước sạch; 75-80% hộ gia đình thôn, khối và 100% cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá.

Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 2,5% dân số. Tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

Phấn đấu xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh từ 65% đến 75%, không có cơ sở đảng yếu kém. Kết nạp mới 400 đảng viên, tăng tỷ lệ đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên chiếm 60%.

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, giữ vững an ninh chính trị, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhiệm vụ chính trị ngang tầm thời kỳ mới, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp lớn cần tập trung chỉ đạo, thực hiện:

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp và công dân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

- Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế theo từng thời gian thích hợp. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá. Hoàn thiện công tác chuyển đổi các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã, hoạt động có hiệu quả. Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hình thành được các vùng chuyên canh, thâm canh có năng suất, chất lượng cao; vừa bảo đảm an ninh lương thực, vừa mở rộng diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả, tăng nhanh nguồn thực phẩm và rau quả. Chú ý khuyến khích cải tạo vườn tạp thành vườn kinh tế hiệu quả cao, phát triển kinh tế trang trại theo quy mô nhỏ và vừa theo hướng nông lâm kết hợp.

- Bảo vệ, chăm sóc một số cây công nghiệp hiện có. Chỉ đạo và tập trung đầu tư đúng mức để phát triển kinh tế mũi nhọn mà trọng tâm là nuôi tôm xuất khẩu. Có kế hoạch quy hoạch, mở rộng và chuyển mạnh một số diện tích đất nông nghiệp hiệu quả kinh tế thấp có điều kiện sang nuôi tôm. Hình thành và phát triển các cơ sở chế biến hàng nông, lâm, thuỷ hải sản, các làng nghề, điểm thương mại phù hợp với nhu cầu thị trường đi đôi với việc tìm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Chú trọng ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng.

- Tăng cường quản lý tài chính, tạo nguồn thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn xây dựng cơ bản, vốn đầu tư các dự án, chương trình mục tiêu. Huy động các nguồn vốn trong nhân dân và tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là các công trình giao thông, thuỷ lợi..., từng bước nhựa hoá, bê tông hoá đường giao thông nông thôn, bê tông hoá kênh mương.

- Tăng cường đầu tư vào phát triển con người, thông qua giáo dục, đào tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ, thực hiện đa dạng hoá các loại hình trường lớp, hình thức đào tạo hướng nghiệp, dạy nghề; hướng vào phục vụ phát triển kinh tế địa phương; đồng thời nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân, có kế hoạch thu hút con em của huyện đang sinh sống nơi khác đóng góp vốn trí tuệ, góp phần xây dựng, phát triển quê hương.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo, tạo và giải quyết việc làm cho người lao động, nâng dần mức sống của nhân dân, nhất là khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Coi trọng công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Có phương án tốt để phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai.

- Tập trung lãnh đạo tốt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định về chính trị và trật tự an toàn xã hội; chú trọng phòng chống các loại tội phạm, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, kiên quyết không để ma tuý xâm nhập vào cộng đồng dân cư, nhất là ở nhà trường và trong thanh thiếu niên. Xây dựng lực lượng vũ trang mạnh về tổ chức, vững về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ. Tập trung xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, công an xã vững mạnh, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, nền quốc phòng toàn dân sâu rộng, vững chắc; bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp uỷ đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương.

- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, làm tốt công tác hoà giải ở cơ sở, đồng thời đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp luật. Nâng cao chất lượng hoạt động Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt chức năng quyết định và giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương... củng cố, kiện toàn chính quyền các cấp (huyện, xã), sắp xếp, bố trí cán bộ các phòng, ban hợp lý, thực hiện tốt chức năng tham mưu giúp việc; xây dựng quy chế làm việc từ huyện đến xã, cải tiến lề lối làm việc, đi sát cơ sở, sát phong trào. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền đủ sức quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật, thể chế hoá kịp thời các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Quán triệt đầy đủ và thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn.

- Coi trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Đổi mới phương thức và nội dung hoạt động của công tác dân vận, Mặt trận, các đoàn thể theo hướng đi sát cơ sở, sát yêu cầu cuộc sống. Phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt công tác vận động quần chúng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Với sự tập trung, nhất trí cao, Đại hội đã bầu 33 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVII, nhiệm kỳ 2000-2005, Ban Thường vụ có 11 đồng chí. Đồng chí Cao Văn Lệ

được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí Nguyễn Thanh Tâm và Tạ Mỹ Ba được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Tháng 4-2003, đồng chí Cao Văn Lệ chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Lê Quang Thích, Tỉnh uỷ viên, Giám đốc Sở Thuỷ sản được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ luân chuyển về giữ chức Bí thư Huyện uỷ.

Tháng 5-2003, đồng chí Tạ Mỹ Ba nghỉ hưu, đồng chí Phạm Xuân Hùng được bầu bổ sung giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Từ ngày 2-3 đến ngày 4-3-2001, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI được tổ chức tại Nhà Văn hoá Lao động tỉnh. Đại hội thảo luận và thông qua ý kiến góp ý vào dự thảo các Văn kiện trình Đại hội IX của Đảng, dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi); thảo luận, đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trên các lĩnh vực trong 5 năm 1996-2000, nêu rõ những kết quả và những yếu kém, khuyết điểm, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2000-2005; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI và Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Từ ngày 19-4 đến ngày 22-4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đề ra mục tiêu đến năm 2010 đưa nước ta khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Quán triệt sâu sắc một trong những nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm đầu thế kỷ XXI là

công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, ngay sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển nông nghiệp với những chủ trương sát đúng với điều kiện, hoàn cảnh của huyện. Huyện uỷ đề ra chương trình hành động thực hiện 5 nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp, nông thôn là Nghị quyết số 03-NQ/TU về việc kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi giai đoạn 2002-2005, Nghị quyết số 04-NQ/TU về phát triển kinh tế thuỷ sản giai đoạn 2002-2005, Nghị quyết số 05-NQ/TU về phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến giai đoạn 2002-2005”, Nghị quyết số 06-NQ/TU về phát triển giao thông nông thôn miền núi giai đoạn 2002-2005, Nghị quyết số 07-NQ/TU về chuyển đổi sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm.

Với sự nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, đến cuối năm 2005, sản xuất nông nghiệp và đời sống xã hội nông thôn trong huyện có nhiều khởi sắc. Cùng với các nguồn vốn của tỉnh, huyện đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa nhiều công trình thuỷ lợi quan trọng như thúc đẩy tiến độ xây dựng hồ chứa nước Núi Ngang, nâng cấp, sửa chữa các tuyến kênh mương dẫn nước thuộc các công trình thuỷ lợi Liệt Sơn, Sở Hầu, Thạch Nham. Chuyển hàng ngàn hecta lúa từ 3 vụ sang 2 vụ, năng suất lúa trong vùng chuyển đổi đạt cao hơn so với năng suất lúa đại trà. Các tiến bộ khoa học, kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất, v.v.. Các hợp tác xã nông nghiệp thực hiện việc chuyển đổi theo luật mới. Nhiều hợp tác xã đảm nhận được dịch vụ thuỷ lợi, điện phục vụ sinh hoạt, dịch vụ làm đất, cung ứng giống, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho hộ nông dân theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cơ bản hoàn thành, đạt 93,98%. Kinh tế trang trại được khuyến khích phát triển, với 84 trang trại.

Những kết quả đó góp phần tăng giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất canh tác từ 15,4 triệu đồng năm 2001 lên 20,12 triệu đồng năm 2005; sản lượng lương thực toàn huyện tăng cao so với những năm trước đây, đạt 53.486 tấn. Bình quân lương thực đầu người tăng từ 327 kg năm 2000 lên 348 kg năm 2005.

Vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến như mía, mì, keo lai, bạch đàn, điều ghép được hình thành và có mức tăng trưởng khá.

Ngành ngư nghiệp phát triển cả về khai thác, chế biến, nuôi trồng, kết cấu hạ tầng và cơ khí dịch vụ hậu cần nghề cá. Số lượng và công suất tàu thuyền đều tăng. Đến năm 2005, toàn huyện có 820 tàu thuyền, tổng công suất 51.800 CV. Sản lượng thủy hải sản tăng bình quân hàng năm 10,26%, đạt 37.000 tấn năm 2005, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra (chỉ tiêu 28.400 tấn). Những địa phương có sản lượng đánh bắt thủy hải sản lớn như xã Phổ Thạnh đạt 26.463 tấn, xã Phổ Quang đạt 5.071 tấn và các xã Phổ Vinh, Phổ Châu. Một số mô hình nuôi cá lồng, nuôi tôm trên cát ở các xã Phổ Khánh, Phổ Quang, Phổ An bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần tăng sản lượng thủy sản, tạo thêm việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Diện tích nuôi tôm tăng từ 45 ha năm 2001 lên 139 ha năm 2005, trong đó có 57 ha nuôi tôm trên cát. Sản lượng tôm tăng từ 248 tấn năm 2001 lên 470 tấn năm 2005.

Mặc dù gặp khó khăn do dịch bệnh lây lan trên diện rộng, nhưng chăn nuôi có mức tăng trưởng cao hơn so với

những năm trước. Đến năm 2005, đàn trâu có 1.234 con, đàn bò có 25.000 con, tăng bình quân 1%/năm, trong đó bò lai sind chiếm 51% trong tổng đàn bò; đàn heo có 57.400 con, tăng bình quân hàng năm 3,98%. Tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp tăng từ 27,25% năm 2001 lên 35,9% năm 2005. Các xã có phong trào chăn nuôi bò phát triển khá như Phổ Khánh, Phổ Phong, Phổ Thuận. Phong trào chăn nuôi lợn phát triển ở các xã Phổ Nhơn, Phổ Văn, Phổ Khánh...

Công tác trồng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng có bước tăng trưởng khá, nhất là trồng rừng nguyên liệu. Trong 5 năm 2001-2005, toàn huyện trồng mới được 1.240 ha, khoanh nuôi tái sinh 8.200 ha rừng.

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 5-5-2003 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2003-2005 và định hướng đến năm 2010, Huyện ủy tổ chức Hội nghị mở rộng thông qua chương trình hành động. Sau hai năm thực hiện, trên địa bàn huyện kết cấu hạ tầng một số cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được đầu tư xây dựng như cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Sa Huỳnh, Phổ Phong, kết cấu hạ tầng nghề cá Sa Huỳnh, các làng nghề truyền thống mây tre đan, chổi dót, làm muối và chế biến hải sản. Nhờ được đầu tư kết cấu hạ tầng, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu có bước phát triển. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện tăng từ 119,8 tỷ đồng năm 2001 lên 248 tỷ đồng năm 2005, tốc độ tăng bình quân hàng năm đạt 19,7%.

Tổng số vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong 5 năm 2001-2005 đạt 488 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 15,3 tỷ đồng. Một số dự án lớn được khởi công xây dựng trong thời kỳ này như kè biển Sa Huỳnh, Nhà máy muối Sa Huỳnh, nạo vét cửa Sa Huỳnh, đường Mỹ Trang - Huân Phong, Trà Câu - Phổ Phong, Phổ Ninh - Ba Khâm (Ba Tơ), các đường nhánh dự án ADB3, cầu Thạnh Đức. Tính đến năm 2005, 14/15 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm, 344 km đường liên huyện, liên xã được láng nhựa hoặc đổ bê tông xi măng¹.

Hệ thống điện toàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt, 100% số xã, thị trấn có điện, 98% số hộ dân có điện thấp sáng.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển nhanh. Tất cả các xã, thị trấn đều có điện thoại. Tỷ lệ điện thoại đạt 5,8 máy/100 dân.

Các hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng mở rộng, hàng hoá trên thị trường phong phú, đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân, trong đó thương mại dịch vụ phát triển, nhất là ở thị trấn Đức Phổ, Sa Huỳnh và Trà Câu. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng từ 340 tỷ đồng năm 2001 lên 580 tỷ đồng năm 2005, tăng bình quân hàng năm 14,53%.

Thu ngân sách trên địa bàn huyện tăng từ 6,921 tỷ đồng (năm 2001) lên 20,37 tỷ đồng năm 2005. Chi ngân sách tăng từ 10,96 tỷ đồng năm 2001 lên 49,5 tỷ đồng năm 2005.

1. Riêng xã Phổ Châu chưa có đường ô tô đến trung tâm xã, do chưa có cầu.

Tuy đạt được một số kết quả rất quan trọng, nhưng nhìn chung kinh tế của huyện thời kỳ 2001-2005 vẫn còn yếu kém, hạn chế. “Tăng trưởng khá nhưng thiếu bền vững, chất lượng chưa cao; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô còn nhỏ bé và phát triển chưa ổn định, chưa phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của huyện. Một số cơ chế, chính sách triển khai chậm và thiếu đồng bộ. Quản lý, điều hành còn lúng túng, chưa thu hút được các nhà đầu tư. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn chậm và chưa rõ, nhất là công tác quy hoạch, phân vùng, bố trí cây trồng, vật nuôi còn hạn chế; chưa ngăn chặn tư tưởng tự phát trong nông nghiệp, nên rủi ro còn rất lớn. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đạt thấp. Công tác quản lý đất đai, bảo vệ rừng, quản lý điều hành hợp tác xã còn nhiều bất cập; công tác giao đất, giao rừng tiến hành chậm; chưa triển khai thực hiện việc dồn điền, đổi thửa; công tác thông tin, tiếp cận thị trường và chuyển giao khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn chưa được quan tâm đúng mức. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật phục vụ kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, nhất là giao thông, thủy lợi, cung ứng vật tư, giống mới. Nguồn vốn đầu tư của tỉnh chậm và có hạn, việc huy động nguồn vốn trong dân gặp khó khăn, gây ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Năng lực sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã yếu, kém hiệu quả; quy mô của các doanh nghiệp tư nhân còn nhỏ, chưa đủ sức cạnh tranh với một số doanh nghiệp ngoài huyện; kinh tế cá thể còn nhỏ lẻ, manh mún”¹.

1. Huyện uỷ Đức Phổ: *Báo cáo chính trị của Huyện uỷ khoá XVII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII*, tr.5.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 khoá IX về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển văn hoá, xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực, mục tiêu của sự phát triển. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được triển khai sâu rộng. Tính đến năm 2005, toàn huyện có 70,21% tổng số hộ được công nhận gia đình văn hoá, 52,74% thôn, tổ dân phố, 90% cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh, truyền hình đến hầu hết các vùng trong huyện, đạt 85-90%.

Đề án phát triển giáo dục trên địa bàn huyện tiếp tục được triển khai và thực hiện có hiệu quả. Các nguồn lực được tập trung đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Từ năm 2000 đến năm 2004, ngành giáo dục được đầu tư 97 tỷ đồng, chủ yếu để tăng hoá, kiên cố hoá trường, lớp học. Đến năm 2005, toàn huyện có 57 cơ sở giáo dục, với 38.290 học sinh các cấp học, 100% số xã, thị trấn đều có điểm trường tăng hoá, 9 trường tiểu học và 2 trường trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, ngành giáo dục tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý. Toàn huyện có 466 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp, chiếm 32,1% so với tổng số giáo viên toàn huyện. Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị, toàn ngành giáo dục huyện kết nạp được 121 cán bộ, giáo viên vào Đảng, 100% trường tiểu học, trung học cơ sở có chi bộ đảng, 100% trường mẫu giáo có đảng viên,

nâng tỷ lệ đảng viên trong toàn ngành giáo dục đạt trên 30% trong tổng số giáo viên, công nhân viên ngành giáo dục. Huyện tiếp tục giữ vững kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Năm 2002, huyện Đức Phổ được công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trở thành huyện đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi đạt được thành tích này. Công tác xã hội hoá giáo dục được duy trì và củng cố. Các xã, thị trấn đều có hội khuyến học, quỹ khuyến học.

Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân được cấp ủy các cấp quan tâm chỉ đạo. Tỷ lệ bác sỹ trên 1 vạn dân tăng từ 2,6 bác sỹ năm 2001 lên 2,86 bác sỹ năm 2005. Số xã, thị trấn có bác sỹ tăng từ 66,6% năm 2001 lên 100% năm 2005. Các chương trình y tế quốc gia, phòng, chống các loại dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, cho trẻ em dưới 6 tuổi đều hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh, từ 31% năm 2000 xuống còn 21% năm 2005. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,48% năm 2000 xuống còn 1,15% năm 2005.

Công tác xoá đói, giảm nghèo tiếp tục được đẩy mạnh. Trong 5 năm 2001-2005, toàn huyện xây dựng 145 dự án, với tổng số vốn hỗ trợ giải quyết việc làm là 7,48 tỷ đồng cho 2.129 hộ, 2.527 lao động vay. Cùng với các nguồn vốn khác góp phần giải quyết việc làm cho 11.670 lao động. Đến năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 12,6% năm 2000 xuống còn 7,3% năm 2005. Các chính sách xã hội được thực hiện đạt kết quả như hỗ trợ về nhà ở, khám, chữa bệnh cho người nghèo, cứu tế thường xuyên cho người già neo đơn, tàn tật, trẻ em mồ côi, các đối tượng chính sách. Huyện lập dự án dạy may

công nghiệp và giới thiệu việc làm cho 219 em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tổ chức đưa đi phẫu thuật miễn phí cho 137 em tàn tật.

Trong 5 năm 2001-2005, huyện xác nhận, đề nghị các cấp có thẩm quyền công nhận 1.140 thương binh, 252 liệt sỹ, truy tặng 15 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, nâng tổng số liệt sỹ trong toàn huyện lên 6.584 người, thương binh 3.002 người và 431 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Công tác tìm kiếm, quy tập mộ liệt sỹ, nâng cấp, xây dựng mới nghĩa trang liệt sỹ, xây mới và hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho người có công cách mạng được các ngành, các cấp, các địa phương quan tâm thực hiện. Năm 2003, các ngành chức năng của huyện hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị và được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho xã Phổ Nhơn. Như vậy, đến thời điểm này toàn huyện có 13/15 xã, thị trấn được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Tuy nhiên, chất lượng hoạt động văn hoá, thông tin, truyền thanh chưa cao. Đầu tư cho hoạt động văn hóa còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cơ quan văn hoá, tuyên truyền thiếu đồng bộ, công tác tuyên truyền còn nhiều bất cập, nhất là cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Chất lượng khu dân cư văn hoá, thôn văn hoá còn thấp. Đầu tư cho hoạt động văn hoá còn hạn chế. Chất lượng giáo dục ở các trường, ở từng địa phương chưa đồng đều. Số học sinh bỏ học còn nhiều. Tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định chưa được ngăn chặn triệt để. Công tác xã hội hoá giáo dục chưa được phát huy đúng mức. Công tác tuyên truyền phòng, chống các loại dịch bệnh còn nhiều hạn chế. Y đức của một bộ phận y, bác sỹ, nhân viên y tế chưa được

nâng cao. Tỷ lệ các cặp vợ chồng sinh con thứ ba có chiều hướng gia tăng.

II. TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH, VỮNG VÀNG BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI

Bước sang năm đầu tiên của thế kỷ XXI, cục diện tình hình thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc vừa tạo ra những thuận lợi, đồng thời cũng gây ra những khó khăn, thách thức nghiêm trọng đối với nước ta.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Đảng về công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện uỷ xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX, trong đó xác định nội dung cốt lõi của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, tích cực xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Trong 5 năm 2001-2005, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cơ quan Quân sự huyện, Công an huyện thường xuyên làm tốt công tác tham mưu, chỉ đạo, đề xuất với cấp uỷ, chính quyền các chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo vận hành

cơ chế theo Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị cho tất cả các xã, thị trấn. Lực lượng vũ trang huyện thường xuyên duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phối hợp xử lý kịp thời các tình huống xấu xảy ra.

Công tác huấn luyện, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao. Lực lượng dân quân, tự vệ đạt 1,8% so với dân số. Hàng năm tổ chức tốt việc quản lý, huấn luyện, diễn tập quân dự bị động viên, báo động kiểm tra sẵn sàng động viên có quân số tham gia cao từ 80 đến 94,7%. Các tuyến phòng thủ được bảo đảm an toàn, chủ động phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng để xây dựng địa bàn trong sạch, vững mạnh.

Trong công tác an ninh, Ban Thường vụ Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn duy trì phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện sự chỉ đạo của lãnh đạo công an hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, ngày 30-5-2003 Công an hai huyện Đức Phổ và Hoài Nhơn tổ chức ký kết quy chế phối hợp bảo đảm an ninh trật tự địa bàn giáp ranh. Tuy nhiên, sự kết hợp kinh tế với quốc phòng chưa được quan tâm đúng mức. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Một số loại tội phạm mới, tội phạm nguy hiểm có chiều hướng gia tăng... Sự phối hợp của các cơ quan nội chính chưa kịp thời, công tác phòng ngừa chưa được tiến hành thường xuyên.

Sau khi đồng chí Cao Văn Lệ được điều về công tác ở tỉnh, đồng chí Nguyễn Thanh Tâm được bầu bổ sung giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Năm 2003, đồng chí

Phạm Xuân Hùng được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1999-2004 thay đồng chí Tạ Mỹ Ba nghỉ hưu.

Ngày 25-4-2004, đồng đảo cử tri trên địa bàn huyện tích cực tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Kết quả có 36 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân huyện khoá IX, nhiệm kỳ 2004-2009¹.

Đồng chí Hoàng Quốc Vệ được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Ngày 24-4-2009, đồng chí Nguyễn Đình được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện thay đồng chí Hoàng Quốc Vệ nghỉ hưu.

Đồng chí Phạm Xuân Hùng được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2004-2009. Ngày 19-5-2008, đồng chí Lê Văn Mùi được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thay đồng chí Phạm Xuân Hùng nghỉ hưu.

Sau bầu cử, bộ máy chính quyền từ huyện đến xã, thị trấn được củng cố và kiện toàn. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp từng bước được nâng lên. Nhiều vấn đề quan trọng, bức xúc được các kỳ họp Hội đồng nhân dân thảo luận, bàn bạc dân chủ, công khai và đưa ra chủ trương, biện pháp thực hiện. Hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện có nhiều đổi mới. Các chủ trương của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân huyện được cụ thể hoá bằng các chương trình công tác, các đề án, dự án cụ thể. Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được chú trọng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX về

1. Sau đó, Quốc hội khoá XII quyết định kéo dài nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp đến năm 2011.

đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn; Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ xã, thị trấn đến năm 2005 và giai đoạn 2006-2010.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn, nhất là chăm lo bảo vệ quyền lợi của hội viên, đoàn viên, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Bằng các hình thức tuyên truyền, vận động khác nhau, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” tiếp tục được triển khai sâu rộng, có hiệu quả được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Đến năm 2005, toàn huyện có 180/341 khu dân cư xoá hết nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo. Từ nguồn “Quý vì người nghèo”, huyện xây mới 64 nhà đại đoàn kết với tổng giá trị 512 triệu đồng.

Năm 2002, thực hiện chủ trương của Trung ương, Liên đoàn Lao động huyện được thành lập lại. Tháng 3-2003, Liên đoàn Lao động huyện tổ chức Đại hội. Đến thời điểm tổ chức Đại hội, toàn huyện có 61 công đoàn cơ sở, với 1.475 đoàn viên.

Hội Nông dân tiếp tục thực hiện các chương trình công tác lớn của hội, trọng tâm là đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau xoá đói giảm nghèo.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện triển khai thực hiện có kết quả 5 chương trình công tác do Trung ương Hội phát động, tổ chức sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16-5-1994 của Ban Bí thư về công tác cán bộ nữ, vận động chị em giáo dục, nuôi dạy con ngoan, xây dựng gia đình hoà thuận,

ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, làm vệ sinh môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội. Đến năm 2005, các cấp hội đã khai thác các nguồn vốn 13,7 tỷ đồng cho 4.150 chị em vay, trong đó có 1.050 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ.

Huyện đoàn tiếp tục được củng cố, kiện toàn về tổ chức, bộ máy, phát triển đoàn viên. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống cho thanh niên, các phong trào Thanh niên lập nghiệp, Tuổi trẻ giữ nước, Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, Thanh niên tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông... được triển khai sâu rộng.

Hội Cựu chiến binh phát huy bản chất, truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ, đã xây dựng được một số dự án phát triển sản xuất, chăn nuôi, tạo việc làm cho nhiều hộ gia đình cựu chiến binh thoát khỏi nghèo, đói. Năm 2004, Hội Cựu chiến binh huyện tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước lần thứ III (2000-2004). Đến năm 2004, toàn huyện có 2.290 hội viên cựu chiến binh.

Hoạt động của Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học, Hội Người cao tuổi, Hội Đông y và các tổ chức xã hội khác đã thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân vào các phong trào lao động, sản xuất làm giàu cho quê hương và cho từng thành viên của hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân vẫn chưa đáp ứng yêu cầu công tác vận động quần chúng trong tình hình mới. Nội dung hoạt động chưa cụ thể, thiếu tính thuyết phục các tầng lớp nhân dân, nhất là ở cơ sở. Nội dung và phương thức tập hợp, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chậm được đổi

mới. Cán bộ dân vận, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân chưa thật sự sát cơ sở để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tham gia, phối hợp với cấp uỷ, chính quyền giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân.

Trong 5 năm 2001-2005, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm, trở thành nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của các cấp uỷ đảng từ huyện đến cơ sở.

Công tác chính trị, tư tưởng được tăng cường và đổi mới mạnh mẽ, chất lượng và hiệu quả từng bước được nâng lên. Huyện uỷ tiếp tục triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, trong đó tập trung chỉ đạo đổi mới việc tổ chức nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Đảng, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết, chặn đà suy thoái về nhận thức tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới (năm 2002), Huyện uỷ tổ chức Hội nghị mở rộng để thảo luận và đề ra chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ cụ thể hoá các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc thực hiện quy định học tập, quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp dạy học của Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đến năm 2005, cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ giai đoạn 1930-1975* đã được hoàn thành việc chỉnh sửa và tái bản.

Công tác tổ chức, cán bộ tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, nhất là những địa phương, đơn vị yếu kém, từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm đúng quy định, đúng chất lượng. Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức xét đổi thẻ Đảng cho 2.613 đảng viên, chiếm 92,69% đảng viên trong Đảng bộ huyện; tặng Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng cho 94 đồng chí; trao tặng Huân chương Độc lập các hạng cho 91 đồng chí. Các cấp uỷ đảng thực hiện đồng bộ các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ, tạo chuyển biến tích cực trong xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn huyện.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tiến hành đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương. Việc thẩm tra, xác minh và kết luận về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên, phục vụ cho công tác nhân sự bầu cử Hội đồng nhân dân, Đại hội Đảng các cấp, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

Trong 5 năm 2001-2005, Đảng bộ huyện kết nạp được 508 đảng viên, vượt 27% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra. Qua đánh giá chất lượng hàng năm, phần lớn tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh, không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

Công tác kiểm tra được tiến hành thường xuyên, góp phần giữ gìn kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, nâng cao năng

lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên. Trong 5 năm 2001-2005, toàn Đảng bộ thi hành kỷ luật 53 đảng viên, giảm 50% so với nhiệm kỳ trước.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức đảng được quan tâm thực hiện. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII thành các nghị quyết chuyên đề, các chương trình hành động cụ thể, xây dựng Quy chế làm việc cả nhiệm kỳ của Huyện uỷ. Việc thể chế hoá các chủ trương của Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ thành các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện ngày càng sát hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành, mối quan hệ làm việc giữa cấp uỷ, chính quyền các cấp ngày càng đi vào nền nếp. Việc sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát thực chất hơn, có tác dụng hơn.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác tổ chức, cán bộ chuyển biến chậm, chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Công tác kiểm tra chưa được tiến hành đồng bộ và kịp thời. Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa được tập trung đúng mức.

*

* *

Năm năm đầu thế kỷ XXI, Đảng bộ và nhân dân huyện

Đức Phổ đã có nhiều nỗ lực phấn đấu, thực hiện được những mục tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra. Điểm nổi bật và rõ nét nhất là kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế của huyện có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, tạo động lực mới cho sự phát triển. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình mới. Tuy nhiên, sự phát triển trên một số lĩnh vực còn thiếu bền vững, chất lượng chưa cao. Các nguồn lực đầu tư cho sự phát triển chưa được khơi dậy và phát huy đúng mức. Giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo chưa bền vững. Trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Năng lực lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp còn nhiều hạn chế.

Mặc dù còn có những hạn chế, yếu kém, nhưng kết quả đạt được trong 5 năm 2001-2005 là rất quan trọng, có tác dụng củng cố niềm tin và cổ vũ, động viên Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiếp tục thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.



Nhà máy Đường Phở Phong



Hồ chứa nước Liệt Sơn



Phù điêu sự kiện biểu tình tiến chiếm Huyện đường Đức Phổ (ngày 8-10-1930)



Bệnh xá Đặng Thủy Trâm (xã Phổ Cường)



Cảng neo đậu tàu thuyền cửa Mỹ Á (xã Phổ Quang)



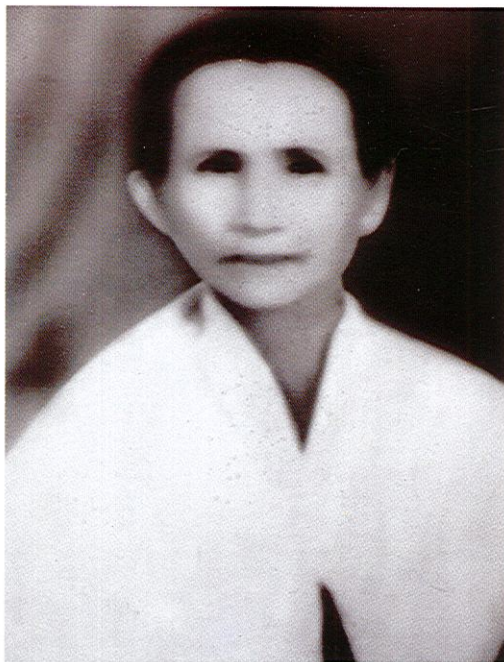
Ra quân đánh bắt hải sản đầu năm của ngư dân xã Phổ Thạnh



Khu lưu niệm liệt sĩ huyện ĐứC Phổ



Toàn cảnh cửa biển Sa Huỳnh (xã Phổ Thạnh)



Mẹ Việt Nam Anh hùng **Đông Thị Minh** có 6 con, bản thân
và chồng là liệt sĩ (xã **Phổ Quang**)



Nhà lưu niệm **Đông chí Nguyễn Nghiêm** (xã **Phổ Phong**)

Chương VIII

ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN (2006-2010)

I. TẬP TRUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII, vượt lên mọi khó khăn, thách thức do thiên tai và những biến động kinh tế trong tỉnh và trong nước, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã nỗ lực phấn đấu, giành được những thắng lợi quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần tạo thế và lực mới để huyện thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 2005-2010.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, từ ngày 3-10 đến ngày 5-10-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2005-2010, được tổ chức trọng thể tại Nhà Văn hoá huyện. Tham dự Đại hội có 205 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 2.900 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lý Văn Hạnh, Thường vụ Tỉnh ủy và đại diện lãnh đạo các ban Đảng của Tỉnh ủy đã về dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần “dân chủ, trí tuệ, đoàn kết, đổi mới”, Đại hội nghiêm túc đánh giá những kết quả và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2001-2005. Trên cơ sở phân tích sâu sắc ưu, khuyết điểm, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm 2005-2010 là: “Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cao nhất trong toàn Đảng bộ, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của huyện, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài huyện để đầu tư phát triển. Tăng trưởng giá trị sản xuất với tốc độ nhanh và bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tạo bước chuyển biến mới về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; giải quyết việc làm cho người lao động, giảm nhanh hộ nghèo, phát huy nguồn lực con người, kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật nhằm tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội ngày càng cao. Phấn đấu đến năm 2010 đạt các tiêu chí cơ bản để thị trấn Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhanh chóng xây dựng Đức Phổ trở thành huyện có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội khá trong

tinh, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân"¹.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu chủ yếu trong 5 năm 2005-2010 là: Mức tăng giá trị sản xuất bình quân 13-13,5%/năm; thu nhập bình quân đầu người 8-9 triệu đồng/năm, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân 5-6%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 17-18%/năm, dịch vụ, thương mại tăng bình quân 18-19%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 35,1%; công nghiệp - xây dựng chiếm 34,5%; dịch vụ, thương mại chiếm 30,4%. Sản lượng lương thực đạt 54.000 tấn. Sản lượng mía cây đạt 108.000 tấn. Độ che phủ của rừng đạt khoảng 30%. Sản lượng thuỷ sản đạt khoảng 45.000 tấn. Sản lượng muối ráo đạt khoảng 8.000 tấn. Vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 1.300 tỷ đồng. Tổng đàn bò khoảng 33.000 con, trong đó tỷ lệ bò lai sind chiếm 65%. Đàn heo khoảng 69.500 con. Thu, chi ngân sách hàng năm tăng từ 15-20%. Giải quyết và tạo thêm việc làm mới mỗi năm từ 3.000-3.500 lao động. Giảm tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%. Duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục trung học phổ thông; có 2 trường mầm non, 19 trường tiểu học, 9 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. 60% trẻ em từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo; 99% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1; 98% học sinh vào lớp 6; 95% học sinh vào lớp 10. Xây dựng 95-100% cơ quan, trường học văn hoá; 85-90% số hộ và từ 75-80% số thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá. 98% hộ được nghe đài và xem truyền hình. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự

1. Huyện uỷ Đức Phổ: *Báo cáo chính trị của Huyện uỷ khoá XVII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVIII*, tr.19.

nhiên còn dưới 1%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 17%. Từ 40-50% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 4 bác sỹ/1 vạn dân; 12,4 giường bệnh/1 vạn dân. Bình quân 13-15 máy điện thoại/100 dân. Bảo đảm đạt 100% chỉ tiêu giao quân. Xây dựng 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó 50% vững mạnh toàn diện; 100% lực lượng dự bị động viên được quản lý và tổ chức huấn luyện; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 1,8-2% dân số. Có 70% tổ chức cơ sở đảng trở lên đạt trong sạch, vững mạnh, không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 75% trở lên. Bình quân hàng năm kết nạp được 110 đảng viên.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ chủ yếu, trong đó các chương trình kinh tế trọng điểm được xác định là phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch; quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để hình thành đô thị và các vùng kinh tế động lực; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XVIII, nhiệm kỳ 2005-2010, gồm 39 đồng chí, bầu Ban Thường vụ gồm 10 đồng chí. Đồng chí Hoàng Quốc Vệ được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Nguyễn Đình và đồng chí Phạm Xuân Hùng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Ngày 15-1-2007, đồng chí Huỳnh Quý được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Huyện uỷ và ngày 12-3-2009 được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Ngày 6-3-2008, đồng chí Nguyễn

Đinh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định giữ chức Quyền Bí thư Huyện ủy và ngày 12-3-2009 được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Hoàng Quốc Vệ nghỉ hưu.

Ngày 17-9-2008, đồng chí Lê Văn Mùi được bầu bổ sung giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Sau khi tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, từ ngày 14-12 đến ngày 16-12-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII được tổ chức trọng thể tại Hội trường Công an tỉnh. Đại hội đánh giá tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2005-2010; bầu Đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi dự Đại hội X của Đảng.

Từ ngày 18-4 đến ngày 25-4-2006, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010, Báo cáo về công tác xây dựng Đảng, Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi). Đại hội xác định mục tiêu trong 5 năm 2006-2010 là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thắng lợi của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và Đại hội Đảng bộ các cấp, đặc biệt là Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XVIII là nguồn cổ vũ sức mạnh to lớn đoàn kết mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương Đức Phổ ngày càng giàu mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề ra các chủ trương đúng đắn, tích cực triển khai tổ chức thực hiện, góp phần đưa kinh tế - xã hội của huyện có những bước phát triển mới, đời sống nhân dân ngày càng ổn định và cải thiện hơn trước.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, cụ thể hóa việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XVI, nhất là nghị quyết về kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, phát triển vùng nguyên liệu, nuôi trồng thủy sản phục vụ công nghiệp chế biến, v.v.. Nhờ đó, so với nhiều năm trước, sản xuất nông nghiệp của huyện tiếp tục phát triển ổn định, tương đối toàn diện cả về trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản. Nhiều địa phương có sự chuyển mạnh từ độc canh sang đa canh, từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá. Các ngành và địa phương trong huyện tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp hướng dẫn, chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, hỗ trợ các giống mới có năng suất cao, chống chịu được dịch bệnh, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, tuy diện tích trồng cây lương thực giảm, nhưng nhờ thâm canh, tăng năng suất nên sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 52.000 tấn. Năm 2007 là năm có sản lượng lương thực đạt mức kỷ lục 55.174 tấn. Giá trị sau thu hoạch trên 1 hécta đất canh tác từ 30 triệu đồng năm 2005 tăng lên 40 triệu đồng năm 2010. Một số vùng

trồng cây nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến được hình thành và phát triển như mía, mì, keo lai, bạch đàn. Trên địa bàn huyện, ngoài diện tích rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, thời kỳ này diện tích rừng kinh tế phát triển mạnh. Hầu hết đất trống, đồi trọc đều được giao cho hộ nhân dân trồng rừng. Một số công trình thủy lợi làm mới bằng bê tông như hệ thống kênh mương Liệt Sơn, hồ chứa nước Diên Trường, hồ Núi Ngang phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Thủy, hải sản phát triển cả về khai thác, nuôi trồng và chế biến. Dự án Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á được khởi công xây dựng. Dự án nạo vét, thông luồng cửa biển và cảng cá Sa Huỳnh tiếp tục được đầu tư. Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển, đảo, các ngành chức năng của huyện tích cực hướng dẫn các hộ ngư dân vay vốn đầu tư đóng mới, nâng công suất tàu thuyền đánh bắt hải sản. Trong 5 năm 2005-2010, số lượng tàu thuyền toàn huyện tăng 480 chiếc, nâng tổng số tàu thuyền toàn huyện đến cuối năm 2010 lên 1.300 tàu, tổng công suất 134.800 CV. Sản lượng khai thác bình quân hàng năm tăng 6%, đạt 55.400 tấn năm 2010. Một số mô hình nuôi cá lồng, nuôi tôm trên cát đạt hiệu quả kinh tế cao. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 338 ha năm 2006 lên 517 ha năm 2010; sản lượng đạt 2.800 tấn, trong đó, tôm nuôi đạt 2.145 tấn. Hoạt động chế biến thủy sản như nước mắm, phơi sấy khô hải sản tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ngày càng phát triển, góp phần tăng giá trị sản phẩm thủy sản và thu nhập của nhân dân.

Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được triển khai thực hiện có hiệu quả. Đàn gia súc, gia cầm vẫn duy trì và phát triển ổn định. Đàn bò, đàn heo đều tăng so với năm 2005. Tỷ lệ bò lai sind chiếm 62% tổng đàn bò.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng, hạn chế đáng kể tình trạng chặt phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp. Công tác phòng, chống cháy rừng được chú trọng. Trong 5 năm, toàn huyện trồng mới được 2.796 ha rừng, nâng độ che phủ lên 32,3%, vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Do tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nên mặc dù tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện giảm từ 52,9% năm 2005 còn 25,1% năm 2010, nhưng giá trị sản xuất nông nghiệp vẫn tăng 2,1% so với năm 2005. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển. Huyện đầu tư phát triển một số khu, cụm công nghiệp, bước đầu đưa một số cơ sở chế biến nông, lâm, hải sản vào sản xuất. Cơ giới hoá nông nghiệp có bước phát triển đáng kể. Nhiều hộ nông dân đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2007, cơ giới hoá được đưa vào sử dụng trên 45% diện tích đất nông nghiệp, trong đó khâu làm đất đạt 98%. Các dịch vụ phục vụ nông nghiệp phát triển đều khắp. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tăng lên, nhất là hệ thống đường giao thông, thuỷ lợi, điện, chợ, trường học, cơ sở chữa bệnh. Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp tiếp tục được đổi mới, nhất là kinh tế hộ, kinh tế trang trại. Năm 2007, toàn huyện có 80 trang trại, trong đó có 40% trang trại thu nhập khá. Diện mạo đời sống nông thôn ngày càng có bước chuyển biến, tốc độ đô thị hoá tăng nhanh, nhất là thị trấn Đức Phổ, Sa Huỳnh, Trà Câu.

Cùng với lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ xác định phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là lĩnh vực quan trọng, quyết định trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có vai trò tác động hỗ trợ cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân. Huyện tập trung các nguồn lực đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo sự phát triển đột biến về giá trị sản xuất. Trong 5 năm 2005-2010, công nghiệp tăng bình quân 33,5%, gấp khoảng 2 lần so với chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2009 đạt 774 tỷ đồng (giá cố định 1994). Kết cấu hạ tầng 3 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Sa Huỳnh, Phổ Phong và Đồng Làng được đầu tư xây dựng. Khu công nghiệp Phổ Phong được công bố quy hoạch chi tiết và triển khai đầu tư xây dựng. Các thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển, mở rộng quy mô các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và phát triển nghề thủ công.

Công tác quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành, phát triển đô thị và các vùng kinh tế động lực được tập trung thực hiện đạt một số kết quả quan trọng. Huyện chủ động phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh đẩy nhanh công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình, dự án giao thông trọng điểm nhằm đưa thị trấn Đức Phổ đạt các tiêu chí đô thị loại IV như đường trung tâm nội thị thị trấn Đức Phổ, Quốc lộ 1A - Mỹ Á, Quốc lộ 1A - Đài truyền thanh, đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thị trấn Đức Phổ, Quốc lộ 1A - Phổ Vinh... Đến năm 2010, toàn huyện bê tông hoá được 119,4 km đường giao thông nông thôn, kiên cố hoá

50,6 km kênh mương và một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Một số dự án lớn trên địa bàn huyện được cấp giấy phép đầu tư như Khu du lịch Sa Huỳnh, Khu công nghiệp và khu dịch vụ hậu cần tiện ích cho Khu công nghiệp Phổ Phong, Khu du lịch - phim trường Vina Universal¹. Ba vùng kinh tế động lực theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII được định hình và dần hình thành khá rõ nét. Vùng kinh tế động lực đô thị trung tâm có các dự án trọng điểm như các trục đường giao thông chính, Cảng neo trú tàu thuyền và Cửa biển Mỹ Á. Vùng kinh tế động lực Sa Huỳnh được quy hoạch gồm Khu du lịch kinh tế, văn hoá Sa Huỳnh; Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Sa Huỳnh; Khu du lịch - phim trường Vina Universal. Khu du lịch Sa Huỳnh đang được xây mới và đưa vào sử dụng một số hạng mục có hiệu quả; xúc tiến quy hoạch thị trấn Sa Huỳnh. Vùng kinh tế động lực Phổ Phong gồm Khu công nghiệp Phổ Phong; Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phổ Phong được quy hoạch và đầu tư hạ tầng, bước đầu thu hút được một số dự án đăng ký đầu tư gắn với quy hoạch thị trấn Phổ Phong.

Các nguồn lực của các thành phần kinh tế được huyện khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, với tổng vốn trong giai đoạn 2006-2010 đạt 1.479,8 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu Nghị quyết là 158,5 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư của nhân dân và doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 886,8 tỷ đồng, vốn ngân sách đạt 571,7 tỷ đồng và vốn ODA đạt 21,3 tỷ đồng.

1. Đến năm 2011, dự án Khu du lịch - phim trường Vina Universal do Tập đoàn Tân Tạo (Thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ đầu tư xin rút giấy phép đăng ký đầu tư, do khó khăn về vốn.

Sau nhiều năm đầu tư xây dựng, hệ thống điện đã phủ khắp địa bàn huyện¹, với 99,8% số hộ trên địa bàn huyện được sử dụng điện. Hạ tầng kỹ thuật bưu chính viễn thông được nâng cấp và mở rộng nhanh, chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.

Các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, tiếp tục phát triển. Toàn huyện có 42 hợp tác xã. Một số hợp tác xã nông nghiệp sau khi chuyển đổi hoạt động theo Luật hợp tác xã thực hiện khá tốt các dịch vụ thủy lợi, điện, làm đất, cung ứng vật tư, giống cây trồng. Kinh tế tư nhân phát triển khá nhanh. Đến năm 2010, toàn huyện có 120 doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh dịch vụ và gần 2.500 hộ sản xuất, kinh doanh cá thể. Nhiều cơ sở đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới thiết bị, công nghệ, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Quản trị và tổ chức thực hiện các chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, Ban Thường vụ Huyện ủy đã cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, các đề án phát triển lĩnh vực quan trọng này. Chuyển biến tích cực nhất của hoạt động thương mại, dịch vụ là giá trị bình quân hàng năm tăng 31,2%, chiếm 33,3% trong cơ cấu các ngành kinh tế của huyện. Trên địa bàn huyện hình thành được 21 chợ và 22 điểm kinh doanh xăng dầu. Ở các điểm đông dân cư như Sa Huỳnh, thị trấn Đức Phổ, các cơ sở kinh doanh dịch vụ như khách sạn, nhà hàng ăn uống của các thành phần kinh tế phát triển khá. Tuyến du lịch “Theo dòng nhật ký Đặng Thùy Trâm” thu hút

1. Thôn Đồng Vân (xã Phổ Thạnh) là thôn cuối cùng được phủ điện lưới quốc gia.

hàng nghìn lượt khách trong nước và nước ngoài tham quan. Khu du lịch Sa Huỳnh, các điểm dịch vụ du lịch ven biển như Hội An (Phổ An), Nam Phước (Phổ Vinh), Châu Me (Phổ Châu) được hình thành, bước đầu hoạt động có hiệu quả.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các ngành chức năng hoàn thành việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006-2010. Công tác đo đạc, vẽ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt kết quả khá. Một số vụ việc khiếu kiện về đất đai tồn đọng kéo dài từ những năm trước đây được giải quyết dứt điểm. Công tác quản lý môi trường được quan tâm hơn. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong nhân dân được chú trọng.

Nhờ kinh tế tăng đáng kể nên nguồn thu của huyện bình quân hàng năm tăng 16,5%. Năm 2010, thu ngân sách đạt hơn 38 tỷ đồng. Chi ngân sách được thực hiện theo đúng dự toán được giao, bình quân hàng năm tăng 16%. Năm 2010, tổng chi ngân sách huyện là hơn 127 tỷ đồng.

Tuy kinh tế có bước phát triển quan trọng, giá trị sản xuất trong 5 năm 2005-2010 tăng bình quân 20,5%/năm, nhưng so với lợi thế, tiềm năng của huyện thì sự tăng trưởng vẫn còn nhiều mặt hạn chế, thiếu tính bền vững và chất lượng chưa cao. Kinh tế nông nghiệp chưa có sự chuyển dịch rõ nét, nhất là chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Công tác quy hoạch, phân vùng, bố trí cây trồng, vật nuôi còn lúng túng, còn mang tính tự phát. Nhiều mô hình mới trong sản xuất chưa được nhân rộng. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng, nhất là cây mía giảm mạnh, không đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu nông

nghiệp tăng chậm. Sản lượng muối ráo bình quân hàng năm mới đạt 6.750 tấn, chỉ bằng 79,4% chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhìn chung có phát triển nhưng quy mô còn nhỏ bé và chưa ổn định, chưa tạo được bước đột phá. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng còn nhiều hạn chế. Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy có tiến bộ, nhưng nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của địa phương. Hoạt động dịch vụ, tuy phát triển tương đối khá song quy mô nhỏ bé, chủ yếu là các hộ kinh doanh cá thể. Tiềm năng du lịch lớn nhưng vẫn chưa được khai thác tốt và đang ở giai đoạn thực hiện quy hoạch. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường còn buông lỏng. Việc giao đất, giao rừng tiến hành chậm. Ý thức bảo vệ môi trường của nhân dân còn thấp. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở các chợ, khu dân cư còn diễn ra khá phổ biến.

Cùng với tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ huyện Đức Phổ quan tâm chỉ đạo phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” có bước chuyển biến về chất lượng. Tuy chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng đến cuối năm 2009, toàn huyện có 80% hộ gia đình, 60,43% thôn, tổ dân phố và 83,33% cơ quan, trường học đạt danh hiệu văn hoá. Các thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm xây dựng. Toàn huyện có 31 nhà sinh hoạt văn hoá thôn, tổ dân phố, 13 xã có bưu điện văn hoá xã, 100% thôn, tổ dân phố xây dựng hương ước nông thôn và thực hiện có hiệu quả.

Hệ thống đài truyền thanh, phát lại truyền hình được đầu tư nâng cấp. Trạm phát lại truyền hình xã Phổ Thạnh

được tỉnh đầu tư 1,5 tỷ đồng nâng cấp thành Trạm chuyển tiếp truyền hình phía nam tỉnh. Toàn huyện có trên 96% hộ dân có phương tiện nghe, nhìn.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo ngày càng phát triển. Ngành giáo dục huyện tích cực tổ chức thực hiện cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các nội dung: nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục; nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và việc ngồi nhầm lớp. Các chương trình, nhiệm vụ về giáo dục, đào tạo được triển khai thực hiện kịp thời. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt công tác dạy và học. Đến năm 2009, toàn huyện có 24 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó mầm non có 4 trường, tiểu học có 13 trường, trung học cơ sở có 7 trường. Tỷ lệ trẻ em đến trường hàng năm ở các cấp học đạt và vượt chỉ tiêu. Huyện tiếp tục duy trì kết quả, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục từng bước được nâng lên, với 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn. Tỷ lệ đảng viên trong ngành giáo dục đạt 37,03%, tăng 7,2% so với năm 2005. Hầu hết trường học có chi bộ đảng.

Được sự giúp đỡ của tỉnh, năm 2009, Trường Trung cấp nghề Đức Phổ được thành lập, góp phần tích cực vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

Công tác y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình được chú trọng và đạt nhiều kết quả. Trình độ chuyên môn, tinh thần phục vụ và ý thức trách nhiệm của đội ngũ y, bác sĩ có bước

chuyển biến tích cực hơn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh được đầu tư tương đối đồng bộ. Bệnh viện Đa khoa Đức Phổ được đổi tên thành Bệnh viện Đa khoa Đặng Thuỳ Trâm. Ngày 22-3-2010, Bệnh viện đa khoa Đặng Thuỳ Trâm nâng cấp lên quy mô 250 giường bệnh được khởi công xây dựng, trở thành bệnh viện đa khoa khu vực phía nam của tỉnh. Toàn huyện có 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ, 5 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Cuối năm 2009, bình quân có 3,2 bác sĩ và 10,1 giường bệnh/vạn dân.

Ngày 7-1-2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình. Sau 4 năm thực hiện, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện giảm từ 1,15% năm 2005 xuống còn 1,02% vào cuối năm 2009. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm mạnh, từ 26% năm 2005, giảm xuống còn 16,5% vào cuối năm 2009.

Các chương trình xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động tiếp tục được quan tâm và đạt kết quả khá. Chính sách đối với người có công và chính sách xã hội được thực hiện tốt hơn. Các chương trình, dự án cho vay vốn, giải quyết việc làm từ nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội và các tổ chức tín dụng khác được triển khai thực hiện có hiệu quả. Giải ngân vốn trên 12 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 1.408 hộ, tạo việc làm mới cho 1.642 lao động. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 23,46% năm 2006 xuống còn 14% năm 2010 theo chuẩn hộ nghèo giai đoạn 2006-2010. Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn dân có sự chuyển biến tích cực, với số người tham gia tăng từ 19.013 người năm 2006 lên 34.268 người năm 2010.

Việc thực hiện các chính sách xã hội có chuyển biến tích cực. Bằng nhiều nguồn kinh phí, trong 5 năm 2005-2010,

toàn huyện xây dựng mới và sửa chữa được 722 nhà ở cho hộ chính sách và hộ nghèo với số tiền gần 6,7 tỷ đồng. Các ngành chức năng huyện lập thủ tục đề nghị và được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho liệt sĩ - bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm, Đại đội 219, Đại đội 120 và đơn vị nữ Hồng Gấm. Đến năm 2010, toàn huyện có 24.736 người được hưởng chế độ người có công với cách mạng.

Tuy đạt được một số kết quả quan trọng nhưng lĩnh vực văn hoá, xã hội trên địa bàn huyện thời kỳ này vẫn còn nhiều hạn chế. Các thiết chế văn hoá từ huyện đến cơ sở còn nghèo nàn, hoạt động chưa đạt hiệu quả; trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tỷ lệ học sinh bỏ học ở một số địa phương vẫn còn ở mức cao. Chất lượng phổ cập giáo dục thiếu vững chắc; các điều kiện nhằm bảo đảm tăng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục; chất lượng khám, chữa bệnh và trách nhiệm phục vụ bệnh nhân có cải thiện nhưng chuyển biến chậm, các cặp vợ chồng sinh con thứ ba có chiều hướng gia tăng; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng còn thiếu bền vững.

II. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC GIỮ GÌN AN NINH CHÍNH TRỊ, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI, XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc

trong tình hình mới và các chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển rộng khắp và ngày càng có chiều sâu. Công an huyện chủ động tham mưu cho Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Hầu hết các vụ phạm pháp hình sự đều được điều tra, làm rõ. An ninh ở các địa bàn trọng điểm, vùng giáp ranh, ven biển, vùng núi được bảo đảm. Công tác bảo đảm an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ được quan tâm chỉ đạo và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả hơn.

Sự phối hợp giữa các lực lượng vũ trang và Mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong công tác quốc phòng, an ninh ngày càng gắn bó và có hiệu quả. Hàng năm cơ quan Quân sự huyện đều tham mưu và tổ chức thành công các đợt diễn tập khu vực phòng thủ, đáp ứng yêu cầu bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Công tác gọi công dân nhập ngũ, xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ, giáo dục quốc phòng, an ninh hàng năm đều đạt chỉ tiêu. Lực lượng dự bị động viên được quản lý và huấn luyện bảo đảm quân số.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức, góp phần tạo sự chuyển biến rõ nét về ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có sự chuyển biến

đáng kể. Công tác thanh tra được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc. Công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm, thực hiện theo quy định của pháp luật. Một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp tồn đọng kéo dài và một số vụ việc bức xúc khác có liên quan đến đất đai, chế độ chính sách được giải quyết, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và quyền lợi của công dân.

Bộ máy chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở đã nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ quản lý xã hội và phục vụ nhân dân. Chất lượng hoạt động và nội dung các kỳ họp của Hội đồng nhân dân hai cấp được nâng lên, kịp thời thể chế hoá các nghị quyết của cấp ủy đảng. Công tác giám sát được tăng cường và triển khai trên nhiều lĩnh vực. Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cán bộ, công chức, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực thi công vụ được tăng cường. Cơ chế “một cửa” được áp dụng, bước đầu đạt được một số kết quả. Công tác thi đua, khen thưởng có nhiều tiến bộ, động viên được phong trào thi đua yêu nước của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Công tác phòng, chống tham nhũng được triển khai thực hiện tích cực.

Ngày 20-5-2007, cử tri huyện Đức Phổ cùng với cử tri trong tỉnh và cử tri cả nước tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII, nhiệm kỳ 2007-2012¹. Cuộc bầu cử diễn ra an toàn, đúng luật, thực sự là ngày hội của toàn dân.

1. Sau này, Quốc hội điều chỉnh nhiệm kỳ khóa XII kết thúc vào tháng 5-2011.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có những chuyển biến đáng kể, phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Mặt trận Tổ quốc các cấp trong huyện tiếp tục phát huy vai trò trung tâm đoàn kết các tầng lớp nhân dân tham gia có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. “Quỹ vì người nghèo” của huyện tiếp tục được đồng đảo các tầng lớp nhân dân trong huyện, bà con quê hương Đức Phổ đang sinh sống, học tập ở các địa phương trong cả nước đóng góp. Đến năm 2010, toàn huyện xây mới, sửa chữa được 259 nhà đại đoàn kết.

Công đoàn huyện tích cực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, thu hút được ngày càng nhiều công nhân, người lao động vào tổ chức công đoàn. Các phong trào “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ giữ nước” ngày càng trở thành phong trào rộng lớn trong các tầng lớp thanh niên. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp trong huyện tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con tốt, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Hội Nông dân huyện tích cực vận động nông dân thi đua lao động sản xuất, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, xóa đói, giảm nghèo. Nông thôn huyện Đức Phổ ngày càng đổi mới và tiến bộ nhờ các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là điện, giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế được đầu tư xây dựng. Hội Cựu chiến binh các cấp tích cực tham gia phong trào xóa đói, giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế, xây dựng gia đình văn hóa, ông bà, cha mẹ mẫu mực; đồng thời tích cực tham gia xây

dụng, bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục thế hệ trẻ, giải quyết các vụ việc phức tạp ở địa phương, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Tuy vậy, trong bối cảnh tình hình trong nước, trong tỉnh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng chính quyền và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân vẫn còn một số khuyết điểm, hạn chế. Một số loại tội phạm như ma túy, trộm cắp, cướp giật tài sản, cố ý gây thương tích chưa giảm. Tai nạn giao thông chưa được kiềm chế. Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Nội dung hoạt động của Mặt trận, các hội, đoàn thể nhân dân có lúc, có nơi chưa bám sát nhiệm vụ chính trị, chậm đổi mới nội dung, phương thức tập hợp quần chúng, chưa tạo ra phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ trong hội, đoàn viên.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, Huyện ủy thường xuyên quan tâm công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được các cấp ủy đảng triển khai sâu rộng, tạo được chuyển biến rõ nét về nhận thức và bước đầu tạo chuyển biến trong việc làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy tích cực phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia sự kiện biểu tình chiếm Huyện đường Đức Phổ ngày 8-10-1930 và mítting kỷ niệm 80 năm Ngày diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng này.

Công tác tổ chức, cán bộ có chuyển biến tích cực. Hệ thống tổ chức đảng tiếp tục được củng cố và kiện toàn. Đến cuối năm 2009, Đảng bộ huyện Đức Phổ có 3.229 đảng viên, sinh hoạt ở 63 chi bộ, đảng bộ. Qua đánh giá, xếp loại đảng viên, tổ chức cơ sở đảng, toàn đảng bộ có 71,5% tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 77,63%. So với năm 2005, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ tăng, không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã, thị trấn được quan tâm đúng mức. Trong 5 năm 2005-2010, toàn Đảng bộ có trên 500 lượt cán bộ, công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, trong đó có trên 150 cán bộ xã, thị trấn được đào tạo đạt trình độ trung cấp quản lý kinh tế và trung cấp hành chính. Một số cán bộ, công chức được cử đi học các lớp đại học văn bằng 2 và sau đại học. Công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên được các cấp ủy, chi bộ quan tâm. Trong 5 năm, toàn Đảng bộ huyện kết nạp được 462 đảng viên.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực hiện thành công chủ trương thí điểm Bí thư đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ở Phổ An và đại hội bầu trực tiếp Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy ở Phổ Thạnh.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từng bước đi vào nền nếp. Hàng năm, các tổ chức đảng cơ sở đều xây dựng, ban hành chương trình kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và

ủy ban kiểm tra các cấp. Ngoài việc kiểm tra chấp hành Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tập trung thẩm tra, xác minh, giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đảng viên và tổ chức đảng; phát hiện và xử lý kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng vi phạm. Trong 3 năm 2006-2009, toàn Đảng bộ có 59 đảng viên bị thi hành kỷ luật, trong đó có 6 người bị khai trừ khỏi Đảng.

Tuy đạt được nhiều kết quả nhưng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong 5 năm 2005-2010 của Đảng bộ huyện vẫn còn một số hạn chế. Công tác tổ chức quán triệt và thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị của cấp trên còn chậm. Một số cấp ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết chưa kịp thời, nội dung chưa thật sát hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị. Một bộ phận nhân dân còn có biểu hiện thiếu tin tưởng đối với sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp ở một số lĩnh vực, công việc cụ thể. Việc làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân chuyển biến chậm.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong huyện tuy từng bước được nâng cao nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Trình độ, năng lực, cơ cấu đội ngũ cán bộ chưa tương xứng, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới. Công tác quy hoạch, đào tạo chưa thật sự vững chắc. Cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ được đào tạo chính quy còn ít. Một bộ phận cán bộ còn yếu kém cả về trình độ chuyên môn và năng lực công tác, thiếu chủ động, sáng tạo trong công việc, tinh thần phục vụ nhân dân, tính tiên phong, gương mẫu, kỷ luật, kỷ cương chưa cao. Công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên chưa

thật chính xác, có lúc còn nặng về thành tích. Công tác phát triển đảng viên mới ở nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Công tác kiểm tra, giám sát ở một số cấp uỷ đảng cơ sở chưa được chú trọng đúng mức, chưa được tiến hành thường xuyên. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của các cấp uỷ đảng với thanh tra của các cấp chính quyền chưa chặt chẽ, giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền còn chậm. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ về việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Huyện uỷ tập trung xây dựng kế hoạch và chỉ đạo Đại hội các chi bộ, đảng bộ trực thuộc huyện uỷ.

Sau khi hoàn thành Đại hội các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, từ ngày 11-8 đến ngày 13-8-2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2010-2015, được tổ chức tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện. Tham dự Đại hội có 225 đại biểu. Đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Bí thư Tỉnh uỷ và đại diện lãnh đạo các ban Đảng của Tỉnh uỷ đã về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII và đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2015 là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của huyện, tranh thủ thời cơ, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài huyện để đầu tư phát triển. Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo

hướng bền vững; bảo đảm an sinh xã hội; xây dựng huyện ổn định về chính trị, giàu về kinh tế, tiến bộ về xã hội, vững mạnh về quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2015, thị trấn Đức Phổ đạt các tiêu chí của đô thị loại IV và trở thành thị xã trực thuộc tỉnh"¹.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015 gồm: Phấn đấu đạt mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm 21%. Giá trị sản xuất bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 35 triệu đồng/năm. Sản lượng lương thực năm 2015 đạt 55.000 tấn. Độ che phủ của rừng đạt 35%. Sản lượng thủy sản đạt 60.000 tấn. Sản lượng muối ráo đạt 10.000 tấn. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm đạt 11.000 tỷ đồng. Giải quyết và tạo thêm việc làm mỗi năm trên 5.000 lao động. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 2 - 3%. Giữ vững, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; có 8 trường mầm non, 19 trường tiểu học, 14 trường trung học cơ sở, 2 trường trung học phổ thông đạt trường chuẩn quốc gia. Xây dựng 2 đến 3 xã đạt các tiêu chí của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng đạt chuẩn văn hoá hàng năm: hộ gia đình: từ 85% đến 90%; thôn, tổ dân phố: từ 70 đến 80%; cơ quan, trường học: từ 95% đến 100%; xã văn hóa: từ 3 đến 5 xã. Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,9%. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 12%. Tất cả các xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%. Hoàn thành các chỉ tiêu

1. Đảng bộ huyện Đức Phổ: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX*, tr.25.



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ X
nhiệm kỳ 1976-1979



Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XI
nhiệm kỳ 1979-1982



Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XII
nhiệm kỳ 1982-1986



Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XV (vòng 2),
nhiệm kỳ 1992-1996



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ khóa XVI
nhiệm kỳ 1996-2000



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ khóa XVII
nhiệm kỳ 2000-2005



Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ khoá XVIII
nhiệm kỳ 2005-2010



Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Phổ lần thứ XIX
nhiệm kỳ 2010-2015

về quốc phòng, an ninh. Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đạt từ 75% trở lên, không có tổ chức đảng yếu kém. Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt trên 80%. Bình quân mỗi năm kết nạp 100 đảng viên mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Phổ khóa XIX, nhiệm kỳ 2010-2015, gồm 45 đồng chí, Ban Thường vụ có 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đình tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy. Đồng chí Huỳnh Quý và đồng chí Lê Văn Mùi tiếp tục được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

*

* *

Trong 5 năm 2005-2010, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã tận dụng thời cơ, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng với nhịp độ khá cao, cơ cấu chuyển dịch tích cực và đúng định hướng, nhiều chỉ tiêu đạt khá. Ba vùng kinh tế động lực được hình thành ngày càng rõ nét. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của đô thị loại IV và các vùng kinh tế động lực được đầu tư xây dựng. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt nhiều tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể. Quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên. Mặt trận, các hội đoàn thể đã tập hợp, vận động quần chúng thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Công tác xây dựng Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng. Đảng bộ đoàn kết, thống nhất tập trung lãnh đạo huyện phát triển nhanh và bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình

thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII trên một số lĩnh vực vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Tầng trưởng kinh tế chưa bền vững, chưa tạo được bước đột phá về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp chưa có sự chuyển dịch rõ nét trong cơ cấu. Công tác quy hoạch, xây dựng còn nhiều yếu kém. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và trong những năm tới. Sự phát triển của các thành phần kinh tế còn hạn chế. Tài nguyên sử dụng chưa hợp lý. Môi trường đứng trước nguy cơ bị ô nhiễm. Chất lượng giáo dục, văn hóa, y tế còn nhiều hạn chế. Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết kịp thời. Đời sống của một bộ phận nhân dân ở nông thôn còn nhiều khó khăn. Trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động của Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể nhân dân vẫn còn những tồn tại, hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Với những kết quả đạt được trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và những kinh nghiệm tích lũy được sau gần 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ phấn khởi, vững tin bước vào thời kỳ phát triển mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đã đề ra.

KẾT LUẬN

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với sự kiện giải phóng huyện Đức Phổ ngày 23-3-1975, lịch sử Đảng bộ huyện mãi mãi khắc ghi một sự kiện trọng đại, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt, đưa quê hương Đức Phổ bước vào một thời kỳ lịch sử mới cùng tỉnh Quảng Ngãi và cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc. Chặng đường 35 năm (1975-2010) là một quá trình phấn đấu vượt qua nhiều gian lao, thử thách và trưởng thành về hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Với hào khí của quê hương giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Phổ đã tiếp tục làm rạng danh vùng địa linh, nhân kiệt, nơi sinh thành và nuôi dưỡng Đảng bộ Quảng Ngãi trong những ngày đầu thành lập.

Là một bộ phận của lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ 35 năm (1975-2010) đã trải qua những thời kỳ sôi động, với 3 chặng đường chủ yếu.

Từ tháng 3-1975 đến Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (tháng 10-1976), Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh do đế quốc Mỹ và tay sai để lại. Chế độ cũ tuy đã

bị tan rã, nhưng an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện chưa ổn định. Bọn phản động ngoan cố vẫn ngấm ngấm hoạt động chống phá chính quyền cách mạng. Hàng vạn đồng bào chưa có chỗ ở ổn định. Ruộng đất hoang hóa, bom mìn, vật liệu nổ chưa được tháo gỡ. Đời sống cán bộ, nhân dân khó khăn, thiếu thốn. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ từ điều kiện chiến tranh chuyển sang hòa bình, xây dựng quê hương còn có mặt hạn chế về trình độ, năng lực quản lý, điều hành.

Phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết, thống nhất cao, ngay sau ngày giải phóng, Đảng bộ huyện đã xác định đúng đắn các nhiệm vụ chủ yếu, đề ra các biện pháp sát thực với tình hình, ứng phó kịp thời với những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, tập trung khắc phục nhanh chóng hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình chính trị, đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân trong huyện. Nhờ các biện pháp chỉ đạo, lãnh đạo khôn khéo, quyết liệt nên chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn huyện đã trở lại bình thường. Hệ thống chính quyền cách mạng từ huyện đến cơ sở được thiết lập và củng cố, vừa thực hiện chức năng truy quét, trấn áp bọn phản động, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vừa giải quyết kịp thời về chỗ ở, việc làm, đời sống, không để nạn đói và dịch bệnh xảy ra.

Cùng với lãnh đạo xây dựng, củng cố chính quyền, Đảng bộ hết sức coi trọng phát động nhân dân tổ chức các phong trào hành động cách mạng trong lao động, sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Chưa đầy một năm sau ngày giải phóng, hàng vạn dân từ các khu dồn đã được chính quyền cách mạng tạo điều kiện trở về quê cũ làm ăn, sinh sống. Hàng chục nghìn ngôi nhà được sửa chữa, làm

mới để nhân dân có chỗ ở ổn định. Ruộng đất được khai hoang, phục hóa đưa vào sản xuất. Hồ đập, kênh mương thủy lợi được tu bổ lấy nước phục vụ sản xuất. Ngư nghiệp, diêm nghiệp và các cơ sở tiểu thủ công nghiệp được khôi phục hoạt động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giáo dục phổ thông, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân dưới chế độ mới được xác lập. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng được tập trung chỉ đạo thực hiện đạt nhiều kết quả.

Từ Đại hội lần thứ X (tháng 10-1976) đến Đại hội lần thứ XIII (tháng 9-1986) là thời kỳ Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Cụ thể hóa đường lối phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội do Đảng ta đề ra, từ cuối năm 1977 đến năm 1985, Đảng bộ, quân và dân huyện Đức Phổ đã dấy lên nhiều phong trào cách mạng rất mạnh mẽ, sôi nổi, đều khắp các địa phương, cơ sở nhằm xây dựng huyện mạnh về chính trị, giàu về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh, lành mạnh, tiến bộ về văn hóa, xã hội. Đức Phổ vinh dự là địa phương được tỉnh chọn làm thí điểm cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trên lĩnh vực nông nghiệp, trọng tâm là xóa bỏ hoàn toàn chế độ sở hữu tư nhân về ruộng đất và công cụ sản xuất chủ yếu, đưa phần lớn nông dân vào làm ăn tập thể. Với sự nỗ lực to lớn của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, đến cuối năm 1980, huyện Đức Phổ cơ bản hoàn thành hợp tác hóa, đưa hơn 96% hộ nông dân, 92% diện tích ruộng đất và 93% công cụ sản xuất chủ yếu vào hợp tác xã. Nhiều công trình, chương trình kinh tế - xã hội tiêu biểu, nổi bật, biểu trưng

cho sự ưu việt của chế độ mới, của sức mạnh nhân dân và sức lực con người đã ra đời trong thời kỳ này như công trình thủy lợi Liệt Sơn, Huân Phong, Sở Hâu; khai hoang, phục hóa ruộng đất, nhất là vùng đất rộng lớn phía tây huyện, hình thành Nông trường 24/3; đưa hàng ngàn hộ dân xây dựng vùng kinh tế mới trong và ngoài huyện, v.v.....

Để từng bước chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, Đảng bộ đã sớm xác định được các biện pháp nhằm thực hiện quan điểm của Đảng coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Gắn với quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, Đảng bộ đã thực hiện tăng cường hiệu lực quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với cơ chế mới và đáp ứng nguyện vọng của hội viên, đoàn viên.

Chặng đường tiếp theo là 25 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-2010). Đây là chặng đường Đảng bộ có nhiều nỗ lực vượt bậc trong việc đề ra các chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phấn đấu đưa huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh vào năm 2015. Sự trưởng thành của Đảng bộ trong chặng đường này đã để lại nhiều dấu ấn lịch sử. Diện mạo đời sống của quê hương Đức Phổ không ngừng khởi sắc, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm kinh tế phía nam của tỉnh. Dấu ấn nổi bật nhất là cùng với sự phát triển chung của tỉnh và cả nước, cơ cấu kinh tế huyện Đức Phổ chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ

trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế giảm nhanh đến năm 2010 chỉ còn 25,5%. Nông nghiệp đã cơ bản được cơ giới hóa, thủy lợi hóa, điện khí hóa. Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang trong quá trình hình thành và phát triển như Phố Phong, Sa Huỳnh, Đồng Làng. Các loại hình dịch vụ, nhất là du lịch được đầu tư kết cấu hạ tầng, bước đầu hình thành được các điểm hấp dẫn du khách. Chuỗi đô thị Sa Huỳnh (Phổ Thạnh), thị trấn Đức Phổ, Trà Câu (Phổ Văn), Vạn Lý (Phổ Phong) đã được kết nối, trở thành điểm nhấn quan trọng trong quá trình đô thị hóa, hướng tới mục tiêu sớm đưa huyện Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV và là thị xã trực thuộc tỉnh.

Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Phổ trong 35 năm còn được ghi nhận về sự trưởng thành, lớn mạnh của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng. Từ chỗ năm 1975, Đảng bộ chỉ có hơn 1.100 đảng viên, đến năm 2010 toàn Đảng bộ đã có trên 2.900 đảng viên. Đây là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước thành các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đưa Đức Phổ từ một huyện bị chiến tranh tàn phá nặng nề đang trở thành huyện có tốc độ đô thị hóa cao. Từ năm 1975 đến năm 2010, Đảng bộ huyện tổ chức 8 kỳ đại hội. Mỗi kỳ đại hội là một bước trưởng thành, vững mạnh về tổ chức và năng lực lãnh đạo thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, đường lối của Đảng vào thực tiễn của địa phương. Đại hội cũng là nơi quy tụ sự đoàn kết, phát huy trí tuệ, thống nhất về ý chí và hành động của Đảng bộ và nhân dân trong huyện hướng tới mục tiêu xây dựng Đức Phổ trở thành huyện có kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng, an ninh vững mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ đạt được

trong 35 năm qua bắt nguồn từ sự nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ trong việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước thành các chương trình, đề án, dự án của Đảng bộ, chính quyền các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, từ sức mạnh đoàn kết gắn bó bền chặt giữa Đảng với dân, giữa quân, dân với Đảng. Thành tựu đó còn bắt nguồn từ truyền thống yêu nước và cách mạng, tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân được khẳng định qua nhiều năm tháng thử thách cam go, quyết liệt.

Tổng kết chung cả chặng đường lịch sử 35 năm (1975-2010) thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng bộ huyện Đức Phổ đã rút ra một số kinh nghiệm quý báu:

Một là, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ phải luôn luôn tin tưởng, quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, đồng thời vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối đó sát hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương.

Đường lối cách mạng của Đảng ta là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng của Đảng đã chỉ đường, dẫn dắt dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Do đó, việc học tập, quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng huyện Đức Phổ kể từ ngày thành lập đến nay.

Phát huy truyền thống, đúc rút bài học kinh nghiệm này trong cách mạng dân tộc, dân chủ và trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược trong thế kỷ XX, từ sau năm 1975 bài học kinh nghiệm này càng được phát huy cao độ và đạt được nhiều kết quả to lớn.

Đức Phổ là một địa phương bị chiến tranh tàn phá nặng

nê. Có những thời điểm ở Đức Phổ có cả cấp lữ đoàn lính Mỹ đóng quân ở Gò Hội, khu hậu cần Phổ Vinh. Chúng thường xuyên sử dụng các loại bom, pháo, chất độc hóa học đánh phá. Nhiều vùng nông thôn trở thành vành đai trắng. Hàng vạn dân phải tản cư, bị đưa vào các khu đồn, ấp chiến lược. Tuy nhiên, nhờ quán triệt và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 24 khóa IV (tháng 9-1975) nên chỉ trong một thời gian ngắn sau giải phóng, Đảng bộ huyện đã đề ra những quyết sách lớn, nhanh chóng ổn định tình hình ở địa phương trên các mặt: xoá bỏ chính quyền cũ, trấn áp bọn phản động chống phá chính quyền cách mạng non trẻ, thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc đối với những người tham gia chế độ cũ, kêu gọi đồng bào tản cư về lại quê hương, lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Nhờ đó, Đức Phổ là một trong những địa phương tự trang trải được lương thực, thực phẩm, ít phải xin trợ cấp của Trung ương và của tỉnh.

Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, Đảng bộ đã vận dụng, thực hiện đúng đắn đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV của Đảng đề ra, nhất là chủ trương xây dựng hợp tác xã, khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đức Phổ là một trong những huyện được tỉnh chọn làm điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp trong thời kỳ đầu sau giải phóng. Nhờ phát huy được tác dụng của hợp tác xã và ý chí tự lực, tự cường của Đảng bộ và nhân dân, nhiều sáng kiến mới, cách làm hay được vận dụng vào thực tiễn như kỹ thuật sạ lúa, đối lưu hàng hóa trong đầu những năm 1980, nhiều công trình thủy lợi được xây dựng góp phần làm thay đổi diện mạo đời sống nông thôn và nông nghiệp của huyện

như đập Sở Hữu (Phổ Nhơn), Liệt Sơn (Phổ Hòa), Huân Phong (Phổ Cường), trạm bơm Diên Trường và nhiều công trình kinh tế - xã hội khác phục vụ sản xuất và đời sống.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhờ nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, Đảng bộ huyện Đức Phổ đã lãnh đạo nhân dân tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, thủ thách đưa phong trào cách mạng của huyện tiếp tục phát triển. Nét nổi bật là Đảng bộ luôn coi trọng và đề ra nhiệm vụ, giải pháp hàng đầu là trong từng bước phát triển là phải đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với quá trình đô thị hóa, phát triển văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, không thụ động, trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ của Trung ương và của tỉnh, Đảng bộ đã đề ra và thực hiện tốt nhiều chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa như xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp, làng nghề Sa Huỳnh, Phổ Phong, Đồng Làng, chuỗi đô thị Sa Huỳnh, thị trấn Đức Phổ, Trà Câu, Vạn Lý; đưa các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, v.v..

Quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, đồng thời vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối đó sát hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương là một trong những kinh nghiệm quý báu, làm nên những thành tựu to lớn trên quê hương Đức Phổ sau 35 năm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, cũng có lúc, có nơi, có những thời điểm, Đảng bộ chưa quán triệt đầy đủ tinh thần chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện đường lối của Đảng, nóng

vội, chủ quan trong cải tạo nông nghiệp, đề ra một số chỉ tiêu vượt quá khả năng thực tế. Đức Phổ là huyện giàu tiềm năng về đất đai và lao động, có thể mạnh phát triển lâm nghiệp, ngư nghiệp, thương mại, du lịch nhưng các tiềm năng, thế mạnh đó chưa được khai thác, phát huy có hiệu quả.

Hai là, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ luôn luôn coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, nhất là đoàn kết trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy.

Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, gắn bó chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân đã trở thành quy luật phát triển của Đảng. Đặc biệt đối với Đảng bộ huyện Đức Phổ, vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, gắn bó chặt chẽ giữa Đảng bộ với nhân dân là một trong những truyền thống tốt đẹp được xây dựng và giữ gìn ngay từ những ngày đầu thành lập chi bộ đầu tiên (tháng 3-1930).

Với vai trò là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện các phong trào cách mạng của nhân dân, nên mọi thắng lợi, thành tựu đạt được trong mấy thập kỷ qua đều gắn với trách nhiệm của Đảng bộ. Trong bối cảnh mới với những nhiệm vụ chính trị mới, truyền thống đoàn kết, thống nhất trong đảng, gắn bó chặt chẽ giữa Đảng với nhân dân vẫn luôn luôn được Đảng bộ nâng niu, gìn giữ và phát huy hiệu quả, nhất là những lúc phong trào cách mạng trong huyện gặp khó khăn, thử thách. Những năm 80, 90 của thế kỷ XX, trong bối cảnh nước ta bị thiên tai dồn dập, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bao vây, cấm vận, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã, đời sống cán bộ, nhân dân trong huyện gặp muôn vàn khó khăn, nhưng nhờ đoàn kết nội bộ tốt, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân từng bước tháo gỡ khó khăn, ổn định cuộc sống.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên là gốc của mọi công việc, là cơ sở, nền tảng cho Đảng luôn luôn giữ vững vai trò tiên phong, lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Vì lẽ đó, để đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ phát triển, đòi hỏi Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao trình độ, trí tuệ, bản lĩnh chính trị, có sức thuyết phục, tập hợp, lôi cuốn nhân dân tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương. Kinh nghiệm 35 năm lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ huyện cho thấy thời kỳ nào Đảng bộ huyện coi trọng công tác cán bộ, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ có phẩm chất, năng lực, phù hợp với khả năng, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị thì thời kỳ đó phong trào cách mạng của huyện đi lên, nội bộ đoàn kết, quan hệ giữa Đảng với nhân dân gắn bó.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy có đầy đủ phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực nhận thức, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào chỉ đạo thực tiễn, đặc biệt là khả năng quy tụ, đoàn kết, tinh thần thương yêu đồng chí, đồng bào, hết lòng, hết sức phục vụ lợi ích chung.

Tuy vậy, cũng cần phải thừa nhận một thực tế là, chuyển từ thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc sang thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội nên nội dung, phương thức để giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, gắn bó chặt chẽ giữa Đảng bộ với nhân dân đã có những thay đổi, nhưng có những thời điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ chưa theo kịp được yêu cầu đó. Vì vậy, trong một số thời điểm, ở một số cán bộ, đảng viên, kể cả trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo đã nảy sinh tư tưởng cá nhân, cục bộ, bản vị, sa sút phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, chưa quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận.

Những biểu hiện đó đã làm ảnh hưởng đến các giá trị truyền thống của Đảng bộ, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, ảnh hưởng đến phong trào cách mạng của huyện.

Ba là, chỉ đạo, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện một cách toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm và bước đi thích hợp; phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực; gắn phát triển kinh tế với chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Bài học kinh nghiệm này xuất hiện và được khẳng định trong thực tiễn những năm Đảng bộ tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là tại thời điểm phấn đấu đưa huyện đạt các tiêu chí trở thành thị xã trực thuộc tỉnh.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình đổi mới toàn diện tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo đường lối của Đảng là quá trình thực hiện và gắn kết chặt chẽ các yếu tố, trong đó phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Trong các văn kiện của các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện từ năm 2000 đến năm 2010 đã từng bước thể hiện các quan điểm đó. Trong chỉ đạo thực hiện, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề ra các chủ trương, giải pháp cụ thể, đáp ứng được yêu cầu của tình hình thực tiễn. Với việc đề ra và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy, trong hai nhiệm kỳ liên tiếp (2000-2010), diện mạo đời sống kinh tế trong những năm đầu đầy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã có nhiều khởi sắc. Hầu hết các trục giao thông chính được nhựa hóa, cứng hóa. Điện lưới quốc gia được phủ kín tất cả các khu dân cư, kể cả vùng sâu, vùng xa. Các cụm công nghiệp, làng nghề,

các khu đô thị từng bước được hình thành, tạo động lực mới trong sản xuất, kinh doanh. Sự nghiệp văn hóa đạt được nhiều thành tựu mới. Đức Phổ là huyện đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi được công nhận xóa mù chữ trước thời hạn, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Hệ thống y tế được tăng cường, với 100% các trạm y tế xã, thị trấn đều có bác sỹ; có bệnh viện đa khoa khu vực phía nam của tỉnh và bệnh xá Đặng Thùy Trâm. Toàn huyện được phủ sóng phát thanh, truyền hình, 95% số hộ có phương tiện nghe nhìn. Chính trị, xã hội trên địa bàn huyện được ổn định. Tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ được củng cố, tăng cường.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta, tỉnh Quảng Ngãi nói chung, huyện Đức Phổ nói riêng đang tiếp tục diễn ra trong bối cảnh vừa có thời cơ, vận hội mới, vừa có những khó khăn, thách thức không nhỏ. Những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy được trong 35 năm (1975-2010) xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đức Phổ sẽ là hành trang quý báu trên con đường xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, trước mắt là phấn đấu đạt được mục tiêu xây dựng huyện Đức Phổ trở thành thị xã trực thuộc tỉnh vào năm 2015.

PHỤ LỤC

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá IX, 12-1974 - 10-1976)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Tiến Cửa	Bí thư
2	Phan Minh Nga	Bí thư (bầu bổ sung)
3	Võ Công Cự	Phó Bí thư
4	Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Trương Lai (Liểu)	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Thị Phải	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Trần Nguyên Trang	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Hồ Quyết Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
10	Huỳnh Thanh Mười	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Thanh Sâm	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Huỳnh Văn Lệ	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Thạch Cảnh Thêu	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Hữu Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Trần Bé	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Thới Thị Huệ	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Thị Doãn	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Huỳnh Văn Lập	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Võ Thị Mai	Ủy viên Ban Chấp hành

21	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Đoàn Vinh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Trương Đình Đàm	Ủy viên dự khuyết
25	Phạm Đông Hưng	Ủy viên dự khuyết
26	Lê Thị Cường	Ủy viên dự khuyết
27	Tạ Thị Thủy	Ủy viên dự khuyết

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá X, 10-1976 - 6-1979)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thuyên	Quyền Bí thư
2	Võ Công Cự	Phó Bí thư
3	Bùi Huy Thọ	Phó Bí thư
4	Nguyễn Đức Tùng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Huỳnh Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trương Liễu (Lai)	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Lợi	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Trương Đình Đàm	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Tấn Tuỳ	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Trần Ngọc Tài	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Thới Thị Huệ	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Đức Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Trung Châu	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Huỳnh Văn Lập	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Liêm	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Đoàn Vinh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành

22	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Võ Minh Châu	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)
24	Huỳnh Thị Nam	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)
25	Nguyễn Thị Phải	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)
26	Cao Văn Tư	Ủy viên dự khuyết
27	Nguyễn Thành Long	Ủy viên dự khuyết

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ
(Khoá XI, 6-1979 - 10-1982)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thuyên	Bí thư
2	Nguyễn Đức Tùng	Phó Bí thư
3	Bùi Huy Thọ	Phó Bí thư
4	Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Huỳnh Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Võ Minh Châu	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trương Liễu	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Thị Phải	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Huỳnh Văn Lập	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Trần Ngọc Trinh	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Tấn Tuỳ	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Thành Long	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Huỳnh Minh Lý	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Trần Vinh Hiến	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Hai	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Võ Văn Tổng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Phạm Ngọc Anh	Ủy viên Ban Chấp hành

22	Trần Ngọc Tài	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Xuân Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Trần Ngọc Lan	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Cao Văn Lệ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Trung Châu	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Lê Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lê Bôn	Ủy viên dự khuyết
31	Nguyễn Văn Đầy	Ủy viên dự khuyết

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá XII, 11-1982 - 9-1986)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Tùng Vi	Bí thư
2	Nguyễn Đức Lợi	Phó Bí thư
3	Nguyễn Tấn Tuỳ	Phó Bí thư
4	Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Huỳnh Văn Lập	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Cao Văn Lệ	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đỗ Ngọc Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trần Nguyên Trọng	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Huỳnh Minh Lý	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung tháng 8-1984)
11	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung tháng 8-1984)
12	Nguyễn Sứ	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trần Vinh Hiến	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Phạm Đông Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Văn Hai	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Đoàn Vinh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Trần Ngọc Trinh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Tạ Thị Thuý	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Thanh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành

20	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Tạ Mỹ Ba	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Xuân Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Trần Ngọc Lan	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Trần Văn Thường	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Võ Văn Tổng	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Lê Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Thị Cho	Ủy viên dự khuyết
33	Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên dự khuyết
34	Nguyễn Thị Cường	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung tháng 5-1984)

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY
(KHÓA IX - XIX)



Đồng chí Đỗ Tiến Của
Bí thư Huyện ủy
(1974-1975)



Đồng chí Phan Minh Nga
Bí thư Huyện ủy
(1975-1976)



Đồng chí Lê Thuần
Bí thư Huyện ủy
(1976-1982)



Đồng chí Vũ Tùng Vi
Bí thư Huyện ủy
(1982-1986)



Đồng chí Nguyễn Đức Lợi
Bí thư Huyện ủy
(1986-1992)



Đồng chí Nguyễn Đức Tâm
Bí thư Huyện ủy
(1992 - 6-1996)



Đồng chí Cao Văn Lệ
Bí thư Huyện ủy
(6-1996 - 4-2003)



Đồng chí Lê Quang Thích
Bí thư Huyện ủy
(4-2003 - 2005)



Đồng chí Hoàng Quốc Vệ
Bí thư Huyện ủy
(2005-2008)



Đồng chí Nguyễn Đình
Quyền Bí thư Huyện ủy
(3-2008 - 2009)
Bí thư Huyện ủy
(3-2009 - 3-2013)



Đồng chí Huỳnh Quý
Bí thư Huyện ủy
(từ tháng 5-2013 đến nay)

CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ỦY
(KHÓA IX-XIX)



Đồng chí Võ Công Cự
Phó Bí thư Huyện ủy
(1974-1979)



Đồng chí Bùi Huy Thọ
Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
(1976-1982)



Đồng chí Nguyễn Đức Tùng
Phó Bí thư Huyện ủy
(1979-1982)



Đồng chí Nguyễn Đức Lợi
Phó Bí thư Huyện ủy
(1982 - 9-1986)



Đồng chí Nguyễn Tấn Tuyền
Phó Bí thư Huyện ủy
(1982 - 9-1986)



Đồng chí Nguyễn Đức Tâm
Phó Bí thư Huyện ủy
(1986-1992)



Đồng chí Huỳnh Minh Lý
Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
(1986-1989)



Đồng chí Phạm Đông Hưng
Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
(1989-1996)



Đồng chí Cao Văn Lê
Phó Bí thư Huyện ủy
(1992 - 4-1996)



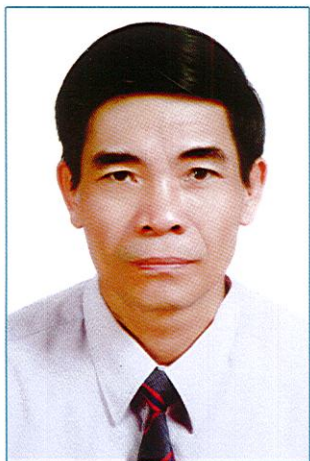
Đồng chí Tạ Mỹ Ba
Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
(1996-2003)



Đồng chí Nguyễn Thanh Tâm
Phó Bí thư Huyện ủy
(4-1996 - 2005)



Đồng chí Phạm Xuân Hùng
Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện,
(5-2003 - 2008)



Đồng chí Nguyễn Đình
Phó Bí thư Huyện ủy
(2005-2008)



Đồng chí Huỳnh Quý
Phó Bí thư Huyện ủy
(3-2009 - 5-2013)



Đồng chí Lê Văn Mùi
Phó Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện
(từ năm 2008 đến nay)



Đồng chí Nguyễn Văn Thành
Phó Bí thư Huyện ủy
(từ tháng 5-2013 đến nay)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá XIII, 9-1986 - 8-1989)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Lợi	Bí thư
2	Nguyễn Đức Tâm	Phó Bí thư
3	Huỳnh Minh Lý	Phó Bí thư
4	Nguyễn Xuân Hà	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Cao Văn Lê	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đỗ Ngọc Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Hoàng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Huỳnh Văn Lập	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Văn Hai	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Phạm Đông Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trần Vinh Hiến	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Thị Cường	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Võ Văn Tổng	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Huỳnh Chí Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành

22	Nguyễn Thanh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Trần Ngọc Trinh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Trần Ngọc Lan	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Lê Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Huỳnh Minh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Tạ Mỹ Ba	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Phạm Công	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Đoàn Đức Châu	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Sứ	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Tô Đình Phương	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Đình	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Trương Thị Thanh Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Trần Văn Thường	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Đoàn Vinh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Võ Duy Trinh	Ủy viên dự khuyết
39	Hồ Hữu Phúc	Ủy viên dự khuyết
40	Đỗ Tấn Tự	Ủy viên dự khuyết
41	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên dự khuyết
42	Nguyễn Văn Ký	Ủy viên dự khuyết
43	Phạm Siêng	Ủy viên dự khuyết
44	Trần Thị Xuân Phố	Ủy viên dự khuyết
45	Võ Xuân Tân	Ủy viên dự khuyết
46	Lê Văn Việt	Ủy viên dự khuyết
47	Nguyễn Xuân Thái	Ủy viên dự khuyết
48	Nguyễn Tấn Lập	Ủy viên dự khuyết

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ
(Khoá XIV, 8-1989 - 5-1992)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Lợi	Bí thư
2	Nguyễn Đức Tâm	Phó Bí thư
3	Phạm Đông Hưng	Phó Bí thư
4	Nguyễn Xuân Hà	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Cao Văn Lệ	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Huỳnh Văn Lập	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Tạ Mỹ Ba	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Tiến Sanh	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Đình	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trần Vinh Hiến	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Huỳnh Minh Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Ánh Dương	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Thiếu Quang Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Thanh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thận	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Phạm Siêng	Ủy viên Ban Chấp hành

22	Đỗ Tấn Tự	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Trương Thị Thanh Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Năm	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Lê Thị Cường	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Văn Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Phạm Công	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Sú	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Phạm Ngọc Anh	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Hoàng Chí Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Tuấn Mỹ	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Văn Hai	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Đoàn Đức Châu	Ủy viên dự khuyết
36	Lê Văn Mùi	Ủy viên dự khuyết
37	Trần Văn Thường	Ủy viên dự khuyết

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỔ
(Khoá XV, 5-1992 - 4-1996)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Tâm	Bí thư
2	Cao Văn Lệ	Phó Bí thư
3	Phạm Đông Hưng	Phó Bí thư
4	Tạ Mỹ Ba	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Thanh Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Lê Ánh Dương	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Tiến Sanh	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trần Văn Thường	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
12	Đỗ Tấn Tự	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Phạm Công	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Đình	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Năm	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Lê Văn Mùi	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Thiều Quang Vinh	Ủy viên Ban Chấp hành

21	Lê Thị Cường	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Phạm Siêng	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Thận	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Ngọc Ân	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Huỳnh Căn	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Huỳnh Phú Quý	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Ngô Thị Đường	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lê Minh Đức	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Trần Khắc Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Võ Hữu Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Huỳnh Chí Thắng	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung năm 1994)
35	Huỳnh Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung năm 1994)
36	Lê Trung Thu	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung năm 1995)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá XVI, 4-1996 - 11-2000)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Tâm	Bí thư
2	Cao Văn Lệ	Bí thư (bầu bổ sung năm 1996)
3	Tạ Mỹ Ba	Phó Bí thư
4	Nguyễn Thanh Tâm	Phó Bí thư (bầu bổ sung năm 1996)
5	Phạm Xuân Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Hoàng Nam Chu	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trần Văn Thường	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Lê Ánh Dương	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đỗ Tấn Tự	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Lê Trung Thu	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
13	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
14	Võ Duy Trinh	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
15	Nguyễn Đình	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Ngô Thị Đường	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Năm	Ủy viên Ban Chấp hành

18	Phạm Công	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Thiện	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Lê Thị Cường	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Võ Hữu Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Trần Khắc Kinh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Ngọc Ấn	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Huỳnh Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Huỳnh Căn	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lê Văn Mùi	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Huỳnh Quý	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Huỳnh Phú	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Đức Ngân	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Đức Kiệt	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Đặng Thanh Bình	Ủy viên Ban Chấp hành

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá XVII, 11-2000 - 11-2005)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Cao Văn Lệ	Bí thư
2	Lê Quang Thích	Bí thư (bầu bổ sung tháng 4-2003)
3	Nguyễn Thanh Tâm	Phó Bí thư
4	Tạ Mỹ Ba	Phó Bí thư
5	Phạm Xuân Hùng	Phó Bí thư (bầu bổ sung tháng 5-2003)
6	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Hoàng Quốc Vệ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Phạm Phú Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Võ Duy Trinh	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Lê Trung Thu	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Đình	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Đặng Thanh Bình	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
14	Nguyễn Đức Kiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Võ Hữu Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Văn Mùi	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Huỳnh Quý	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành

19	Trần Thực	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Ngô Thị Đường	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Huỳnh Phú	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Đức Ngân	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Trần Em	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Võ Văn Đính	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Võ Thanh Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Võ Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Thận	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Thị Hà Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lê Thị Cường	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Huỳnh Căn	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Huỳnh Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Thái Đức Thuận	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung năm 2003)
36	Nguyễn Thái Lan	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung tháng 2-2005)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá XVIII, 11-2005 - 2010)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Quốc Vệ	Bí thư
2	Nguyễn Đình	Bí thư (bầu bổ sung)
3	Phạm Xuân Hùng	Phó Bí thư
4	Huỳnh Quý	Phó Bí thư (bầu bổ sung)
5	Lê Văn Mùi	Phó Bí thư (bầu bổ sung)
6	Đặng Thanh Bình	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Võ Duy Trinh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Phạm Tấn Hoè	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Phạm Phú Lâm	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Huỳnh Âu	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Thái Lan	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
13	Trần Em	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
14	Nguyễn Cao Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
15	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
16	Nguyễn Thận	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên Ban Chấp hành

18	Nguyễn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Võ Văn Đỉnh	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Huỳnh Căn	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Thị Hà Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Đức Ngân	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Bườn	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Kỳ	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Bùi Thị Cẩm	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Văn Tám	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Văn Công	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Huỳnh Phú	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Huỳnh Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Võ Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Võ Thanh Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Võ Hữu Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Huỳnh Giới	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Võ Ngọc Ký	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Huỳnh Thị Bích Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Huỳnh Thị Yến Nguyệt	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Thái Đức Thuận	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Nguyễn Đức Ty	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)

43	Huỳnh Ngọc Trí	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)
44	Nguyễn Xuân Văn	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)
45	Nguyễn Thị Lệ Thúy	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC PHỐ
(Khoá XIX, 2010-2015)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đình	Bí thư
2	Huỳnh Quý	Bí thư (bầu bổ sung)
3	Lê Văn Mùi	Phó Bí thư
4	Nguyễn Văn Thành	Phó Bí thư (chỉ định)
5	Nguyễn Văn Đức	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Em	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Lam	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Thái Lan	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Cao Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Bươm	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Thái Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Nguyễn Đức Ty	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Nguyễn Văn Công	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Võ Văn Sáu	Ủy viên Ban Thường vụ
15	Nguyễn Thị Lệ Thuý	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
16	Trương Bình	Ủy viên Ban Thường vụ (bầu bổ sung)
17	Huỳnh Tiến Dũng	Ủy viên Ban Thường vụ (chỉ định)
18	Nguyễn Đức Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Võ Ngọc Ký	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Võ Thanh Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Kỳ	Ủy viên Ban Chấp hành

22	Nguyễn Văn Thái	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Huỳnh Ngọc Trí	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Xuân Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Phạm Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Văn Diệu	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Văn Hương	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Lê Văn Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Huỳnh Văn Sáu	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Duy Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Vũ Minh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Lê Thị Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Nguyễn Văn Cứ	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Huỳnh Tiến Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
37	Trần Thị Định	Ủy viên Ban Chấp hành
38	Võ Văn Đính	Ủy viên Ban Chấp hành
39	Huỳnh Văn Bằng	Ủy viên Ban Chấp hành
40	Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
41	Trần Quang Bích	Ủy viên Ban Chấp hành
42	Nguyễn Đệp	Ủy viên Ban Chấp hành
43	Lê Thanh Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
44	Trần Quang Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
45	Trần Ngọc Giàu	Ủy viên Ban Chấp hành
46	Võ Thị Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành
47	Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
48	Nguyễn Văn Bảy	Ủy viên Ban Chấp hành
49	Nguyễn Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành (bầu bổ sung)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
Chương I	
LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, TỪNG BƯỚC ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG (3-1975 – 1976)	11
I. Đúc Phổ sau ngày giải phóng, tiếp tục củng cố, xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, trấn áp bọn phản cách mạng	11
II. Từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định cuộc sống	20
Chương II	
TIẾP TỤC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TIẾN HÀNH CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, GÓP PHẦN BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 – 10-1982)	34
I. Tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định đời sống nhân dân	34
II. Củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	54

Chương III

KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, TIẾP TỤC CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, RA SỨC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, Củng CỐ CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG (10-1982 – 9-1986)

- | | |
|--|----|
| | 66 |
| I. Vượt qua khó khăn, thử thách, bước đầu thực hiện việc điều chỉnh cơ chế quản lý kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội | 66 |
| II. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, giữ vững quốc phòng, an ninh | 84 |

Chương IV

LÃNH ĐẠO TRIỂN KHAI ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ LỚN, TỪNG BƯỚC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG (1986-1990)

- | | |
|--|-----|
| | 98 |
| I. Khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng | 98 |
| II. Củng cố hệ thống chính trị, giữ vững trật tự an ninh phục vụ sự nghiệp đổi mới | 116 |

Chương V

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG KINH TẾ - XÃ HỘI, CẢI THIẾN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1991-1995)

- | | |
|---|-----|
| | 128 |
| I. Nỗ lực vượt qua khó khăn, khủng hoảng kinh tế - xã hội | 128 |

- II. Tăng cường công tác củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị các cấp vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới 142

Chương VI

TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000) 154

- I. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa 154
- II. Giữ vững ổn định chính trị, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị 168

Chương VII

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (2001-2005) 184

- I. Tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân 184
- II. Tiếp tục thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố quốc phòng, an ninh, vững vàng bước vào thế kỷ XXI 200

Chương VIII

ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN (2006-2010) 209

I. Tập trung thực hiện các chương trình kinh tế, tạo động lực phát triển trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội	209
II. Đẩy mạnh công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng, củng cố Đảng, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị	224
<i>Kết luận</i>	235
<i>Phụ lục</i>	247

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:

ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ

TRẦN THỊ THANH PHIỆT

ThS. VŨ VĂN NÂM

Thiết kế bìa:

MINH TRANG

Chế bản vi tính:

QUÂN ĐẠT

Đọc bản in:

HỒNG NHUNG

Đọc sách mẫu:

THANH PHIỆT - VĂN NÂM

3K1(V223)

Mã số:

CTQG-2014

In 1.030 cuốn, khổ sách 15 x 22 cm, in tại Công ty Cổ phần
sản xuất Thương mại Ngọc Châu.

Kế hoạch xuất bản số: 27-2014/CXB/248-60/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 4090-QĐ/NXBCTQG, ngày 08-01-2014.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2014.